

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	3
DANH MỤC HÌNH	5
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	7
Phần I: TỔNG QUAN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ.....	8
I. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI.....	8
II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, ĐỐI TƯỢNG XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2015.....	8
1. Mục đích.....	8
2. Các yêu cầu	9
3. Đối tượng thực hiện	9
III. CƠ CẤU CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2015	9
1. Nội dung điều chỉnh của Chỉ số CCHC năm 2015 so với năm 2014	9
2. Cơ cấu chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Đồng Nai.....	12
IV. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2015	15
1. Phương pháp xây dựng Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai	15
2. Thang điểm.....	17
3. Cách tính Chỉ số CCHC	17
V. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC NĂM 2015.....	18
1. Công tác chỉ đạo, triển khai xác định Chỉ số CCHC.....	18
2. Bước 1 - Tổ chức tự đánh giá chấm điểm.....	19
3. Bước 2 - Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá chấm điểm	19
4. Bước 3 - Công bố Chỉ số CCHC các cơ quan, đơn vị năm 2015	21
Phần II: KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2015	22
I. KHỐI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	22
1. Kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2015	22
2. So sánh Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành qua các năm 2015, 2014, 2013	26
3. Chỉ số lĩnh vực Chỉ đạo điều hành CCHC của các sở, ban, ngành năm 2015	32
4. Chỉ số lĩnh vực tham mưu Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các sở, ban, ngành năm 2015	45

5. Chỉ số lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành năm 2015 ...	53
6. Chỉ số lĩnh vực Cải cách Tổ chức bộ máy của các sở, ban, ngành năm 2015	64
7. Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành năm 2015	69
8. Kết quả đánh giá, phân loại Lĩnh vực Cải cách tài chính công các của sở, ban, ngành năm 2015.....	79
9. Chỉ số lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính các sở, ban, ngành năm 2015.....	86
10. Chỉ số kết quả thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh	96

II. KHỐI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN 103

1. Kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2015	103
2. So sánh Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện qua các năm 2015, 2014, 2013...	106
3. Chỉ số lĩnh vực Chỉ đạo điều hành CCHC của UBND cấp huyện năm 2015	112
4. Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND cấp huyện năm 2015.....	120
5. Chỉ số lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính của UBND cấp huyện năm 2015 .	124
6. Chỉ số lĩnh vực Cải cách Tổ chức bộ máy của UBND cấp huyện năm 2015	133
7. Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của UBND cấp huyện năm 2015	136
8. Chỉ số lĩnh vực Cải cách tài chính công của UBND cấp huyện năm 2015	144
9. Chỉ số lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính UBND cấp huyện năm 2015.....	148

III. KHỐI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ 156

1. Kết quả xác định Chỉ số CCHC của UBND cấp xã năm 2015	156
2. So sánh kết quả xác định Chỉ số CCHC cấp xã các năm 2015, 2014, 2013	158

Phần III - ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2015 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2016 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO 160

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2015 CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ 160

1. Những mặt làm được.....	160
2. Những hạn chế, tồn tại	160

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2016 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO 161

1. Công tác xác định Chỉ số CCHC năm 2015.....	161
2. Công tác cải cách hành chính của các đơn vị.....	161

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Cơ cấu điều chỉnh Chỉ số CCHC năm 2015 so với năm 2014	10
Bảng 2: Cơ cấu Chỉ số CCHC năm 2015 của 3 khối cơ quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	13
Bảng 3: Tóm tắt nội dung tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC năm 2015	13
Bảng 4: Danh mục phân công thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện năm 2015	20
Bảng 5: Kết quả xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành năm 2015	24
Bảng 6: So sánh Chỉ số CCHC theo lĩnh vực của các sở, ban, ngành các năm 2015, 2014, 2013	26
Bảng 7: So sánh Chỉ số CCHC của từng sở, ban, ngành các năm 2015, 2014, 2013 ...	29
Bảng 8: Chỉ số lĩnh vực Chỉ đạo, điều hành CCHC của các sở, ban, ngành năm 2015	35
Bảng 9: Chỉ số lĩnh vực tham mưu Xây dựng và ban hành văn bản QPPL của các sở, ban, ngành năm 2015	47
Bảng 10: Chỉ số Lĩnh vực Cải cách TTHC của các sở, ban, ngành năm 2015	55
Bảng 11: Chỉ số lĩnh vực Cải cách tổ chức bộ máy các sở, ban, ngành năm 2015	64
Bảng 12: Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC của các sở, ban, ngành năm 2015	71
Bảng 13: Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực Cải cách tài chính công của các sở, ban, ngành năm 2015	80
Bảng 14: Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính của các sở, ban, ngành năm 2015	88
Bảng 15: Chỉ số kết quả thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh	97
Bảng 16: Kết quả xác định Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện năm 2015	104
Bảng 17: So sánh Chỉ số CCHC theo lĩnh vực của UBND cấp huyện qua các năm 2015, 2014, 2013	107
Bảng 18: So sánh Chỉ số CCHC của các đơn vị qua các năm 2015, 2014, 2013	110
Bảng 19: Chỉ số lĩnh vực Chỉ đạo, điều hành CCHC của UBND cấp huyện năm 2015	114
Bảng 20: Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và ban hành văn bản QPPL của UBND cấp huyện năm 2015	121
Bảng 21: Chỉ số lĩnh vực Cải cách TTHC của UBND cấp huyện năm 2015	126
Bảng 22: Chỉ số lĩnh vực cải cách Tổ chức bộ máy của UBND cấp huyện năm 2015	134

Bảng 23: Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC của UBND cấp huyện năm 2015	139
Bảng 24: Chỉ số lĩnh vực Cải cách tài chính công UBND cấp huyện năm 2015	145
Bảng 25: Chỉ số lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính của UBND cấp huyện năm 2015	150
Bảng 26: Tổng hợp kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp xã năm 2015	156
Bảng 27: So sánh kết quả xác định Chỉ số CCHC của UBND cấp xã qua các năm 2015, 2014, 2013	158

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Sơ đồ phương pháp xây dựng Chỉ số CCHC của Đồng Nai	6
Hình 2: Sơ đồ các bước xác định Chỉ số CCHC năm 2015 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	17
Hình 3: Kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành năm 2015	27
Hình 4: So sánh Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành theo lĩnh vực	31
Hình 5: So sánh Chỉ số CCHC của các đơn vị các năm 2015, 2014, 2013	34
Hình 6: Chỉ số lĩnh vực Chỉ đạo, điều hành CCHC các sở, ban, ngành năm 2015	29
Hình 7: Chỉ số lĩnh vực tham mưu Xây dựng và ban hành văn bản QPPL của các sở, ban, ngành năm 2015	46
Hình 8: Chỉ số thành phần cải cách TTHC của các sở, ban, ngành năm 2015	54
Hình 9: Chỉ số lĩnh vực cải cách Tổ chức bộ máy của các sở, ban, ngành năm 2015	63
Hình 10: Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC của các sở, ban, ngành năm 2015	70
Hình 11: Chỉ số thành phần Cải cách tài chính công của các sở, ban, ngành năm 2015	79
Hình 12: Chỉ số lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính của các sở, ban, ngành năm 2015	87
Hình 13: Kết quả xác định Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện năm 2015	105
Hình 14: So sánh Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện theo lĩnh vực	108
Hình 15: So sánh Chỉ số CCHC của từng đơn vị các năm 2015, 2014, 2013	111
Hình 16: Chỉ số lĩnh vực Chỉ đạo, điều hành CCHC của UBND cấp huyện năm 2015	113
Hình 17: Chỉ số thành phần Xây dựng và ban hành văn bản QPPL của UBND cấp huyện năm 2015	120
Hình 18: Chỉ số lĩnh vực Cải cách TTHC của UBND cấp huyện năm 2015	125
Hình 19: Chỉ số lĩnh vực cải cách Tổ chức bộ máy của UBND cấp huyện năm 2015	133
Hình 20: Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC của UBND cấp huyện năm 2015	138
Hình 21: Chỉ số lĩnh vực Cải cách tài chính công của UBND cấp huyện năm 2015 ..	144
Hình 22: Chỉ số lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính UBND cấp huyện năm của 2015	149
Hình 23: Tổng hợp kết quả xác định Chỉ số CCHC của UBND cấp xã	157
Hình 24: Tổng hợp kết quả xác định Chỉ số CCHC của 171 UBND cấp xã	157

Hình 25: So sánh kết quả xác định chỉ số CCHC của UBND cấp xã các năm 2015, 2014, 2013	158
--	-----

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CCHC: Cải cách hành chính

UBND: Ủy ban nhân dân

HĐND: Hội đồng nhân dân

TTHC: Thủ tục hành chính

CBCC: Cán bộ, công chức

CCVC: Công chức, viên chức

TC: Tiêu chí

TCTP: Tiêu chí thành phần

Phần I

TỔNG QUAN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

I. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI

Thực hiện Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 14/02/2012; từ năm 2013, UBND tỉnh Đồng Nai xây dựng và triển khai xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã nhằm mục tiêu đánh giá thực chất, khách quan, tương đối toàn diện kết quả CCHC hàng năm của các đơn vị, địa phương; đồng thời đề ra các giải pháp thực hiện hiệu quả công tác CCHC trong những năm tiếp theo.

Trên cơ sở tình hình thực tiễn nhiệm vụ CCHC của tỉnh Đồng Nai và theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ tại Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã tại Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 và tiếp tục được điều chỉnh để xác định Chỉ số CCHC năm 2014 tại Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 06/3/2015. Qua thực tiễn triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2013, năm 2014 và xuất phát từ nhiệm vụ mới về cải cách hành chính của năm 2015, dự kiến nhiệm vụ trong các năm tiếp theo, UBND tỉnh đã điều chỉnh, bổ sung Chỉ số CCHC năm 2014 để ban hành Chỉ số CCHC năm 2015 tại Quyết định số 4250/QĐ-UBND ngày 30/12/2015.

II. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA, YÊU CẦU, ĐỐI TƯỢNG XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2015

1. Mục đích, ý nghĩa xác định Chỉ số cải cách hành chính

UBND tỉnh Đồng Nai triển khai xác định, công bố Chỉ số CCHC năm 2015 của các đơn vị, địa phương nhằm:

- Đánh giá bằng định lượng kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã;
- Đánh giá kết quả CCHC làm cơ sở giúp các cơ quan tham mưu UBND tỉnh tăng cường công tác chỉ đạo, lãnh đạo CCHC trên địa bàn tỉnh; UBND cấp huyện tăng cường công tác CCHC trên địa bàn huyện và cấp xã;
- Kết quả xác định Chỉ số CCHC xác định rõ các mặt mạnh, những hạn chế của các đơn vị trong công tác CCHC; từ đó các đơn vị chủ động xây dựng

mục tiêu, nhiệm vụ về CCHC cho phù hợp với yêu cầu chung của tỉnh; đề ra giải pháp khắc phục được những thiếu sót, hạn chế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính trong các năm tiếp theo;

- Xác định Chỉ số CCHC đã góp phần nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo, đội ngũ cán bộ, công chức về các chủ trương, chính sách, giải pháp về cải cách hành chính của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

2. Các yêu cầu khi triển khai xác định Chỉ số CCHC

- Đánh giá thực chất, khách quan kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm của các đơn vị, địa phương;

- Đánh giá tương đối toàn diện các lĩnh vực chủ yếu của cải cách hành chính, bao gồm các nhóm lĩnh vực được xác định trong Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của UBND tỉnh;

- Đảm bảo tính kịp thời của việc đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2015 để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính.

3. Đối tượng thực hiện

- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn.

III. CƠ CẤU CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2015

1. Nội dung điều chỉnh của Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 so với năm 2014

Qua kết quả triển khai xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã năm 2014, các đơn vị, địa phương có ý kiến cần thiết phải có sự điều chỉnh, hoàn thiện Chỉ số CCHC cho phù hợp hơn với tình hình thực tiễn, đánh giá thực chất hơn kết quả CCHC của các đơn vị. Các ý kiến tập trung đề nghị thay đổi cơ cấu số điểm các lĩnh vực, thang điểm đánh giá của mỗi tiêu chí, tiêu chí thành phần; tăng điểm số được đánh giá thông qua kết quả đầu ra, giảm điểm số đánh giá thông qua tổ chức thực hiện các hoạt động hoặc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành.

Trong năm 2015, Bộ Nội vụ điều chỉnh Chỉ số CCHC của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (văn bản số 740/BNV-CCHC ngày 09/02/2015) theo hướng tăng số điểm đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần được đánh giá thông qua kết quả đầu ra; đối với các tiêu chí về mức độ thực hiện các kế hoạch năm yêu cầu đạt 100% mục tiêu đề ra thì mới đạt điểm tối đa. Về phía tỉnh Đồng Nai, từ năm 2015, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ

X của Đảng bộ tỉnh, xác định một trong bốn khâu đột phá là đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng xây dựng nền hành chính hiện đại; UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục triển khai một số nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm như: triển khai, hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại các cơ quan hành chính; đẩy mạnh rà soát, sửa đổi, bổ sung bộ TTHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính tại các đơn vị, địa phương, nhất là ở cấp cơ sở.

Để phù hợp với nội dung đánh giá cải cách hành chính của Bộ Nội vụ và tình hình thực tiễn của tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh đã điều chỉnh, bổ sung Chỉ số CCHC năm 2014 để ban hành Chỉ số CCHC năm 2015 tại Quyết định số 4250/QĐ-UBND ngày 30/12/2015; kết quả điều chỉnh như sau:

- Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành: Điều chỉnh 24/53 tiêu chí thành phần, gồm: Điều chỉnh số điểm 13 TCTP, bổ sung 6 TCTP, bãi bỏ 05 TCTP;
- Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện: Điều chỉnh 25/56 tiêu chí thành phần, gồm: Điều chỉnh số điểm 14 TCTP, bổ sung 6 TCTP, bãi bỏ 05 TCTP;
- Chỉ số CCHC của UBND cấp xã: Điều chỉnh 29/40 tiêu chí thành phần, gồm: Điều chỉnh số điểm 15 TCTP, bổ sung 7 TCTP, bãi bỏ 07 TCTP.

Bảng 1: Cơ cấu điều chỉnh Chỉ số CCHC năm 2015 so với năm 2014

** Điều chỉnh Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành:*

ST T	Lĩnh vực theo dõi, đánh giá	Nội dung, số điểm		Nguyên nhân điều chỉnh
		Năm 2014	Năm 2015	
I. Về cơ cấu các lĩnh vực:				
1	Chỉ đạo điều hành CCHC	17 điểm	15 điểm (giảm 02 điểm)	Xây dựng thành mục 8 (3 điểm) đánh giá kết quả thực hiện chỉ đạo cấp trên về CCHC
2	Cải cách Tài chính công	7 điểm	6 điểm (giảm 1 điểm)	
3	Thực hiện chỉ đạo của cấp trên về CCHC	không có	3 điểm (bổ sung)	
4	Cải cách TTHC	31 điểm	27 điểm (giảm 4 điểm)	Giảm điểm cải cách TTHC tăng cường cho Hiện đại hóa nền hành chính
5	Hiện đại hóa nền hành chính	13 điểm	17 điểm (tăng 04 điểm)	
II. Một số tiêu chí cụ thể:				
1	Đánh giá mức độ thực hiện các kế hoạch: CCHC, Kiểm tra CCHC, ứng dụng CNTT	Thực hiện đạt 80% kế hoạch trở lên thì đạt điểm tối đa	Thực hiện đạt 100% kế hoạch thì đạt điểm tối đa	Thang điểm đánh giá của Bộ Nội vụ đối với các tỉnh
2	Kết quả thực hiện Kế	3 điểm	tăng lên 4 điểm	Kết quả thực hiện kế

ST T	Lĩnh vực theo dõi, đánh giá	Nội dung, số điểm		Nguyên nhân điều chỉnh
		Năm 2014	Năm 2015	
	hoạch CCHC năm			hoạch CCHC quyết định kết quả thực hiện CCHC
3	Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông	2 điểm	tăng lên 3 điểm	Đẩy mạnh cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

* Điều chỉnh Chỉ số CCHC UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực theo dõi, đánh giá	Nội dung, số điểm		Nguyên nhân điều chỉnh
		Năm 2014	Năm 2015	
I. Về cơ cấu các lĩnh vực:				
1	Chỉ đạo điều hành CCHC	17 điểm	18 điểm (tăng 01 điểm)	Giảm điểm cải cách Tài chính công tăng cường cho Chỉ đạo điều hành CCHC
2	Cải cách Tài chính công	7 điểm	6 điểm (giảm 1 điểm)	
3	Cải cách TTHC	31 điểm	27 điểm (giảm 4 điểm)	Giảm điểm các lĩnh vực tăng cường cho Hiện đại hóa nền hành chính
4	Cải cách TCBM	8 điểm	7 điểm (giảm 1 điểm)	
5	Hiện đại hóa nền hành chính	13 điểm	18 điểm (tăng 05 điểm)	
II. Một số tiêu chí cụ thể:				
1	Đánh giá mức độ thực hiện các kế hoạch: CCHC, Kiểm tra CCHC, ứng dụng CNTT	Thực hiện đạt 80% kế hoạch trở lên thì đạt điểm tối đa	Thực hiện đạt 100% kế hoạch thì đạt điểm tối đa	Thang điểm đánh giá của Bộ Nội vụ đối với các tỉnh
2	Kết quả thực hiện Kế hoạch CCHC năm	3 điểm	tăng lên 4 điểm	Kết quả thực hiện kế hoạch CCHC quyết định kết quả thực hiện CCHC
3	Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa	2 điểm	tăng lên 3 điểm	Đẩy mạnh cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.
4	Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông	2 điểm	tăng lên 3 điểm	

* Điều chỉnh Chỉ số CCHC UBND cấp xã

STT	Lĩnh vực theo dõi, đánh giá	Nội dung, số điểm		Nguyên nhân điều chỉnh
		Năm 2014	Năm 2015	
I. Về cơ cấu các lĩnh vực:				
1	Chỉ đạo điều hành CCHC	17 điểm	18 điểm (tăng 01 điểm)	Giảm điểm cải cách Tài chính công tăng cường cho Chỉ đạo điều hành CCHC
2	Cải cách Tài chính công	8 điểm	7 điểm (giảm 1 điểm)	
3	Cải cách TTHC	32 điểm	28 điểm (giảm 4 điểm)	Giảm điểm các lĩnh vực tăng cường cho Hiện đại hóa nền hành chính
4	Cải cách TCBM	8 điểm	7 điểm (giảm 1 điểm)	
5	Hiện đại hóa nền hành chính	10 điểm	15 điểm (tăng 05 điểm)	
II. Một số tiêu chí cụ thể:				
1	Đánh giá mức độ thực hiện các kế hoạch: CCHC, Kiểm tra CCHC, ứng dụng CNTT	Thực hiện đạt 80% kế hoạch trở lên thì đạt điểm tối đa	Thực hiện đạt 100% kế hoạch thì đạt điểm tối đa	Thang điểm đánh giá của Bộ Nội vụ đối với các tỉnh
2	Kết quả thực hiện Kế hoạch CCHC năm	3 điểm	tăng lên 4 điểm	Kết quả thực hiện kế hoạch CCHC quyết định kết quả thực hiện CCHC
3	Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông	2 điểm	tăng lên 3 điểm	Đẩy mạnh cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Như vậy, Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã năm 2015 có cơ cấu điểm số bình quân các TC, TCTP được đánh giá thông qua kết quả (sản phẩm) đầu ra tăng từ 50/100 điểm (Chỉ số năm 2014) lên 80/100 điểm; điểm số bình quân các TC, TCTP được đánh giá thông qua việc có tổ chức thực hiện các hoạt động hoặc ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành giảm từ 50/100 điểm xuống 20/100 điểm.

2. Cơ cấu Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Đồng Nai

Căn cứ vào đặc trưng chức năng của mỗi cấp hành chính theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ CCHC trong Chương trình CCHC của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2020, Chỉ số CCHC trong nội bộ tỉnh được xây dựng cho 3 cấp:

- Chỉ số CCHC của sở, ban, ngành;

- Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện;
- Chỉ số CCHC của UBND cấp xã.

Do đặc thù của từng cấp hành chính, mỗi Chỉ số CCHC có một số khác biệt nhỏ về số tiêu chí và tiêu chí thành phần, cụ thể ở Bảng 2 và Bảng 3 dưới đây:

Bảng 2: Cơ cấu Chỉ số CCHC của 3 khối cơ quan thuộc tỉnh Đồng Nai

Lĩnh vực	Các sở, ban, ngành			UBND cấp huyện			UBND cấp xã		
	Số tiêu chí	Số tiêu chí thành phần		Số tiêu chí	Số tiêu chí thành phần		Số tiêu chí	Số tiêu chí thành phần	
		Số lượng	Điểm số		Số lượng	Điểm số		Số lượng	Điểm số
Chỉ đạo điều hành CCHC	5	14	15	6	14	18	6	16	18
Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật	3	5	9	4	8	9	3	5	9
Cải cách Thủ tục hành chính	3	13	27	3	13	27	3	15	28
Cải cách Tổ chức bộ máy	3	3	8	3	3	7	2	-	7
Xây dựng và nâng cao chất lượng CBCCVC	3	5	15	3	5	15	2	5	16
Cải cách cơ chế quản lý tài chính công	2	-	6	2	-	6	1	-	7
Hiện đại hóa nền hành chính	4	9	17	3	8	18	3	-	15
Triển khai các chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh về CCHC	1	-	3	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	24	49	100	24	51	100	20	41	100

Bảng 3: Tóm tắt nội dung tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC

TT	Lĩnh vực	Nội dung tiêu chí/tiêu chí thành phần
1	Chỉ đạo điều hành	- Xây dựng, triển khai kế hoạch CCHC năm. - Thực hiện báo cáo CCHC. - Thực hiện kiểm tra CCHC. - Công tác tuyên truyền CCHC. - Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành về CCHC. + Gắn kết quả CCHC với công tác thi đua khen thưởng + Sáng kiến trong công tác CCHC

TT	Lĩnh vực	Nội dung tiêu chí/tiêu chí thành phần
		- Kết quả triển khai chỉ đạo của cấp trên về CCHC.
2	Xây dựng và ban hành văn bản QPPL	- Ban hành/tham mưu ban hành chương trình ban hành văn bản QPPL. - Ban hành/tham mưu ban hành văn bản QPPL. - Thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. - Triển khai văn bản QPPL của cấp trên (có liên quan đến CCHC).
3	Cải cách thủ tục hành chính	- Kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC: + Ban hành, triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC; + Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới Bộ TTHC; + Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị về TTHC. - Công khai thủ tục hành chính: + Tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; + Trên Website của đơn vị. - Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: + Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; + Cơ sở vật chất, trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; + Thực hiện chế độ phụ cấp đối với CCVC bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; + Quy chế thực hiện tiếp nhận và trả kết quả TTHC; + Kết quả tiếp nhận, giải quyết TTHC. - Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại.
4	Cải cách tổ chức bộ máy	- Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy. - Rà soát, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức thuộc các đơn vị. - Thực hiện các quy định phân cấp thẩm quyền quản lý.
5	Nâng cao chất lượng CBCCVC	- Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm. - Tuyển dụng, bố trí, sử dụng công chức, viên chức. - Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. + Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. + Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.
6	Cải cách tài chính công	- Kết quả thực hiện cơ chế khoán biên chế, kinh phí hoạt động theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ và thu nhập tăng thêm cho CBCC. - Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.
7	Hiện đại hóa nền hành chính	- Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính: + Ban hành, triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin; + Tỷ lệ tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử (thay thế hoàn toàn văn bản giấy) giữa các cơ quan hành chính và trong nội bộ đơn vị. + Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, 3 và 4. - Chất lượng trang thông tin điện tử của đơn vị. - Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của các đơn vị.

TT	Lĩnh vực	Nội dung tiêu chí/tiêu chí thành phần
8	Kết quả triển khai các chỉ đạo của cấp trên về CCHC trên địa bàn tỉnh	- Thực hiện các chỉ đạo của cấp trên đạt yêu cầu; - Chưa thực hiện các chỉ đạo hoặc có thực hiện nhưng chưa đạt yêu cầu (dùng cho các sở, ban, ngành).

Căn cứ vào nội dung của Bảng 2 và Bảng 3 có thể thấy:

- Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành có 8 lĩnh vực, Chỉ số CCHC của cấp huyện và cấp xã đều có 7 Chỉ số lĩnh vực; Chỉ số CCHC của 3 khối cơ quan nhà nước đều có trên 40 chỉ số tiêu chí thành phần. Trong những lĩnh vực CCHC mà tỉnh Đồng Nai xác định là trọng tâm trong Chương trình CCHC giai đoạn 2011-2020 đều có số điểm cao như: Cải cách thủ tục hành chính (trung bình 27/100), chỉ đạo điều hành CCHC (17/100), hiện đại hóa nền hành chính (16,5/100), nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC (15/100); trong đó, lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính được tỉnh Đồng Nai xác định là khâu đột phá trong cải cách hành chính nên điều chỉnh tăng điểm từ 12/100 năm 2014 lên 16,5/100 năm 2015.

- Chỉ số CCHC các sở, ngành bổ sung thêm Chỉ số CCHC lĩnh vực: "Kết quả triển khai các chỉ đạo của cấp trên về CCHC trên địa bàn tỉnh": đánh giá kết quả thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh về cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, trong đó: đơn vị thực hiện đạt yêu cầu được cộng thêm điểm, chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đạt yêu cầu bị trừ điểm.

IV. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2015

1. Phương pháp xây dựng Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai

Chỉ số cải cách hành chính được xây dựng theo phương pháp tiếp cận đi từ lĩnh vực đến tiêu chí, đến tiêu chí thành phần và đến phương án đánh giá, cụ thể là:

- Căn cứ vào các nhiệm vụ của Chương trình CCHC tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2020 để xác định các **lĩnh vực** của Chỉ số CCHC;

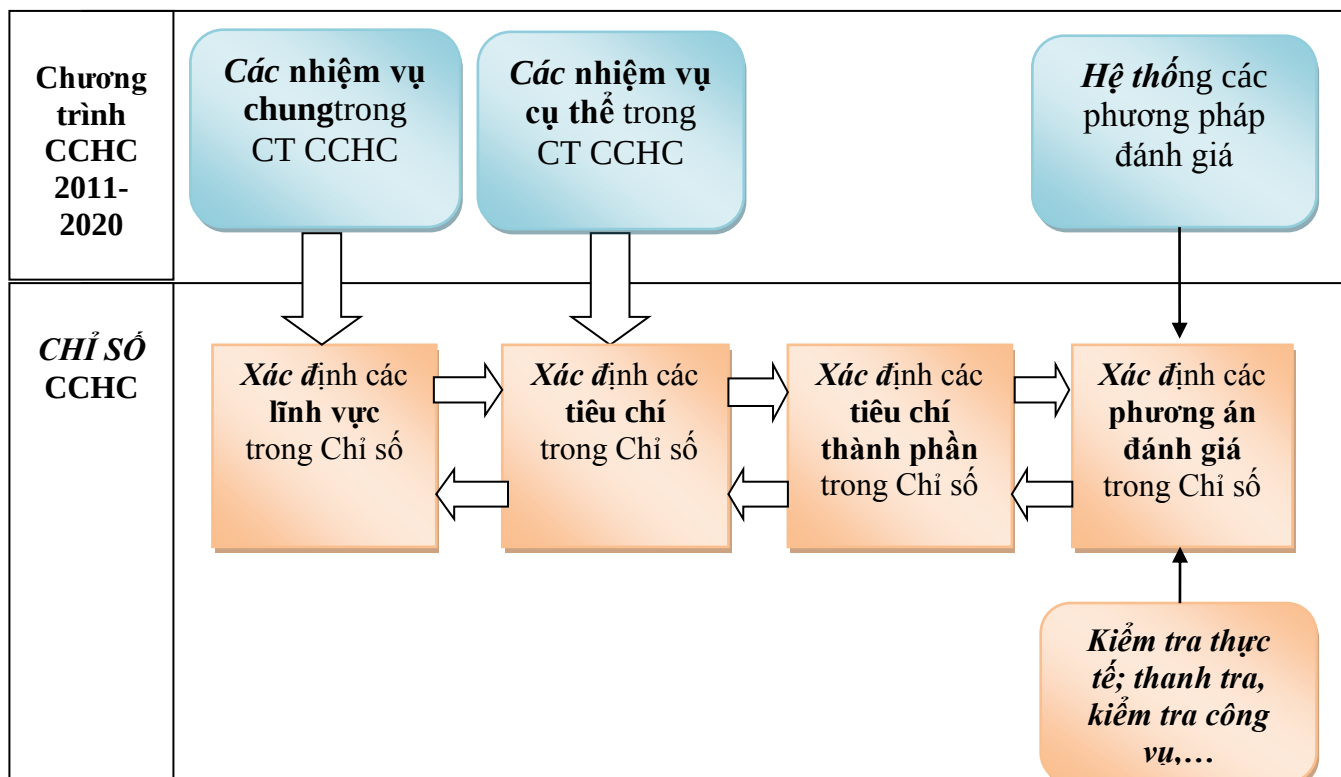
- Căn cứ vào các nhiệm vụ cụ thể trong từng nhóm nhiệm vụ của Chương trình CCHC của tỉnh để xác định các **tiêu chí** đánh giá trong từng lĩnh vực của Chỉ số CCHC;

- Xác định các tiêu chí thành phần phù hợp cho mỗi nhiệm vụ trong từng lĩnh vực của Chỉ số;

- Xác định các phương án đánh giá phù hợp cho từng tiêu chí (thông qua tự đánh giá, kiểm tra thực tế, thẩm định, thông qua các công cụ theo dõi, đánh giá khác như thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra CCHC, sơ kết, tổng kết CCHC...).

Sơ đồ phương pháp xây dựng Chỉ số CCHC của tỉnh Đồng Nai:

Hình 1: Sơ đồ phương pháp xây dựng Chỉ số CCHC của Đồng Nai



Chỉ số CCHC bao gồm chỉ số CCHC chung, các chỉ số của từng lĩnh vực, tiêu chí; trong đó:

- **Lĩnh vực CCHC** trong Chỉ số CCHC tương ứng với các lĩnh vực (các nhóm nhiệm vụ) được xác định trong Chương trình CCHC của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2020 (bao gồm: Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách thủ tục hành chính,...);

- **Tiêu chí** (TC) là nhiệm vụ cụ thể đã xác định trong Chương trình CCHC của tỉnh giai đoạn 2011-2020;

- **Tiêu chí thành phần** (TCTP) là các yếu tố cấu thành một tiêu chí, dùng để đánh giá mức độ hoàn thành từng mặt cụ thể của tiêu chí.

2. Thang điểm

Thang điểm đánh giá là 100; thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cấp xã.

3. Cách tính Chỉ số cải cách hành chính

- Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện: "Điểm tự đánh giá" của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện được UBND tỉnh xem xét, công nhận gọi là "điểm UBND tỉnh đánh giá"; Chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa "điểm UBND tỉnh đánh giá" và "tổng điểm tối đa" (100 điểm).

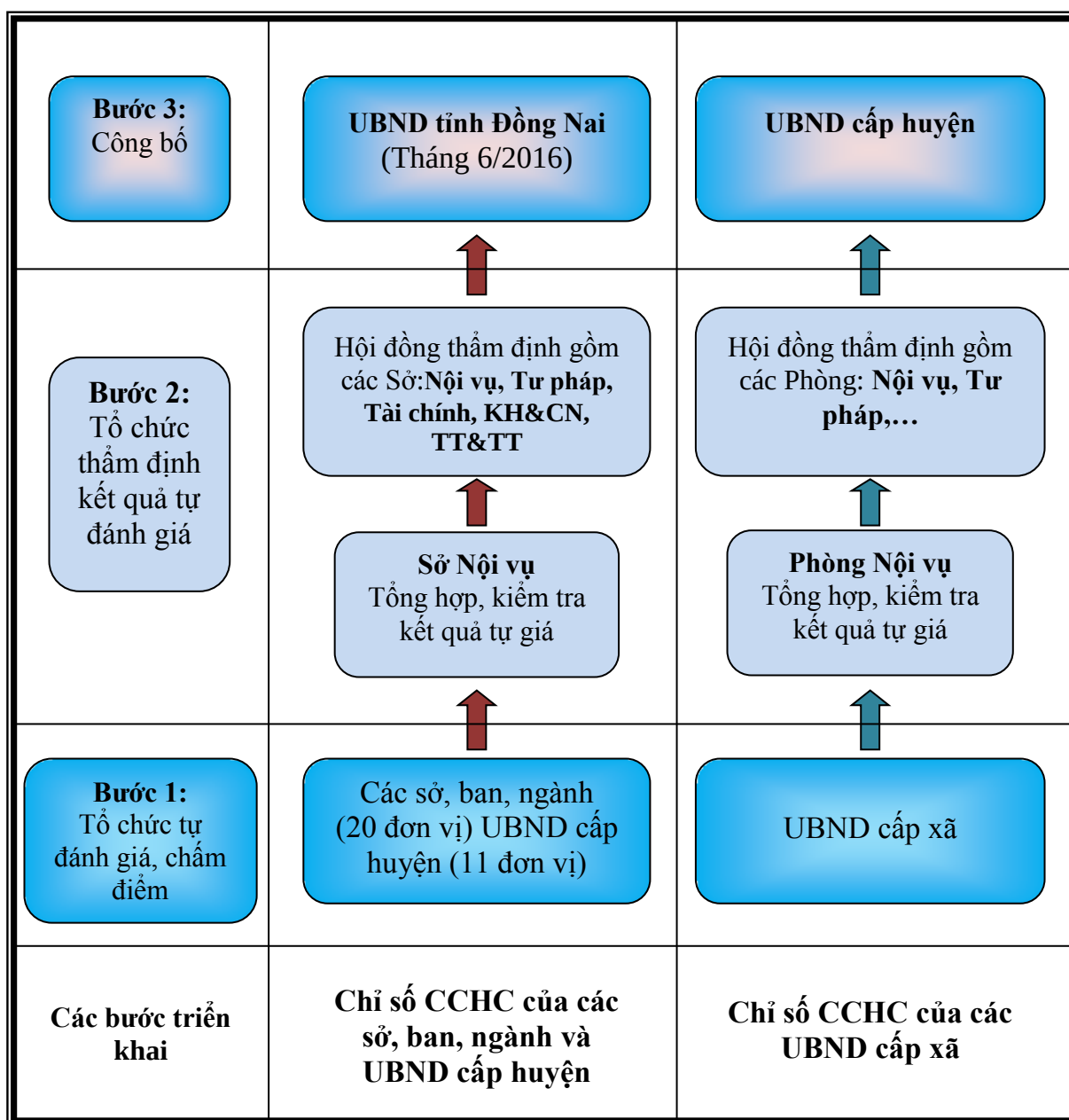
- Chỉ số CCHC của UBND cấp xã: "Điểm tự đánh giá" của UBND cấp xã được UBND cấp huyện xem xét, công nhận gọi là "điểm UBND cấp huyện đánh giá"; Chỉ số CCHC được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa "điểm UBND cấp huyện đánh giá" và "tổng điểm tối đa" (100 điểm).

V. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2015

1. Công tác chỉ đạo, triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính

Triển khai Kế hoạch số 10977/KH-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về xác định Chỉ số CCHC các đơn vị, địa phương; Sở Nội vụ được giao chủ trì đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện như: 2171/SNV-CCHC ngày 31/12/2015, 2172/SNV-CCHC ngày 31/12/2015, 2173/SNV-CCHC ngày 31/12/2015,... Các cơ quan, đơn vị chủ động ban hành và triển khai kế hoạch cụ thể tại đơn vị. Các bước cụ thể xem sơ đồ xác định Chỉ số CCHC năm 2015 của tỉnh Đồng Nai:

Hình 2: Sơ đồ xác định Chỉ số CCHC năm 2015 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai



Để công bố Chỉ số CCHC năm 2015 vào tháng 6/2016, các cơ quan, đơn vị đã hoàn thành các bước thực hiện sau:

2. Bước 1: Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính

Theo kế hoạch của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ, từ tháng 3/2016 các cơ quan, đơn vị tự đánh giá kết quả công CCHC năm 2015 của đơn vị mình bằng cách cho điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính (ban hành theo Quyết định số 4250/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh), kèm theo tài liệu kiểm chứng. Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung đánh giá, chấm điểm, đơn vị có giải thích cụ thể bằng văn bản về

cách đánh giá, tính điểm. Công tác tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị được tiến hành với thành phần như sau:

- Các sở, ban, ngành: Có sự tham gia của Thủ trưởng đơn vị và Trưởng các phòng, ban chuyên môn liên quan;
- Đối với UBND cấp huyện: Chủ tịch UBND cấp huyện và Trưởng các phòng, ban chuyên môn liên quan;
- Đối với UBND cấp xã: Chủ tịch UBND cấp xã và công chức tham mưu công tác CCHC.

Đến ngày 31/3/2016, các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện đã hoàn thành công tác tự đánh giá chấm điểm gửi về Sở Nội vụ.

3. Bước 2: Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị:

3.1. Tổ chức kiểm tra thực tế kết quả tự đánh giá tại đơn vị

Để thẩm định, đánh giá kết quả tự chấm điểm của các đơn vị được khách quan, chính xác, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ đã ban hành Quyết định số 41/QĐ-SNV ngày 03/02/2016 thành lập Đoàn kiểm tra thực tế do 01 Phó Giám đốc Sở làm Trưởng đoàn, đã tiến hành kiểm tra thực tế tại **11** sở, ban, ngành và **7** UBND cấp huyện gồm: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Ngoại vụ, Xây dựng, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải, thị xã Long Khánh, huyện Định Quán, Cẩm Mỹ, Long Thành, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu. UBND cấp huyện tiến hành kiểm tra thực tế từ 50% UBND cấp xã trực thuộc trở lên.

Nội dung kiểm tra tập trung đánh giá sự chính xác, phù hợp trong việc chấm điểm các TC, TCTP với kết quả CCHC trong lĩnh vực tương ứng của đơn vị; thành phần tham gia tự đánh giá, chấm điểm của đơn vị. Kết quả kiểm tra thực tế được lập thành biên bản làm cơ sở, tài liệu kiểm chứng để tổ chức thẩm định, xác định Chỉ số CCHC các đơn vị.

3.2. Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm

- Thực hiện Kế hoạch số 10977/KH-UBND của UBND tỉnh, Sở Nội vụ ban hành Quyết định số 42/QĐ-SNV ngày 03/02/2016 thành lập Tổ thẩm định bao gồm đại diện các sở: Nội vụ; Tư pháp; Tài chính; Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ tiến hành thẩm định, thống nhất tham mưu UBND tỉnh đánh giá kết quả tự chấm điểm của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện. Phân công thẩm định cụ thể như sau:

Bảng 4: Danh mục phân công thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện năm 2015

TT	Tên đơn vị	Phân công thẩm định	Số lượng TCTP, tổng số điểm
1	Sở Nội vụ	- Công tác chỉ đạo điều hành về CCHC; - Cải cách TTHC (Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông); - Cải cách Tổ chức bộ máy; - Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.	- Số TCTP: 31 - Tổng số điểm: 51/100
2	Sở Tư pháp	- Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; - Cải cách TTHC (Kiểm soát TTHC, công khai TTHC).	-Số TCTP: 13 - Tổng số điểm: 21/100
3	Sở Tài chính	Cải cách cơ chế quản lý tài chính công.	- Số TC: 2 - Tổng số điểm: 6/100
4	Sở Thông tin và Truyền thông	Hiện đại hóa nền hành chính (Ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý hành chính; chất lượng trang Website của đơn vị).	- Số TCTP: 8 - Tổng số điểm: 17/100
5	Sở Khoa học và Công nghệ	Hiện đại hóa nền hành chính (Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO vào hoạt động của đơn vị).	- Số TCTP: 1 - Tổng số điểm: 2/100

- UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, đánh giá kết quả tự chấm điểm công tác cải cách hành chính của UBND cấp xã trực thuộc. Thành phần tổ chức thẩm định Chỉ số CCHC của UBND cấp xã gồm: Chủ tịch UBND cấp huyện và trưởng các phòng, ban chuyên môn có liên quan.

** Phân loại và công bố Chỉ số CCHC năm 2015*

Căn cứ số điểm của chỉ số CCHC của mỗi đơn vị, UBND tỉnh phân loại chỉ số CCHC năm 2015 của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; UBND cấp huyện phân loại chỉ số CCHC của UBND cấp xã trực thuộc thành các nhóm sau:

- Đơn vị xuất sắc: Từ 90 đến 100 điểm;
- Đơn vị tốt: Từ 80 đến dưới 90 điểm;

- Đơn vị khá: Từ 65 đến dưới 80 điểm;
- Đơn vị trung bình: Từ 50 đến dưới 65 điểm.

Trong năm 2015, không có đơn vị xếp loại yếu (đơn vị yếu dưới 50 điểm).

Đối với UBND cấp huyện, việc phân loại kết quả CCHC căn cứ vào số điểm chỉ số CCHC của đơn vị và phải có ít nhất 2/3 số lượng UBND cấp xã trực thuộc được đánh giá từ cùng mức trở lên; Trường hợp dưới 2/3 số lượng UBND cấp xã trực thuộc được đánh giá cùng mức với UBND cấp huyện thì kết quả CCHC của UBND huyện đó được xếp loại xuống nhóm liền kề trong các nhóm nêu trên.

4. Bước 3: Công bố chỉ số CCHC các cơ quan, đơn vị năm 2015

Trong tháng 6 năm 2016, UBND tỉnh công bố chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Sau khi UBND tỉnh công bố Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp huyện thực hiện công bố Chỉ số CCHC năm 2015 của UBND cấp xã trực thuộc.

Phần II

KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2015 CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

I. KHỎI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

1. Kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2015

- Chỉ số CCHC trung bình của các sở, ban, ngành là **81,39/100** điểm, tăng **2,25** điểm so với năm 2014 với điểm số 79,14/100; điều này cho thấy kết quả cải cách hành chính của các sở, ban, ngành có chuyển biến theo chiều hướng tốt hơn năm 2014;

- Có **10/20** đơn vị có Chỉ số cao hơn Chỉ số trung bình của cấp sở, giảm 02 đơn vị so với năm 2014 (12/20 đơn vị); **10/20** đơn vị có Chỉ số CCHC thấp hơn Chỉ số trung bình của cấp sở.

- Chênh lệch giữa đơn vị đạt Chỉ số cao nhất (Sở Kế hoạch và Đầu tư - 93,5 điểm) và đơn vị thấp nhất (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - 68,5 điểm) là **25** điểm, giảm **3** điểm so với năm 2014 (28 điểm); điều này cho thấy kết quả triển khai công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành được đồng bộ hơn năm 2014.

- Kết quả phân loại Chỉ số CCHC có sự phân hóa thành 3 nhóm là:

+ Nhóm xếp loại Xuất sắc, đạt Chỉ số CCHC từ 90 điểm trở lên, có 04 đơn vị, gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các KCN, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh;

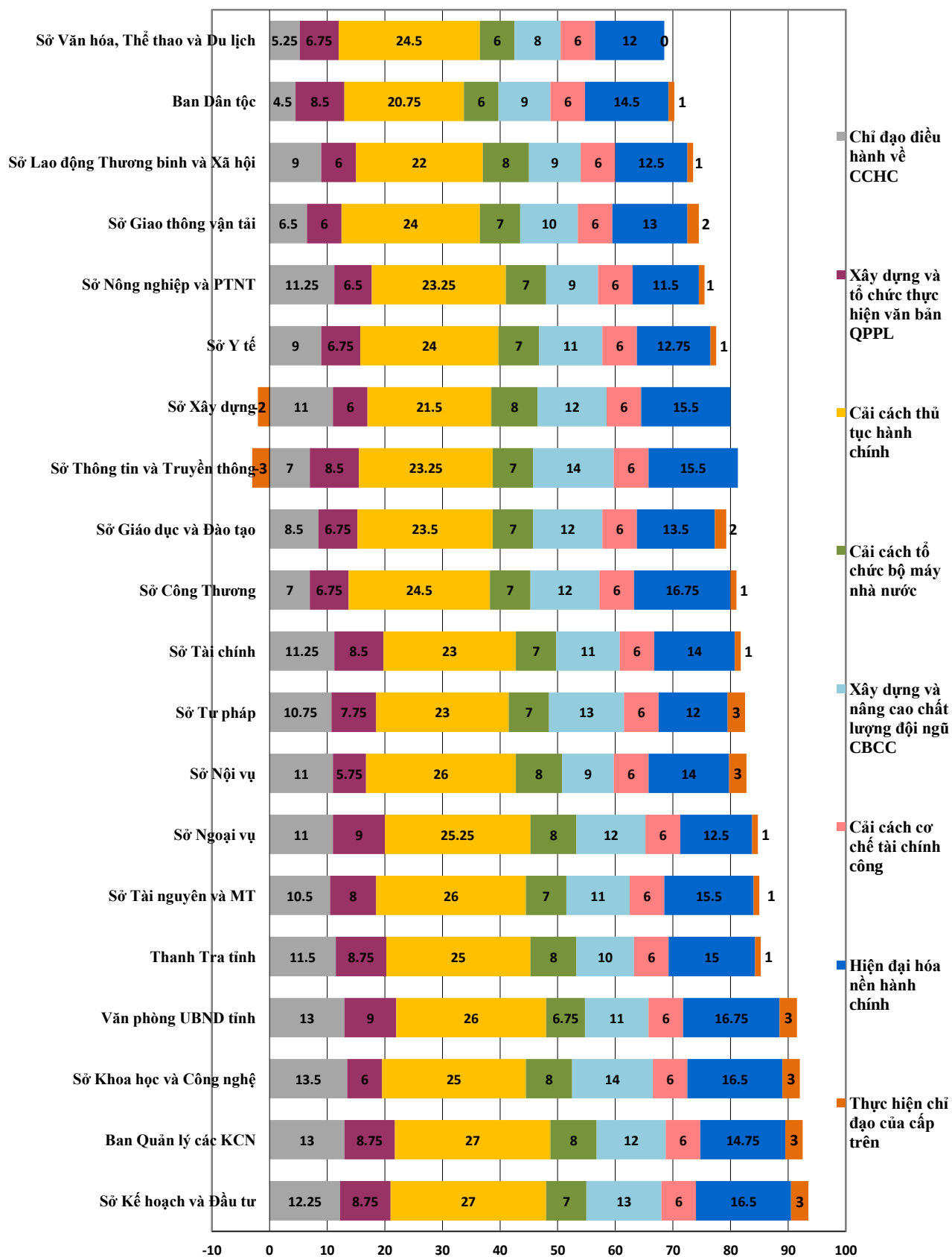
+ Nhóm xếp loại Tốt, đạt Chỉ số CCHC từ 80 điểm đến dưới 90 điểm, có 07 đơn vị gồm: Thanh Tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Ngoại vụ, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Công Thương;

+ Nhóm xếp loại Khá, đạt Chỉ số CCHC từ 65 điểm đến dưới 80 điểm, có 09 đơn vị gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Như vậy, kết quả xác định Chỉ số năm 2015 có 04 đơn vị đạt điểm xuất sắc và không có đơn vị đạt điểm trung bình và yếu (năm 2014 có 01 đơn vị xếp loại trung bình).

Kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2015 của các sở, ban, ngành cụ thể tại Bảng 5, Hình 3 dưới đây:

Hình 3: Kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành năm 2015



Bảng 5: Kết quả xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành năm 2015

S TT	Đơn vị	Chỉ số	Phân loại	Chỉ đạo điều hành về CCHC		Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL		Cải cách thủ tục hành chính		Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước		Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC		Cải cách cơ chế tài chính công		Hiện đại hóa nền hành chính		Thực hiện chỉ đạo của cấp trên	
				Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	93,50	Xuất sắc	14,75	12,25	9	8,75	27	27	8	7	15	13	6	6	17	16,5	3	3
2	Ban Quản lý các KCN	92,50	Xuất sắc	15	13	9	8,75	27	27	8	8	14	12	6	6	16	14,75	3	3
3	Sở Khoa học và Công nghệ	92,00	Xuất sắc	15	13,5	9	6	26	25	8	8	15	14	6	6	17	16,5	3	3
4	Văn phòng UBND tỉnh	91,50	Xuất sắc	14	13	9	9	26	26	6,75	6,75	13	11	6	6	17	16,75	3	3
5	Thanh Tra tỉnh	85,25	Tốt	15	11,5	9	8,75	24,5	25	7,75	8	15	10	6	6	15,25	15	3	1
6	Sở Tài nguyên và MT	85,00	Tốt	13,5	10,5	7	8	27	26	7	7	15	11	6	6	13,75	15,5	3	1
7	Sở Ngoại vụ	84,75	Tốt	15	11	9	9	26,25	25,25	8	8	15	12	6	6	13	12,5	3	1
8	Sở Nội vụ	82,75	Tốt	12	11	8	5,75	25,5	26	7,5	8	15	9	6	6	14,5	14	3	3
9	Sở Tư pháp	82,50	Tốt	15	10,75	7,75	7,75	27	23	8	7	15	13	6	6	15,5	12	3	3
10	Sở Tài chính	81,75	Tốt	13,25	11,25	8,75	8,5	26	23	8	7	15	11	6	6	16	14	3	1
11	Sở Công Thương	81,00	Tốt	15	7	9	6,75	27	24,5	8	7	15	12	6	6	17	16,75	3	1
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	79,25	Khá	12	8,5	7	6,75	25,5	23,5	8	7	15	12	6	6	16,75	13,5	3	2

S TT	Đơn vị	Chỉ số	Phân loại	Chỉ đạo điều hành về CCHC		Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL		Cải cách thủ tục hành chính		Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước		Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC		Cải cách cơ chế tài chính công		Hiện đại hóa nền hành chính		Thực hiện chỉ đạo của cấp trên	
				Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định
13	Sở Thông tin và Truyền thông	78,25	Khá	11,5	7	9	8,5	25	23,25	7	7	15	14	6	6	16	15,5	3	-3
14	Sở Xây dựng	78,00	Khá	15	11	9	6	26,5	21,5	8	8	15	12	6	6	15	15,5	3	-2
15	Sở Y tế	77,50	Khá	13,5	9	6,75	6,75	25,5	24	7,75	7	13	11	6	6	15,25	12,75	0	1
16	Sở Nông nghiệp và PTNT	75,50	Khá	13,75	11,25	9	6,5	23,75	23,25	7	7	13	9	6	6	14,5	11,5	0	1
17	Sở Giao thông vận tải	74,50	Khá	11	6,5	8	6	25,5	24	8	7	15	10	6	6	13,5	13	3	2
18	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	73,50	Khá	12,5	9	8	6	27	22	8	8	14	9	6	6	16,5	12,5	3	1
19	Ban Dân tộc	70,25	Khá	9,5	4,5	8,75	8,5	22	20,75	8	6	15	9	6	6	16	14,5	0	1
20	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	68,50	Khá	12,75	5,25	7	6,75	25,5	24,5	7	6	15	8	6	6	13	12	3	0
Trung bình		81,39		12,88	9,84	8,35	7,44	25,78	24,23	7,69	7,24	14,60	11,10	6,00	6,00	15,43	14,25	2,55	1,30

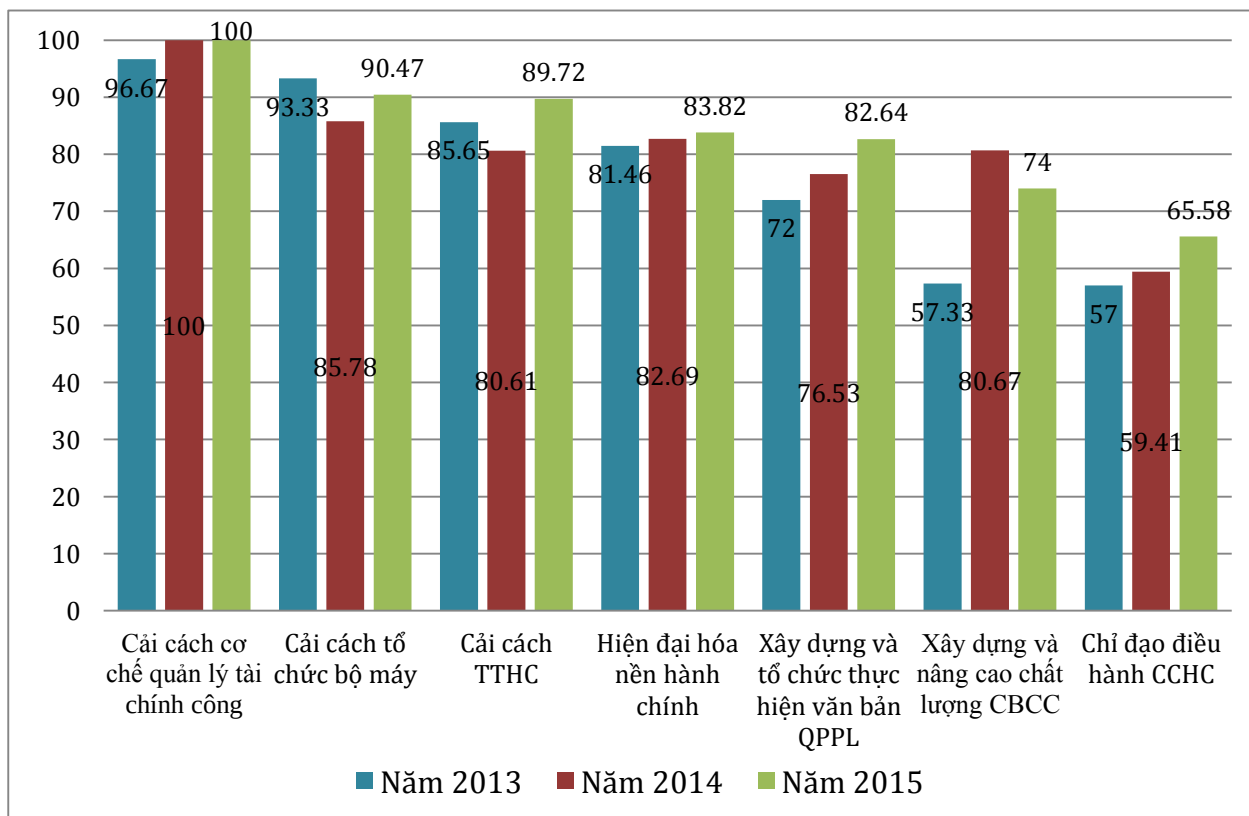
2. So sánh Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành năm 2015 với năm 2014, 2013

2.1. So sánh kết quả Chỉ số cải cách hành chính theo lĩnh vực qua các năm 2015, 2014, 2013: Cụ thể tại Bảng 6:

Bảng 6: So sánh Chỉ số CCHC theo lĩnh vực qua các năm 2015, 2014, 2013

Stt	Lĩnh vực	Chỉ số Cải cách hành chính (điểm số/100)			Trung bình Chỉ số CCHC 3 năm	Tăng, giảm (-) của năm 2015 so với 2014	Tăng, giảm (-) của năm 2014 so với 2013
		Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013			
1	Cải cách cơ chế quản lý tài chính công	100	100	96.67	98.89	0	3.33
2	Cải cách tổ chức bộ máy	90.47	85.78	93.33	89.86	4.69	-7.55
3	Cải cách TTHC	89.72	80.61	85.65	85.33	9.11	-5.04
4	Hiện đại hóa nền hành chính	83.82	82.69	81.46	82.66	1.13	1.23
5	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL	82.64	76.53	72	77.06	6.11	4.53
6	Xây dựng và nâng cao chất lượng CBCC	74	80.67	57.33	70.67	-6.67	23.34
7	Chỉ đạo điều hành CCHC	65.58	59.41	57	60.66	6.17	2.41
Chỉ số Cải cách hành chính		81.39	79.14	77.6	79.38	2.25	1.54

Hình 4: So sánh Chỉ số CCHC theo lĩnh vực qua các năm 2015, 2014, 2013



- Có 5/7 lĩnh vực có Chỉ số đạt từ 80 điểm trở lên: *Cải cách cơ chế quản lý tài chính công (100 điểm), Cải cách tổ chức bộ máy (90,47 điểm), Cải cách thủ tục hành chính (89,72 điểm), Hiện đại hóa nền hành chính (83,82 điểm); Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL (82,64 điểm);*

- Có 2/7 lĩnh vực có Chỉ số đạt dưới 80 điểm gồm: *Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức (74 điểm), Chỉ đạo điều hành cải cách hành chính (65,58 điểm).*

Qua Chỉ số Cải cách hành chính theo lĩnh vực năm 2015, đã xác định được điểm mạnh các sở, ban, ngành trong công tác cải cách hành chính là Cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân, đạt 89,72 điểm, tăng 9,11 điểm so với năm 2014 (80,61 điểm); cải cách cơ chế tài chính công (đạt 100 điểm); cải cách tổ chức bộ máy (90,47 điểm); Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (82,64 điểm); nhiều đơn vị đã chủ động triển khai các giải pháp thực hiện cải cách hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại trong thực hiện CCHC của các sở, ban, ngành là:

- Công tác chỉ đạo điều hành mặc dù có tăng 6,17 điểm so với năm 2014 tuy nhiên chỉ đạt trung bình **65,58/100** điểm, qua Chỉ số cho thấy công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt cải cách hành chính của một số đơn vị vẫn còn chưa sâu sát, quyết liệt; kết quả triển khai một số chương trình, kế hoạch về cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu chất lượng, tiến độ đề ra theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trung bình chỉ đạt 74/100 điểm, giảm 7,67 điểm so với năm 2014; qua Chỉ số cho thấy kết quả triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm của các đơn vị chưa đạt mục tiêu đề ra; vẫn còn một bộ phận công chức chưa đảm bảo tiêu chuẩn ngạch, viên chức chưa đảm bảo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định hiện hành.

- Lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính, mặc dù đạt 83.82/100 điểm, tuy nhiên, chỉ tăng 1,13 điểm so với năm 2014 (82,69 điểm); qua Chỉ số cho thấy, kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý, điều hành và giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp của các sở, ngành có chuyển biến tốt hơn nhưng vẫn còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ các đơn vị.

Do đó, đây là 3 lĩnh vực mà các sở, ban, ngành cần quan tâm chỉ đạo triển khai quyết liệt trong thời gian tới.

2.2. So sánh Chỉ số cải cách hành chính các đơn vị qua các năm 2015, 2014, 2013

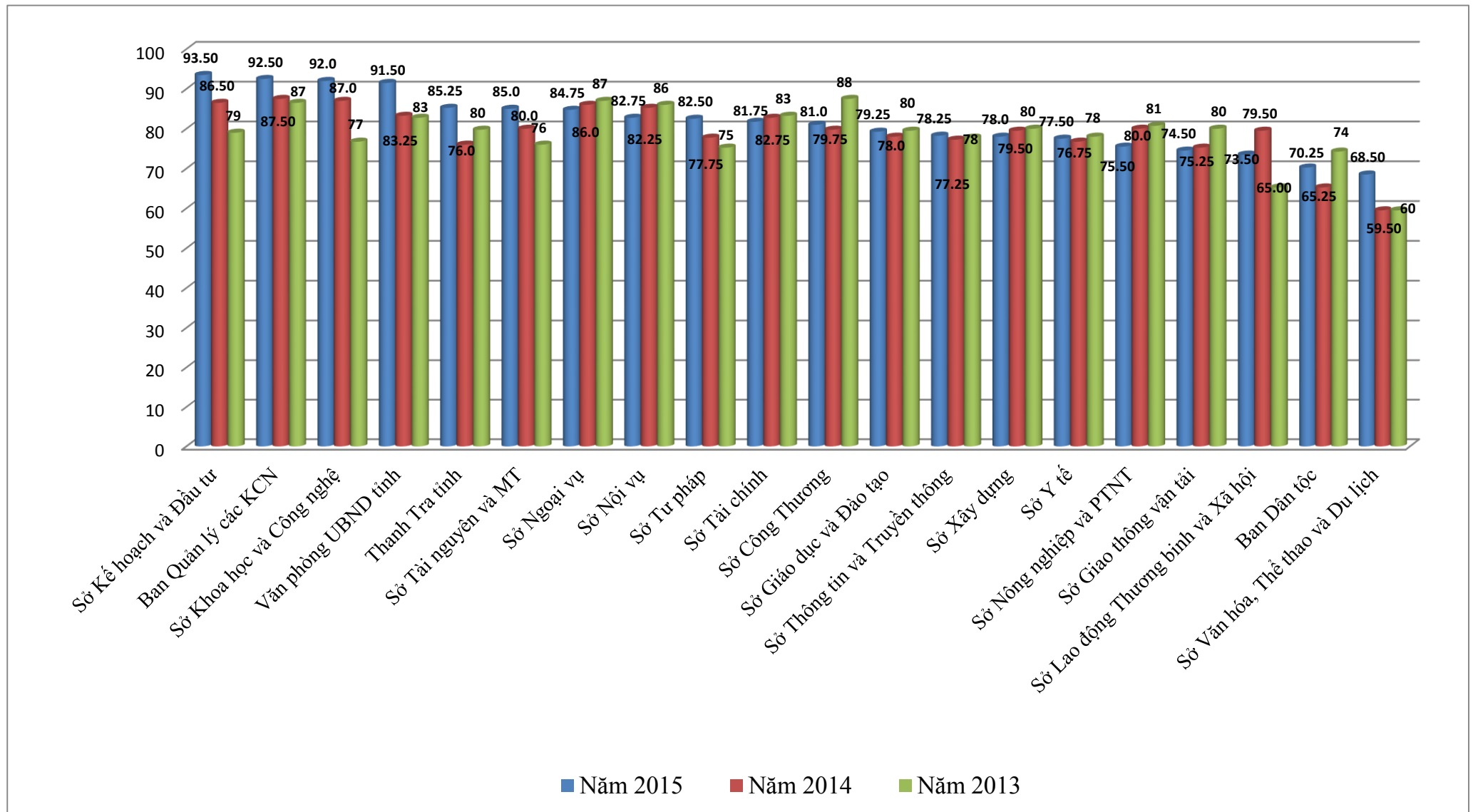
Kết quả cụ thể tại Bảng 7 và Hình 5 sau đây:

Bảng 7: So sánh Chỉ số CCHC các đơn vị qua các năm 2015, 2014, 2013

Đơn vị	Chỉ số CCHC			Trung bình Chỉ số CCHC 3 năm	Tăng, giảm (-)		Phân loại			Số TT				
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013		Năm 2015 so với 2014	Năm 2014 so với 2013	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2015 so với 2014	Năm 2014 so với 2013
Sở Kế hoạch và Đầu tư	93.5	86.5	79	86.33	7	7.5	Xuất sắc	Tốt	Khá	1	3	12	2	9
Ban Quản lý các KCN	92.5	87.5	86.5	88.83	5	1	Xuất sắc	Tốt	Tốt	2	1	3	-1	2
Sở Khoa học và Công nghệ	92	87	76.75	85.25	5	10.25	Xuất sắc	Tốt	Khá	3	2	15	-1	13
Văn phòng UBND tỉnh	91.5	83.25	82.75	85.83	8.25	0.5	Xuất sắc	Tốt	Tốt	4	6	6	2	0
Thanh Tra tỉnh	85.25	76	79.75	80.33	9.25	-3.75	Tốt	Khá	Khá	5	17	10	12	-7
Sở Tài nguyên và MT	85	80	76	80.33	5	4	Tốt	Khá	Khá	6	9	16	3	7
Sở Ngoại vụ	84.75	86	87	85.92	-1.25	-1	Tốt	Tốt	Tốt	7	4	2	-3	-2
Sở Nội vụ	82.75	85.25	86	84.67	-2.5	-0.75	Tốt	Tốt	Tốt	8	5	4	-3	-1
Sở Tư pháp	82.5	77.75	75.25	78.50	4.75	2.5	Tốt	Khá	Khá	9	14	17	5	3
Sở Tài chính	81.75	82.75	83.25	82.58	-1	-0.5	Tốt	Tốt	Tốt	10	7	5	-3	-2
Sở Công Thương	81	79.75	87.5	82.75	1.25	-7.75	Tốt	Khá	Tốt	11	10	1	-1	-9
Sở Giáo dục và Đào tạo	79.25	78	79.5	78.92	1.25	-1.5	Khá	Khá	Khá	12	13	11	1	-2
Sở Thông tin và Truyền thông	78.25	77.25	77.75	77.75	1	-0.5	Khá	Khá	Khá	13	15	14	2	-1

Đơn vị	Chỉ số CCHC			Trung bình Chỉ số CCHC 3 năm	Tăng, giảm (-)		Phân loại			Số TT				
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013		Năm 2015 so với 2014	Năm 2014 so với 2013	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2015 so với 2014	Năm 2014 so với 2013
Sở Xây dựng	78	79.5	80	79.17	-1.5	-0.5	Khá	Khá	Tốt	14	12	8	-2	-4
Sở Y tế	77.5	76.75	78	77.42	0.75	-1.25	Khá	Khá	Khá	15	16	13	1	-3
Sở Nông nghiệp và PTNT	75.5	80	80.75	78.75	-4.5	-0.75	Khá	Khá	Tốt	16	8	7	-8	-1
Sở Giao thông vận tải	74.5	75.25	80	76.58	-0.75	-4.75	Khá	Khá	Khá	17	18	9	1	-9
Sở Lao động Thương binh và Xã hội	73.5	79.5	65.25	72.75	-6	14.25	Khá	Khá	Khá	18	11	19	-7	8
Ban Dân tộc	70.25	65.25	74.25	69.92	5	-9	Khá	Khá	Khá	19	19	18	0	-1
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	68.5	59.5	59.5	62.50	9	0	Khá	Trung bình	Trung bình	20	20	20	0	0

Hình 5: So sánh Chỉ số CCHC các đơn vị qua các năm 2015, 2014, 2013



Qua kết quả so sánh tại Bảng số 7 và Hình 5 cho thấy:

- Có 12/20 sở, ban, ngành tăng điểm so với năm 2014, trong đó: Các đơn vị tăng điểm nhiều nhất là Thanh tra tỉnh (tăng 9,25 điểm); Qua kết quả tăng Chỉ số CCHC cho thấy, công tác cải cách hành chính được lãnh đạo các đơn vị quan tâm, chỉ đạo triển khai đồng bộ hơn và đạt kết quả tốt hơn. Riêng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đạt 68,5/100 điểm, mặc dù có tăng 9 điểm so với 2014 (59,5 điểm) nhưng Chỉ số CCHC vẫn còn thấp, qua đó cho thấy công tác cải cách hành chính có chuyển biến nhưng chưa đáp ứng yêu cầu, kế hoạch đề ra.

- Có 8/20 sở, ban, ngành giảm điểm so với năm 2014, trong đó, đơn vị giảm điểm nhiều nhất là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (giảm 4,75 điểm): Kết quả giảm điểm cho thấy, một số đơn vị chưa chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ công tác cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực, một số đơn vị chỉ tập trung thực hiện cải cách thủ tục hành chính mà chưa quan tâm triển khai các lĩnh vực: Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản QPPL; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức...; kết quả triển khai một số lĩnh vực cải cách hành chính chưa đạt mục tiêu, kế hoạch đề ra từ đầu năm.

- Có 6/20 đơn vị tăng điểm đều qua 3 năm (2015, 2014, 2013), gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản các Khu công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp;

- Có 6/20 đơn vị giảm điểm đều qua 3 năm, gồm các sở: Ngoại vụ, Nội vụ, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải;

- Còn lại 8/20 đơn vị tăng, giảm điểm không đều qua các năm.

3. Chỉ số Lĩnh vực chỉ đạo điều hành CCHC của các sở, ban, ngành năm 2015

Chỉ số CCHC lĩnh vực chỉ đạo, điều hành trung bình của các sở, ban, ngành là **65,58/100** điểm, tăng **6,17%** điểm so với năm 2014 (**59,41/100** điểm); trong đó:

- Đơn vị có Chỉ số cao nhất đạt **90** điểm (Sở Khoa học và Công nghệ), đơn vị thấp nhất chỉ đạt **30** điểm (Ban Dân tộc);

- Chênh lệch giữa Chỉ số cao nhất và thấp nhất **60** điểm, giảm **3,23** điểm so với năm 2013 (**63,23** điểm).

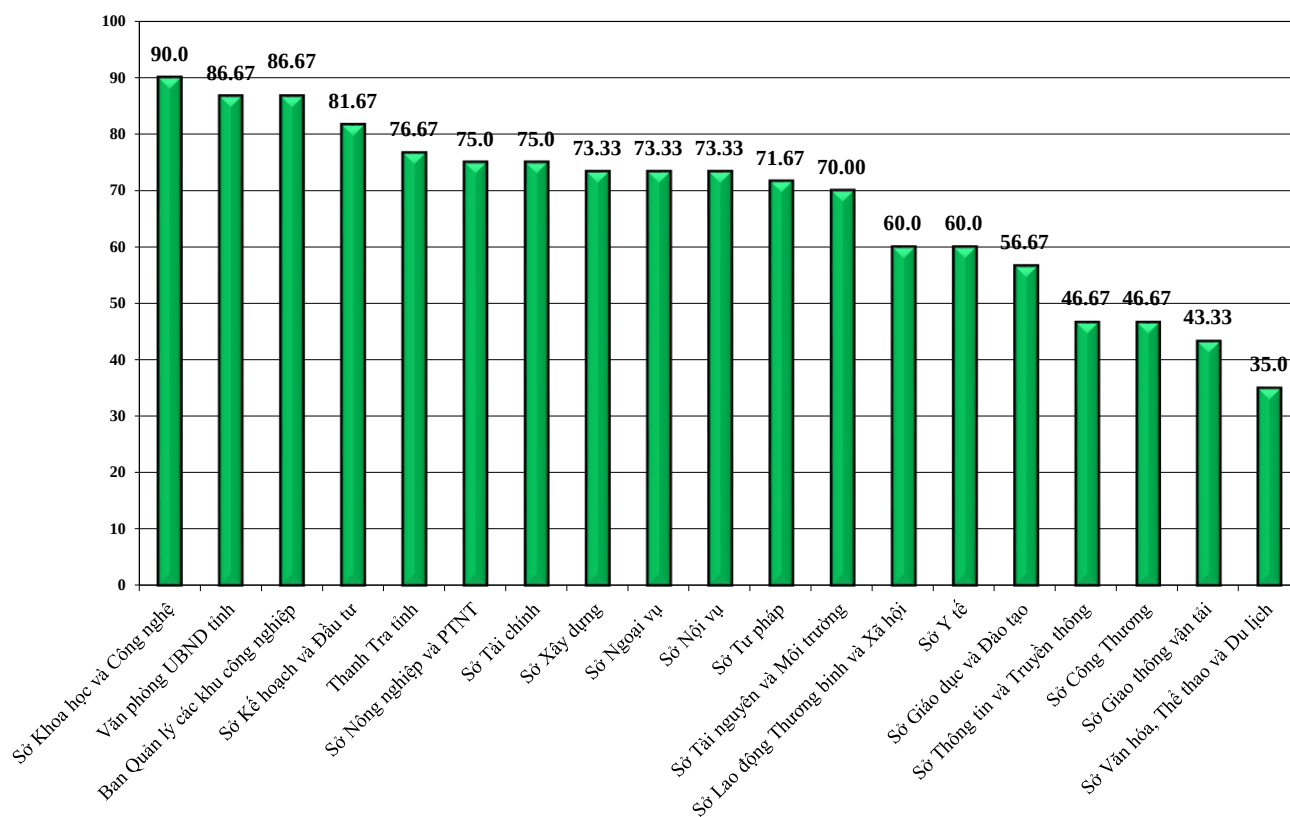
Qua kết quả xác định Chỉ số CCHC cho thấy, công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC của các sở, ban, ngành đã có chuyển biến theo hướng tích cực hơn, đồng bộ hơn năm 2014; hầu hết các đơn vị xây dựng và triển khai kế hoạch CCHC năm 2015; một số đơn vị thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC, xây dựng

và triển khai các kế hoạch tuyên truyền, kiểm tra CCHC trong nội bộ; nhiều đơn vị chủ động chỉ đạo triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính như: Sở Khoa học và Công nghệ có sáng kiến xây dựng phương thức thống kê báo cáo CCHC các đơn vị trực thuộc trên Website của sở; Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ động khảo sát sự hài lòng của người dân về hiệu quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của sở.

Tuy nhiên, một số đơn vị ban hành kế hoạch CCHC còn chung chung, chưa xác định đầy đủ các lĩnh vực CCHC theo chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh; kế hoạch cải cách hành chính chưa xác định các mục tiêu cụ thể (sản phẩm đầu ra) và chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị; thực hiện các báo cáo CCHC trễ hạn, chưa đầy đủ nội dung theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012. Công tác tuyên truyền, kiểm tra CCHC vẫn còn ở mức độ ban hành văn bản chỉ đạo, chưa có kết quả triển khai cụ thể và hiệu quả thực tế còn thấp. Các đơn vị gắn kết quả CCHC với công tác thi đua khen thưởng nhưng chỉ ban hành phát động thi đua chung chung, chưa đưa ra các chỉ tiêu CCHC cụ thể làm cơ sở bình xét thi đua khen thưởng. Công tác triển khai một số chỉ đạo của UBND tỉnh về cải cách hành chính vẫn chưa đáp ứng yêu cầu chất lượng, tiến độ theo kế hoạch đề ra.

Kết quả xác định Chỉ số Lĩnh vực chỉ đạo, điều hành CCHC của các sở, ban, ngành năm 2015 được trình bày cụ thể tại Hình 6, Bảng 8 dưới đây:

Hình 6: Chỉ số lĩnh vực chỉ đạo, điều hành CCHC
của các sở, ban, ngành năm 2015



Bảng 8: Chỉ số Lĩnh vực chỉ đạo, điều hành CCHC của các sở, ban, ngành năm 2015

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
1	Sở Khoa học và Công nghệ	90	15	15	13,5	Kế hoạch CCHC năm 2015 xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo chỉ đạo của UBND tỉnh; triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 đạt 100% mục tiêu đề ra; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; thực hiện tốt công tác tuyên truyền CCHC; gắn kết quả CCHC với công tác thi đua khen thưởng; đơn vị có sáng kiến xây dựng phương thức thông kê báo cáo CCHC các đơn vị trực thuộc trên Website của sở.	Thực hiện báo cáo CCHC 6 tháng chưa phù hợp theo chỉ đạo Chủ tịch UBND tỉnh (đơn vị báo cáo quý II, trừ 0,5đ); thực hiện kế hoạch kiểm tra CCHC chỉ đạt 42,85% (6/14) tổng số đơn vị (trừ 2đ).	Thực hiện các báo cáo CCHC đúng nội dung theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; Xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra CCHC hàng năm.
2	Văn phòng UBND tỉnh	86,67	15	14	13	Thực hiện tốt công tác ban hành kế hoạch CCHC năm; thực hiện tốt công tác báo cáo CHCC; triển khai hiệu quả công tác kiểm tra,	Kết quả thực hiện kế hoạch CCHC năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ).	Tiếp tục triển khai hiệu quả kế hoạch CCHC năm.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
						tuyên truyền CCHC; gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua khen thưởng.		
3	Ban Quản lý các khu công nghiệp	86,67	15	15	13	Kế hoạch CCHC năm 2015 xác định đầy đủ các nhiệm vụ theo chỉ đạo của UBND tỉnh; triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 đạt 100% mục tiêu đề ra; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; gắn kết quả CCHC với công tác thi đua khen thưởng. Đơn vị có sáng kiến rút ngắn thời gian giải quyết TTHC các lĩnh vực: đánh giá tác động môi trường (giảm 10 ngày), xây dựng (giảm 05 ngày), lao động (giảm 03 ngày).	Báo cáo CCHC quý I, 9 tháng, báo cáo năm trễ hạn (trừ 0,5đ); triển khai kiểm tra CCHC năm 2015 chỉ đạt 70% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); chưa ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC (trừ 0,5đ).	Thực hiện các báo cáo CCHC đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; Xây dựng, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch tuyên truyền, kiểm tra CCHC hàng năm.
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	81,67	15	14,75	12,25	Kế hoạch CCHC năm 2015 xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo chỉ đạo của UBND tỉnh; thực hiện tốt	Ban hành kế hoạch CCHC trễ hạn (trừ 0,25đ); thực hiện kế hoạch CCHC năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); báo cáo CCHC quý I, 9	Ban hành, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch CHCC năm; thực hiện báo cáo CCHC đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
						các báo cáo CHCC; triển khai hiệu quả công tác kiểm tra, tuyên truyền CCHC; gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua khen thưởng.	tháng trễ hạn (trừ 0,5đ).	3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012.
5	Thanh Tra tỉnh	76,67	15	15	11,5	Thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; thực hiện tốt công tác kiểm tra CCHC; gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC với công tác đánh giá thi đua khen thưởng.	Kế hoạch CCHC năm 2015 xác định một số nhiệm vụ chưa phù hợp với chỉ đạo của UBND tỉnh (trừ 0,5đ); triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 0,5đ); ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC chưa cụ thể nội dung, thời gian tuyên truyền (trừ 0,5đ); triển khai tuyên truyền chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ).	Ban hành kế hoạch CCHC cần xác định cụ thể các nhiệm vụ theo chỉ đạo của UBND tỉnh, phù hợp với thực tế đơn vị; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch tuyên truyền CCHC năm.
6	Sở Nông nghiệp và PTNT	75	15	13,75	11,25	Kế hoạch CCHC năm 2015 xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo chỉ đạo của UBND tỉnh; thực hiện đầy đủ các báo cáo CHCC; triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, kiểm tra CCHC.	Ban hành kế hoạch CCHC trễ hạn (trừ 0,25đ); triển khai kế hoạch CCHC chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); Báo cáo CCHC 6 tháng, 9 tháng trễ hạn (trừ 0,5đ); chưa gắn nhiệm vụ CCHC với thi đua khen thưởng (trừ 0,5đ).	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch CHCC năm; thực hiện báo cáo CCHC đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; gắn công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng; triển khai hiệu quả, kịp thời chỉ đạo của

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
								UBND tỉnh về CCHC, nhất là hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại đơn vị.
7	Sở Tài chính	75	15	13,25	11,25	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, kiểm tra CCHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh; gắn việc thực hiện nhiệm vụ CCHC với công tác thi đua khen thưởng.	Kế hoạch CCHC năm chưa cụ thể đầy đủ các nhiệm vụ theo chỉ đạo của UBND tỉnh (trừ 0,5đ), chưa xác định cụ thể các kết quả (sản phẩm đầu ra), chưa phân công nhiệm vụ các đơn vị (trừ 0,5đ); triển khai kế hoạch CCHC chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); báo cáo CCHC 9 tháng, báo cáo năm thiếu nội dung cải cách TTHC (trừ 0,5đ); báo cáo quý I, 6 tháng, báo cáo năm trễ hạn (trừ 0,5đ).	Kế hoạch CCHC năm cần cụ thể đầy đủ các nhiệm vụ theo chỉ đạo của UBND tỉnh, xác định cụ thể các kết quả (sản phẩm đầu ra) đối với từng nhiệm vụ, thời gian hoàn thành để thực hiện; thực hiện báo cáo CCHC đầy đủ nội dung, đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012.
8	Sở Xây dựng	73,33	15	15	11	Xây dựng kế hoạch CCHC năm 2015 xác định đầy đủ nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; thực hiện tốt công tác kiểm tra CCHC.	Triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 đạt 83,33% (15/18) mục tiêu đề ra (trừ 2đ); báo cáo CCHC năm trễ hạn (trừ 0,5đ); xây dựng kế hoạch tuyên truyền CCHC có nội dung không thực hiện được (cập nhật Bộ TTHC lên cơ sở quốc gia về TTHC, trừ 0,5đ).	Ban hành và triển khai kế hoạch hiệu quả CCHC hàng năm; thực hiện báo cáo CCHC đúng thời gian theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch tuyên truyền CCHC.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
9	Sở Ngoại vụ	73,33	15	15	11	Kế hoạch CCHC năm 2015 đã xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo chỉ đạo của UBND tỉnh; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; thực hiện tốt công tác kiểm tra CCHC; gắn kết quả CCHC với công tác thi đua khen thưởng.	Triển khai kế hoạch CCHC chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); ban hành và triển khai kế hoạch tuyên truyền CCHC chưa đạt yêu cầu (trừ 2đ).	Xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch CCHC năm; xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch tuyên truyền CCHC.
10	Sở Tư pháp	71,67	15	15	10,75	Xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch tuyên truyền, kiểm tra CCHC; gắn nhiệm vụ CCHC với thi đua khen thưởng.	Kế hoạch CCHC năm 2015 ban hành trễ hạn (trừ 0,25đ); triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 đạt 88,88% (24/27) mục tiêu đề ra (trừ 2đ); 04 báo cáo CCHC đều thiếu nội dung cải cách thể chế của tỉnh và trễ hạn (trừ 1đ).	Xây dựng, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch CCHC năm. Thực hiện báo cáo CCHC đầy đủ nội dung, đúng thời hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012.
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	70	15	13,5	10,5	Xây dựng kế hoạch CCHC năm 2015 xác định đầy đủ nhiệm vụ theo chỉ đạo của UBND tỉnh; thực hiện tốt công tác tuyên truyền CCHC; đơn vị có sáng kiến tham mưu triển khai song song 02 quy trình cấp giấy	Triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 đạt 90% (17/19) mục tiêu đề ra (trừ 1đ); báo cáo CCHC quý I, 6 tháng, 9 tháng trễ hạn (trừ 0,5đ); triển khai kiểm tra CCHC chỉ đạt 57,89% kế hoạch năm (11/19 đơn vị, trừ 2đ); chưa gắn việc thực hiện nhiệm vụ CCHC với công tác thi đua	Ban hành và triển khai hiệu quả kế hoạch CCHC năm; thực hiện báo cáo CCHC đúng thời gian theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; gắn nhiệm vụ CCHC với công tác đánh giá thi đua khen thưởng.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
						chứng nhận quyền sử dụng đất và nộp thuế, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC.	khen thưởng (trừ 1đ).	
12	Sở Nội vụ	73,33	15	12	11	Ban hành kế hoạch CCHC năm 2015 xác định đầy đủ nhiệm vụ theo chỉ đạo của UBND tỉnh; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; có triển khai công tác kiểm tra, tuyên truyền CCHC.	Triển khai kế hoạch CCHC chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); báo cáo năm thiếu nội dung về công tác tuyên truyền CCHC (trừ 0,5đ); triển khai kế hoạch tuyên truyền chưa đủ nội dung theo kế hoạch (chưa thực hiện tuyên truyền báo, đài, trừ 0,5đ); chưa gắn công tác CCHC với thi đua khen thưởng (trừ 1đ); chưa có sáng kiến CCHC nên TCTP 1.5.2 không đạt 1 điểm.	Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch CCHC năm; thực hiện báo cáo CCHC đầy đủ nội dung, đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch tuyên truyền CCHC; gắn kết quả CCHC với công tác thi đua khen thưởng.
13	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	60	15	12,5	9	Kế hoạch CCHC năm 2015 xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo chỉ đạo của UBND tỉnh; triển khai tốt công tác tuyên truyền CCHC; chủ động khảo sát sự hài lòng của người dân về hiệu quả giải quyết TTHC của đơn vị.	Triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 đạt 84,76% (22/26 mục tiêu) (trừ 2đ); báo cáo CCHC quý 1, 06 tháng thiếu nội dung cải cách thể chế, tổ chức bộ máy, xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC, tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính (trừ 0,5đ); các báo cáo CCHC đều trễ hạn (trừ 0,5đ);	Ban hành và triển khai hiệu quả kế hoạch CCHC năm; thực hiện báo cáo CCHC đầy đủ nội dung, đúng thời gian theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra CCHC năm; gắn nhiệm vụ CCHC với công

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
							triển khai kiểm tra CCHC chỉ đạt 41,17% kế hoạch đề ra (7/17 đơn vị, trừ 2đ); chưa gắn nhiệm vụ CCHC với thi đua khen thưởng (trừ 1đ).	tác đánh giá thi đua khen thưởng.
14	Sở Y tế	60	15	13,5	9	Kế hoạch CCHC năm 2015 đã xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC định kỳ; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch tuyên truyền CCHC.	Triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); báo cáo CCHC quý I trễ hạn (trừ 0,5đ); triển khai kiểm tra CHCC chưa đạt 70% kế hoạch đề ra (trừ 2đ); chưa gắn nhiệm vụ CCHC với thi đua khen thưởng (trừ 1đ).	Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch CCHC năm; thực hiện báo cáo CCHC đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra CCHC; gắn kết quả CCHC với công tác thi đua khen thưởng.
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	56,67	15	12	8,5	Kế hoạch CCHC năm 2015 xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch tuyên truyền CCHC.	Triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 đạt từ 80% đến dưới 90% mục tiêu đề ra (trừ 2đ); báo cáo CCHC 9 tháng, báo cáo năm trễ hạn (trừ 0,5đ); triển khai kiểm tra CHCC chưa đạt 70% kế hoạch đề ra (trừ 2đ); triển khai kế hoạch tuyên truyền CCHC chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 0,5đ); chưa gắn nhiệm vụ CCHC với thi đua khen thưởng	Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch CCHC năm; thực hiện báo cáo CCHC đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra, tuyên truyền CCHC; gắn kết quả CCHC với công tác thi đua khen thưởng.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
							(trừ 1đ).	
16	Sở Thông tin và Truyền thông	46,67	15	11.5	7	Kế hoạch CCHC năm 2015 đã xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo chỉ đạo của UBND tỉnh; thực hiện đầy đủ các báo cáo CHCC; triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền CCHC.	Ban hành kế hoạch CCHC trễ hạn (trừ 0,5đ); triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 chỉ đạt từ 80% đến dưới 90% mục tiêu đề ra (trừ 2đ); thực hiện kiểm tra CCHC chỉ đạt 37,5% (3/8) đơn vị theo kế hoạch (trừ 2đ); chưa xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (trừ 1đ); báo cáo CCHC 9 tháng trễ hạn (trừ 1đ); chưa gắn nhiệm vụ CCHC với thi đua khen thưởng (trừ 1đ).	Ban hành, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch CHCC năm; thực hiện báo cáo CCHC đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra CCHC, kiểm tra CCHC cần ban hành kết luận kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện kết luận kiểm tra; gắn công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng.
17	Sở Công Thương	46,67	15	15	7	Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2015 kịp thời; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; ban hành kế hoạch kiểm tra CCHC; gắn kết quả thi đua khen thưởng với công tác CCHC.	Kế hoạch CCHC năm 2015 chưa xác định cụ thể các kết quả (sản phẩm đầu ra) đối với từng nhiệm vụ (trừ 0,5đ); triển khai kế hoạch CCHC chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); báo cáo CCHC 6 tháng, báo cáo năm trễ hạn (trừ 0,5đ); thực hiện kiểm tra CCHC chưa đạt 70% kế hoạch đề ra (trừ 2đ); chưa xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền CCHC (trừ 2đ).	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch CHCC năm; thực hiện báo cáo CCHC đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; triển khai hiệu quả, kịp thời chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC, nhất là hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
18	Sở Giao thông vận tải	43,33	15	11	6,5	Ban hành và triển khai kế hoạch CCHC năm 2015; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC định kỳ; xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền CCHC.	Triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 đạt từ 80% đến dưới 90% mục tiêu đề ra (trừ 2đ); báo cáo CCHC quý I, 9 tháng trễ hạn (trừ 0,5đ); chưa xây dựng, triển khai kế hoạch kiểm tra CHCC (trừ 3,5đ); triển khai kế hoạch tuyên truyền CCHC chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 0,5đ); chưa gắn nhiệm vụ CCHC với thi đua khen thưởng (trừ 1đ).	Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch CCHC năm; thực hiện báo cáo CCHC đầy đủ nội dung, đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra, tuyên truyền CCHC; gắn kết quả CCHC với công tác thi đua khen thưởng.
19	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	35	15	12,75	5,25	Ban hành, triển khai kế hoạch CCHC năm 2015; ban hành và triển khai kế hoạch tuyên truyền CCHC.	Triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); Không thực hiện báo cáo CCHC quý I, 6 tháng, 9 tháng (trừ 2đ); chưa triển khai kế hoạch kiểm tra CCHC (trừ 2đ); chưa triển khai kế hoạch tuyên truyền CCHC (trừ 1,5đ); chưa gắn việc thực hiện nhiệm vụ CCHC với công tác thi đua khen thưởng (trừ 1đ).	Thủ trưởng đơn vị cần quan tâm chỉ đạo triển khai CCHC tại đơn vị: Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch CCHC năm; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC theo nội dung, thời hạn tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012 của UBND tỉnh; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra, tuyên truyền CCHC; gắn kết quả CCHC với công tác thi đua khen thưởng.
20	Ban Dân tộc	30	15	9,5	4,5	Ban hành, triển khai kế hoạch CCHC năm 2015;	Triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 đạt từ 80% đến dưới 90%	Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch CCHC năm;

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
						ban hành kế hoạch kiểm tra, tuyên truyền CCHC.	mục tiêu đề ra (trừ 2đ); Các báo cáo CCHC thiếu nội dung chỉ đạo, điều hành (trừ 0,5đ); Báo cáo CCHC quý I trễ hạn; chưa xây dựng, triển khai kế hoạch kiểm tra CCHC (trừ 3,5đ), chưa xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền CCHC (trừ 2đ); chưa gắn việc thực hiện nhiệm vụ CCHC với công tác thi đua khen thưởng (trừ 1đ).	thực hiện báo cáo CCHC đầy đủ nội dung, đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra, tuyên truyền CCHC; gắn kết quả CCHC với công tác thi đua khen thưởng.

4. Chỉ số Lĩnh vực tham mưu xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các sở, ban, ngành năm 2015

Chỉ số CCHC lĩnh vực tham mưu xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trung bình của các sở, ban, ngành là **82,64/100** điểm, tăng **6,11** điểm so với năm 2014 (**76,53/100** điểm); trong đó:

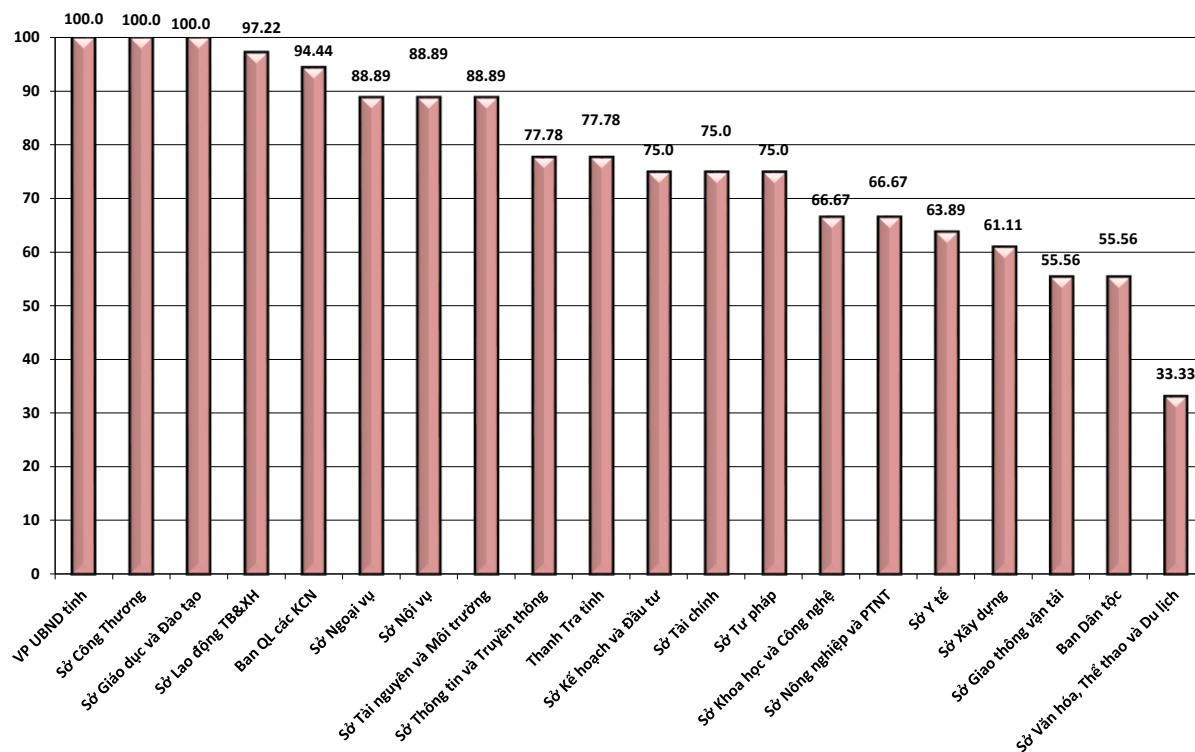
- Đơn vị có Chỉ số cao nhất đạt **100** điểm (Văn phòng UBND tỉnh, Ngoại vụ), đơn vị thấp nhất chỉ đạt **65,9** điểm (Sở Nội vụ);
- Chênh lệch giữa Chỉ số cao nhất và thấp nhất **34,1** điểm, giảm **32,57** điểm so với năm 2014 (**66,67** điểm).

Qua kết quả chỉ số, xác định được các mặt mạnh và hạn chế của các đơn vị như sau:

- Các sở, ban, ngành có rà soát, tham mưu UBND tỉnh xây dựng chương trình ban hành văn bản QPPL năm 2015; tham mưu ban hành nhiều văn bản QPPL để hoàn thiện cơ chế chính sách thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị; triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên (có liên quan đến cải cách hành chính).
- Tuy nhiên, vẫn còn 10/20 (50%) các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL trễ thời hạn đăng ký; vẫn còn trường hợp không tham mưu ban hành văn bản QPPL đã đăng ký. Một số đơn vị chưa chủ động trong việc triển khai công tác rà soát văn bản QPPL của ngành.

Kết quả xác định Chỉ số Lĩnh vực tham mưu xây dựng và ban hành văn bản QPPL của các sở, ban, ngành năm 2015 được trình bày cụ thể tại Hình 7, Bảng 9 dưới đây:

Hình 7: Chỉ số lĩnh vực tham mưu xây dựng và ban hành văn bản QPPL của các sở, ban, ngành năm 2015



Bảng 9: Chỉ số Lĩnh vực tham mưu xây dựng và ban hành văn bản QPPL của các sở, ban, ngành năm 2015

Stt	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
1	Văn phòng UBND tỉnh	100	9	9	9	Đơn vị đặc thù phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu UBND tỉnh thực hiện công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL trên phạm vi cả tỉnh.		
2	Sở Ngoại vụ	100	9	9	9	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng chương trình đã được phê duyệt. Thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.		Chủ động triển khai đầy đủ, kịp thời văn bản QPPL của cấp trên.
3	Ban Quản lý các khu công nghiệp	97,22	9	9	8,75	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng chương trình đã được phê duyệt; triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên về các lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,25đ).	Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL để kịp thời hoàn thiện các biện pháp quản lý, điều hành, cơ chế chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp; ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đúng hạn để thực hiện.

Stt	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
4	Thanh Tra tỉnh	97,22	9	9	8,75	Triển khai tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,25đ).	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL kịp thời để thực hiện.
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	97,22	9	9	8,75	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng chương trình đã được phê duyệt. Thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên ban hành.	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,25đ).	Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng chương trình đã được phê duyệt; ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL kịp thời để thực hiện.
6	Sở Thông tin và Truyền thông	94,44	9	9	8,5	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng chương trình đã được phê duyệt. Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên thuộc các lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,5đ).	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL kịp thời để thực hiện.
7	Sở Tài chính	94,44	9	8,75	8,5	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng chương trình đã được phê duyệt. Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên ban hành.	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,25đ).	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL kịp thời để thực hiện.

Stt	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
8	Ban Dân tộc	94,44	9	8,75	8,5	Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên về các lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,25đ); thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL chưa đạt hiệu quả (trừ 0,25đ).	Ban hành, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	88,89	9	7	8	Tham mưu UBND tỉnh ban hành 21/27 văn bản QPPL theo chương trình được phê duyệt; triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Tham mưu UBND tỉnh ban hành 5 văn bản QPPL trễ hạn (trừ 1đ);	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng thời hạn, số lượng đã đăng ký.
10	Sở Tư pháp	86,11	9	7,75	7,75	Thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên về các lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Một số văn bản QPPL tham mưu UBND tỉnh trễ hạn (trừ 1đ).	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng thời hạn đã đăng ký.
11	Sở Công Thương	75	9	9	6,75	Thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên về các lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Tham mưu ban hành 3/10 văn bản QPPL trễ hạn (trừ 2đ); ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,25đ).	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng thời hạn, số lượng đã đăng ký để hoàn thiện các biện pháp quản lý, điều hành, cơ chế chính sách của ngành; ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL đúng hạn để thực hiện.

Stt	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	75	9	7	6,75	Thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên về các lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Ban hành kế hoạch rà soát văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,25đ)	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng thời hạn, số lượng đã đăng ký để hoàn thiện các biện pháp quản lý, điều hành, cơ chế chính sách của ngành; ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL đúng hạn để thực hiện.
13	Sở Y tế	75	9	6,75	6,75	Thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên về các lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Chưa tham mưu UBND tỉnh ban hành 3/5 văn bản đăng ký (trừ 2đ); ban hành Kế hoạch rà soát văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,25đ)	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng thời hạn, số lượng đã đăng ký để hoàn thiện các biện pháp quản lý, điều hành, cơ chế chính sách của ngành; ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL đúng hạn để thực hiện.
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	75	9	7	6,75	Triển khai đầy đủ các văn bản QPPL của cấp trên ban hành thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Không đăng ký ban hành văn bản QPPL năm 2015; ban hành kế hoạch rà soát văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,25đ)	Chủ động rà soát, đăng ký văn bản QPPL vào Chương trình của UBND tỉnh; không tham mưu ban hành văn bản ngoài Chương trình; xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

Stt	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
15	Sở Nông nghiệp và PTNT	72,22	9	9	6,5	Triển khai tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và các văn bản QPPL của cấp trên ban hành thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Tham mưu UBND tỉnh ban hành 02/3 văn bản QPPL trễ hạn (trừ 2đ). Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,5đ).	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng thời hạn, số lượng đã đăng ký để hoàn thiện các biện pháp quản lý, điều hành, cơ chế chính sách của ngành; ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL đúng hạn.
16	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	66,67	9	8	6	Thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên về các lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản 3/6 văn bản QPPL trễ hạn (trừ 3đ).	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng thời hạn, số lượng đã đăng ký để hoàn thiện các biện pháp quản lý, điều hành, cơ chế chính sách của ngành.
17	Sở Khoa học và Công nghệ	66,67	9	9	6	Triển khai tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Tham mưu UBND ban hành 2/5 (40%) văn bản trong Chương trình phê duyệt của UBND tỉnh (trừ 3đ).	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng chương trình đã được phê duyệt.
18	Sở Xây dựng	66,67	9	9	6	Triển khai tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và các văn bản QPPL của cấp trên ban hành thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Tham mưu UBND tỉnh ban hành 3/6 văn bản QPPL trễ thời hạn (trừ 3đ);	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng số lượng, thời hạn đã đăng ký.

Stt	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
19	Sở Giao thông vận tải	66,67	9	8	6	Triển khai tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Tham mưu ban hành 1/2 văn bản QPPL đã đăng ký (trừ 3đ).	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng thời hạn, số lượng đã đăng ký.
20	Sở Nội vụ	63,89	9	8	5,75	Có thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên ban hành về các lĩnh vực quản lý của đơn vị.	Chỉ tham mưu UBND tỉnh ban hành 5/16 (31,25%) văn bản QPPL đúng hạn đăng ký (trừ 3đ); ban hành kế hoạch rà soát văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,25đ)	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL đúng thời hạn, số lượng đã đăng ký; ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL đúng hạn để thực hiện.

5. Chỉ số Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành năm 2015

Chỉ số CCHC lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính trung bình của các sở, ban, ngành là **89,72/100** điểm, tăng **9,11** điểm so với năm 2014 (80,61/100 điểm); trong đó:

- Đơn vị có Chỉ số cao nhất đạt **100** điểm (Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư), đơn vị thấp nhất chỉ đạt **76,9** điểm (Ban Dân tộc);

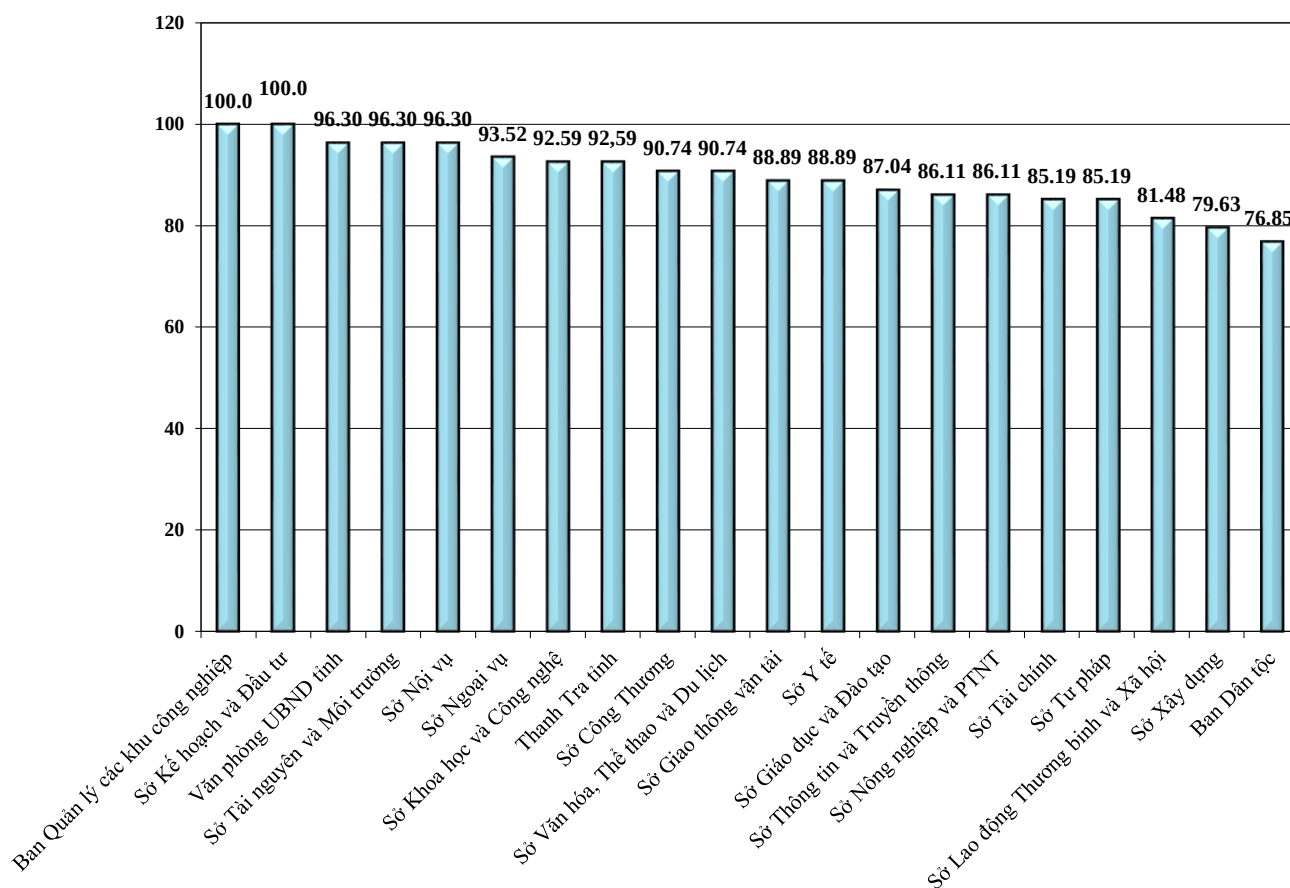
- Chênh lệch giữa Chỉ số cao nhất và thấp nhất **23,1** điểm, giảm **8,36** điểm so với năm 2014 (31,46 điểm).

Qua kết quả xác định Chỉ số cho thấy, cải cách TTHC năm 2015 được các đơn vị chú trọng thực hiện, kết quả đã có chuyển biến tích cực hơn, đồng bộ hơn năm 2014; hầu hết các sở, ban, ngành thực hiện tốt cơ chế một cửa hiện đại để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân; một số đơn vị chủ động triển khai các sáng kiến cải cách TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu triển khai song song 02 quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nộp thuế, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; Ban Quản lý các Khu công nghiệp rút ngắn thời gian giải quyết TTHC các lĩnh vực: đánh giá tác động môi trường (giảm 10 ngày), xây dựng (giảm 05 ngày), lao động (giảm 03 ngày).

Tuy nhiên, thực hiện cơ chế liên thông giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân vẫn còn hạn chế; công tác kiểm soát TTHC chưa được triển khai hiệu quả, kịp thời theo kế hoạch của UBND tỉnh (công tác rà soát, ban hành TTHC của một số ngành còn chậm; nhiều đơn vị chưa xây dựng phương án đơn giản hóa quy định, TTHC theo kế hoạch của tỉnh; chưa kiểm tra kiểm soát TTHC); công khai TTHC công khai TTHC tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang thông tin điện tử chưa đầy đủ theo yêu cầu. Đây là những nội dung các sở, ngành cần thực hiện hiệu quả trong thời gian tới.

Kết quả xác định Chỉ số cải cách TTHC của các sở, ban, ngành năm 2015 được trình bày cụ thể tại Hình 8, Bảng 10 dưới đây:

Hình 8: Chỉ số lĩnh vực cải cách TTHC các sở, ban, ngành năm 2015



Bảng 10: Chỉ số Lĩnh vực Cải cách TTHC của các sở, ban, ngành năm 2015

Số TT	Lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
1	Ban Quản lý các khu công nghiệp	100	27	27	27	Thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kịp thời Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị; công khai đầy đủ TTHC tại Bộ phận TN&TKQ; điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và trả kết quả; thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.		Tiếp tục triển khai hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100	27	27	27	Thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC, đã tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung, kịp thời Bộ TTHC của ngành. Công khai TTHC đầy đủ tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang thông tin điện tử; triển khai tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.		Thực hiện tốt cơ chế một cửa, rà soát mở rộng cơ chế một cửa liên thông các lĩnh vực đăng ký kinh doanh, đầu tư; tập trung nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp.

Số TT	Lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
3	Văn phòng UBND tỉnh	96,3	27	26	26	Đơn vị đặc thù phối hợp tham mưu UBND tỉnh thực hiện công tác kiểm soát TTHC, công khai TTHC trên phạm vi cả tỉnh. Thực hiện tốt cơ chế một cửa trong tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt từ 90% đến dưới 95% tổng số hồ sơ (trừ 1đ).	Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho các tổ chức, người dân.
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	96,3	27	27	26	Tham mưu UBND tỉnh ban hành kịp thời Bộ TTHC của ngành tài nguyên và môi trường; Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn trên 95% tổng số hồ sơ; triển khai tốt cơ chế một cửa liên thông giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai.	Thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC chỉ đạt 80% mục tiêu đề ra (trừ 1đ): chưa xây dựng phương án kiến nghị đơn giản hóa quy định, TTHC theo kế hoạch của UBND tỉnh và kế hoạch số 492/KH-STNMT ngày 26/11/2014 của Sở; chưa tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho công chức của sở.	Xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm soát TTHC; tiếp tục nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.
5	Sở Nội vụ	96,3	27	25,5	26	Thực hiện tốt công tác công khai TTHC; tiếp nhận, giải quyết TTHC.	Thực hiện cơ chế một cửa liên thông chưa đạt tiêu chí đề ra (hiện đang thực hiện 2 TTHC, trừ 1đ).	Tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông hiện đại, nhất là sử dụng phần mềm một cửa; chủ động rà soát triển khai liên thông giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

Số TT	Lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
6	Sở Ngoại vụ	93,52	27	26,25	25,25	Thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC; công khai TTHC đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Trang thông tin điện tử; thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC trễ hạn (trừ 0,25đ); đơn vị triển khai cơ chế liên thông 03 TTHC nên TC 5.1 chỉ đạt 2/3 điểm.	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC kịp thời để thực hiện; chủ động rà soát tăng cường cơ chế một cửa liên thông giải quyết TTHC.
7	Sở Khoa học và Công nghệ	92,59	27	26	25	Đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kịp thời Bộ TTHC của ngành; thực hiện tốt công tác công khai TTHC tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang thông tin điện tử; triển khai tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.	Triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (chưa xây dựng phương án kiến nghị đơn giản hóa quy định, TTHC theo kế hoạch của tỉnh và của sở; chưa tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho công chức của sở, trừ 1đ).	Ban hành và triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm soát TTHC.
8	Thanh Tra tỉnh	92,59	27	24,5	25	Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo.	Thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); chưa rà soát quy định tiếp nhận và giải quyết, chuyển đơn, thư của đơn vị (trừ 0,5đ).	Ban hành, triển khai hiệu quả, kịp thời kế hoạch rà soát TTHC; rà soát điều chỉnh quy định tiếp nhận và giải quyết, chuyển đơn, thư trong nội bộ.

Số TT	Lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
9	Sở Công Thương	90,74	27	27	24,5	Thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của sở; công khai đầy đủ tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang thông tin điện tử; thực hiện tốt tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.	Chưa chủ động rà soát mở rộng cơ chế một cửa liên thông (chỉ triển khai liên thông 01 TTHC, trừ 2đ); chưa rà soát điều chỉnh, bổ sung quy định tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa (trừ 0.5đ).	Chủ động rà soát tăng cường cơ chế một cửa liên thông giải quyết TTHC; điều chỉnh bổ sung kịp thời quy chế tiếp nhận và trả kết quả TTHC theo cơ chế một cửa.
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	90,74	27	25,5	24,5	Kế hoạch kiểm soát TTHC ban hành đúng hạn; công khai đầy đủ TTHC tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang thông tin điện tử; thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.	Triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2015 chỉ đạt 85% mục tiêu đề ra: chưa tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho công chức đơn vị, chưa xây dựng phương kiến nghị đơn giản hóa TTHC (trừ 1đ); chưa chủ động triển khai cơ chế một cửa liên thông giải quyết TTHC (trừ 1đ).	Ban hành và triển khai hiệu quả công tác kiểm soát TTHC; chủ động triển khai cơ chế một cửa liên thông giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.
11	Sở Giao thông vận tải	88,89	27	25,5	24	Thực hiện tốt công tác giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp, nhất là thủ tục cấp đổi giấy phép lái xe; công khai đầy đủ TTHC tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.	Triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC chỉ đạt 100% mục tiêu đề ra (chưa kiểm tra kiểm soát TTHC; chưa tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho công chức, trừ 1đ); chưa điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và trả kết quả theo cơ	Ban hành và triển khai hiệu quả, kịp thời kế hoạch kiểm soát TTHC; điều chỉnh, bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa; chủ động rà soát triển khai liên thông trong giải quyết TTHC.

Số TT	Lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
							chế một cửa (trừ 0,5đ); chưa chủ động triển khai liên thông trong giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân (trừ 1đ).	
12	Sở Y tế	88,89	27	25,5	24	Kế hoạch kiểm soát TTHC ban hành đúng hạn; công khai đầy đủ TTHC tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang thông tin điện tử; thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.	Triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2015 chỉ đạt 85% mục tiêu đề ra: chưa tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho công chức đơn vị, chưa xây dựng phương kiến nghị đơn giản hóa TTHC (trừ 1đ); chưa điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và giải quyết TTHC (trừ 0,5đ).	Ban hành và triển khai hiệu quả, kịp thời kế hoạch kiểm soát TTHC; điều chỉnh, bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa.
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	87,04	27	25,5	23,5	Kế hoạch kiểm soát TTHC ban hành đúng hạn; công khai đầy đủ TTHC tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang thông tin điện tử; thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.	Triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2015 chỉ đạt 85% mục tiêu đề ra: chưa kiểm tra công tác kiểm soát TTHC, chưa tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho công chức, chưa xây dựng phương kiến nghị đơn giản hóa TTHC (trừ 1đ); chưa điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và giải quyết TTHC (trừ 1đ); chưa chủ động rà soát triển khai liên thông giải quyết TTHC (trừ 1đ).	Ban hành và triển khai hiệu quả, kịp thời kế hoạch kiểm soát TTHC; điều chỉnh, bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa; chủ động rà soát triển khai cơ chế một cửa liên thông giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

Số TT	Lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
14	Sở Thông tin và Truyền thông	86,11	27	25	23,25	Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kịp thời Bộ TTHC của ngành; thực hiện tốt công tác công khai TTHC tại Bộ phận TN&TKQ; triển khai tốt cơ chế một cửa hiện đại giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.	Kế hoạch kiểm soát TTHC ban hành trễ hạn (trừ 0,25đ); Công khai 50% (16/32) TTHC trên Trang thông tin điện tử (trừ 1,5đ); chưa điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa (trừ 0,5đ).	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC kịp thời để thực hiện; công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử; điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa.
15	Sở Nông nghiệp và PTNT	86,11	27	23,75	23,25	Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kịp thời Bộ TTHC của ngành; thực hiện tốt công tác công khai TTHC trên Trang thông tin điện tử; triển khai tốt cơ chế một cửa hiện đại để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC trễ hạn (trừ 0,25đ); công khai TTHC tại Bộ phận TN&TKQ chưa đầy đủ biểu mẫu (trừ 0,5đ); chưa chủ động rà soát thực hiện cơ chế một cửa liên thông giải quyết TTHC (trừ 1đ).	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC kịp thời để thực hiện; công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận TN&TKQ; chủ động rà soát thực hiện cơ chế một cửa liên thông giải quyết TTHC.
16	Sở Tài chính	85,19	27	26	23	Thực hiện công khai đầy đủ TTHC tại Bộ phận TN&TKQ; thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC cho các tổ chức và cá nhân.	Triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC chỉ đạt 85% mục tiêu đề ra (chưa xây dựng phương án kiến nghị đơn giản hóa quy định, TTHC theo kế hoạch của tỉnh và của sở; chưa tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho công chức của sở; chưa kiểm tra kiểm soát TTHC, trừ 1đ); chưa công khai TTHC trên trang thông	Xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm soát TTHC; công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử.

Số TT	Lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
							tin điện tử của đơn vị (trừ 1,5đ).	
17	Sở Tư pháp	85,19	27	27	23	Thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC; công khai đầy đủ, đúng quy định Bộ TTHC tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang thông tin điện tử; thực hiện tốt cơ chế một cửa liên thông giải quyết TTHC trong lĩnh vực hành chính tư pháp.	Tỷ lệ TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa chỉ đạt 78,2% (61/78) tổng số TTHC (trừ 2đ); Chưa điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa (trừ 1đ); công tác giải quyết TTHC, nhất là trong lĩnh vực hành chính tư pháp còn 9,25% (1435/15974) hồ sơ trễ hạn (trừ 1đ).	Nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông hiện đại; điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa; tập trung giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân đúng thời hạn.
18	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	81,48	27	27	22	Tham mưu UBND tỉnh ban hành kịp thời Bộ TTHC của ngành tài nguyên và môi trường; thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC cho tổ chức và cá nhân.	Triển khai công tác Kế hoạch kiểm soát TTHC chỉ đạt 82% mục tiêu đề ra (chưa xây dựng phương án kiến nghị đơn giản hóa quy định, TTHC theo kế hoạch của tỉnh và của Sở; chưa tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho công chức của sở, trừ 1đ); Niêm yết TTHC chưa đầy đủ biểu mẫu (trừ 0,5đ); chưa thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (trừ 3đ).	Ban hành và triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm soát TTHC; công khai TTHC tại Bộ phận TN&TKQ theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh; hoàn chỉnh mở rộng cơ chế một cửa liên thông giải quyết TTHC của ngành.
19	Sở Xây dựng	79,63	27	26,5	21,5	Công khai Bộ TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận TN&TKQ và trên	Rà soát, sửa đổi Bộ TTHC của ngành Xây dựng trễ hạn (trừ 1đ); chưa triển khai liên thông để giải	Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của ngành Xây dựng; triển khai

Số TT	Lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
						Trang thông tin điện tử; thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân (tỷ lệ hồ sơ đúng hạn đạt 98,52%).	quyết TTHC (trừ 3đ); Chưa điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa (trừ 1đ).	liên thông để giải TTHC cho tổ chức và cá nhân theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và của UBND tỉnh; điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa.
20	Ban Dân tộc	76,85	27	22	20,75	Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC của người dân.	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC trễ hạn (trừ 0,25đ); triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (chưa xây dựng phương án kiến nghị đơn giản hóa TTHC; chưa tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho công chức, trừ 1đ); Chưa có kết quả đề nghị điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của ngành (trừ 1đ); chưa cập nhật kịp thời TTHC lên trang thông tin điện tử (trừ 0,5đ); chưa tổ chức tiếp nhận TTHC theo cơ chế một cửa (trừ 1đ); chưa điều chỉnh quy định TN&TKQ kịp thời (trừ 1đ).	Ban hành và triển khai hiệu quả, kịp thời kế hoạch kiểm soát TTHC; cập nhật 100% TTHC lên Trang thông tin điện tử; thực hiện tiếp nhận TTHC theo cơ chế một cửa; điều chỉnh, bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa.

6. Chỉ số lĩnh vực Cải cách Tổ chức bộ máy của các sở, ban, ngành năm 2015

Chỉ số CCHC lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy trung bình của các sở, ban, ngành là **90,47/100** điểm, tăng **4,69** điểm so với năm 2014 (85,78/100 điểm); trong đó:

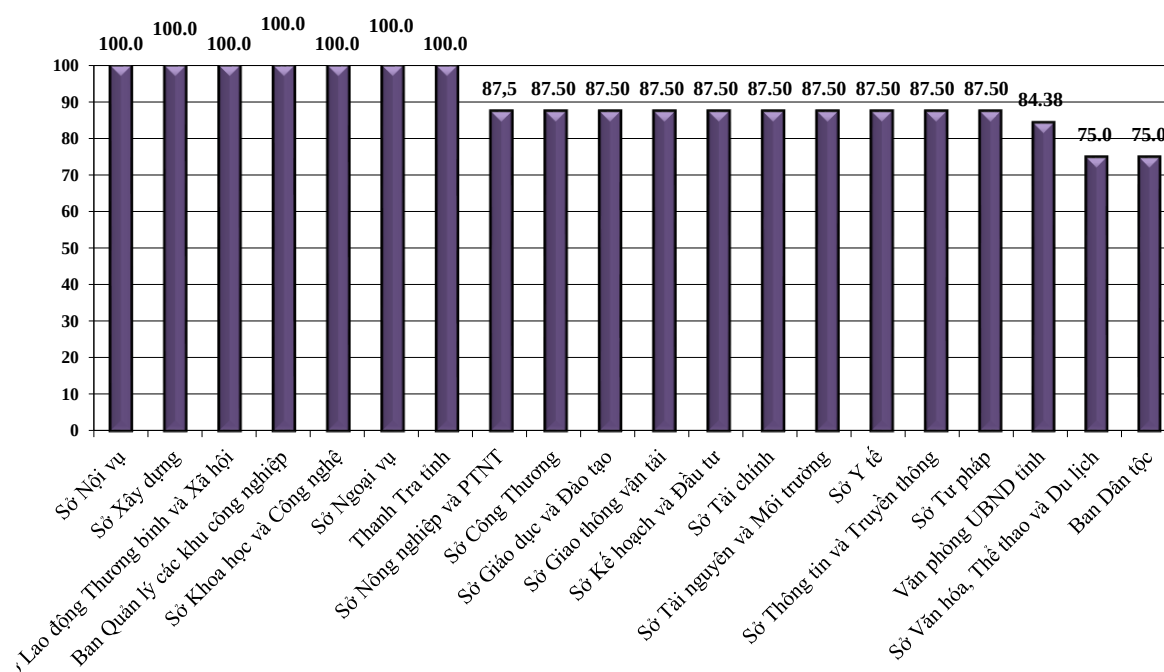
- Đơn vị có Chỉ số cao nhất đạt **100** điểm, đơn vị thấp nhất đạt **75** điểm. Chênh lệch giữa Chỉ số cao nhất và thấp nhất là **25** điểm.

Trong Lĩnh vực Cải cách tổ chức bộ máy, các sở, ban, ngành thực hiện đúng quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy; thực hiện đầy đủ các quy định phân cấp thẩm quyền quản lý.

Tuy nhiên, các đơn vị chưa thường xuyên rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc; chưa kiểm tra, đánh giá thường xuyên việc thực hiện các quy định phân cấp thẩm quyền quản lý do Trung ương và UBND tỉnh ban hành.

Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy của các sở, ban, ngành năm 2015 được trình bày cụ thể tại Hình 9, Bảng 11 dưới đây:

Hình 9: Chỉ số lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy các sở, ban, ngành năm 2015



Bảng 11: Chỉ số lĩnh vực Cải cách tổ chức bộ máy của các sở, ban, ngành năm 2015

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
1	Sở Nội vụ	100	8	7,5	8	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy. Thường xuyên rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định.		
2	Sở Xây dựng	100	8	8	8	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.		
3	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	100	8	8	8	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.		Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị theo đúng quy định.
4	Ban Quản lý các khu công nghiệp	100	8	8	8	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy; thường xuyên rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định.		Tiếp tục thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
5	Sở Khoa học và Công nghệ	100	8	8	8	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.		Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị theo đúng quy định.
6	Sở Ngoại vụ	100	8	8	8	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy; thường xuyên rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc.		Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định.
7	Thanh Tra tỉnh	100	8	7,75	8	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.		Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị theo đúng quy định.
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	87,5	8	7	7	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy; thường xuyên rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc.	Chưa kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp (trừ 1đ).	Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định; tăng cường thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
9	Sở Công Thương	87,5	8	8	7	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp (trừ 1đ).	Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp.
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	87,5	8	8	7	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa thường xuyên rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ 1đ).	Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định.
11	Sở Giao thông vận tải	87,5	8	8	7	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa thực hiện việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ 1đ).	Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định.
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	87,5	8	8	7	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp (trừ 1đ).	Thực hiện thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá đối với các nhiệm vụ đã phân cấp.
13	Sở Tài chính	87,5	8	8	7	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa thường xuyên rà soát cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban và các đơn vị trực thuộc (trừ 1đ).	Thực hiện thường xuyên việc rà soát chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	87,5	8	7	7	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp (trừ 1đ).	Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy. Tăng cường thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.
15	Sở Y tế	87,5	8	7,75	7	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp (trừ 1đ).	Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.
16	Sở Thông tin và Truyền thông	87,5	8	7	7	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy; thường xuyên rà soát cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban và các đơn vị trực thuộc.	Chưa kiểm tra việc, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ phân cấp thuộc lĩnh vực quản lý của sở (trừ 1đ).	Tiếp tục rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định; thực hiện kiểm tra thường xuyên việc đối với các nhiệm vụ đã phân cấp.
17	Sở Tư pháp	87,5	8	8	7	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa kiểm tra việc, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ phân cấp thuộc lĩnh vực quản lý của sở (trừ 1đ).	Thực hiện kiểm tra thường xuyên việc đối với các nhiệm vụ đã phân cấp.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
18	Văn phòng UBND tỉnh	84,38	8	6.75	6,75	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa thường xuyên rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ 1đ). Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp chưa hiệu quả (trừ 0,25đ).	Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định; Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.
19	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	75	8	7	6	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa thường xuyên rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ 1đ); chưa kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp (trừ 1đ).	Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định. Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.
20	Ban Dân tộc	75	8	8	6	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa thường xuyên rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ 1đ); chưa kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp (trừ 1đ).	Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định; thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

7. Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành năm 2015

Chỉ số CCHC lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trung bình của các sở, ban, ngành là **74/100** điểm, giảm **6,67** điểm so với năm 2014 (80,67/100 điểm); trong đó:

- Đơn vị có Chỉ số CCHC cao nhất đạt **93,33** điểm (Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ), đơn vị thấp nhất đạt **53,33** điểm (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch);

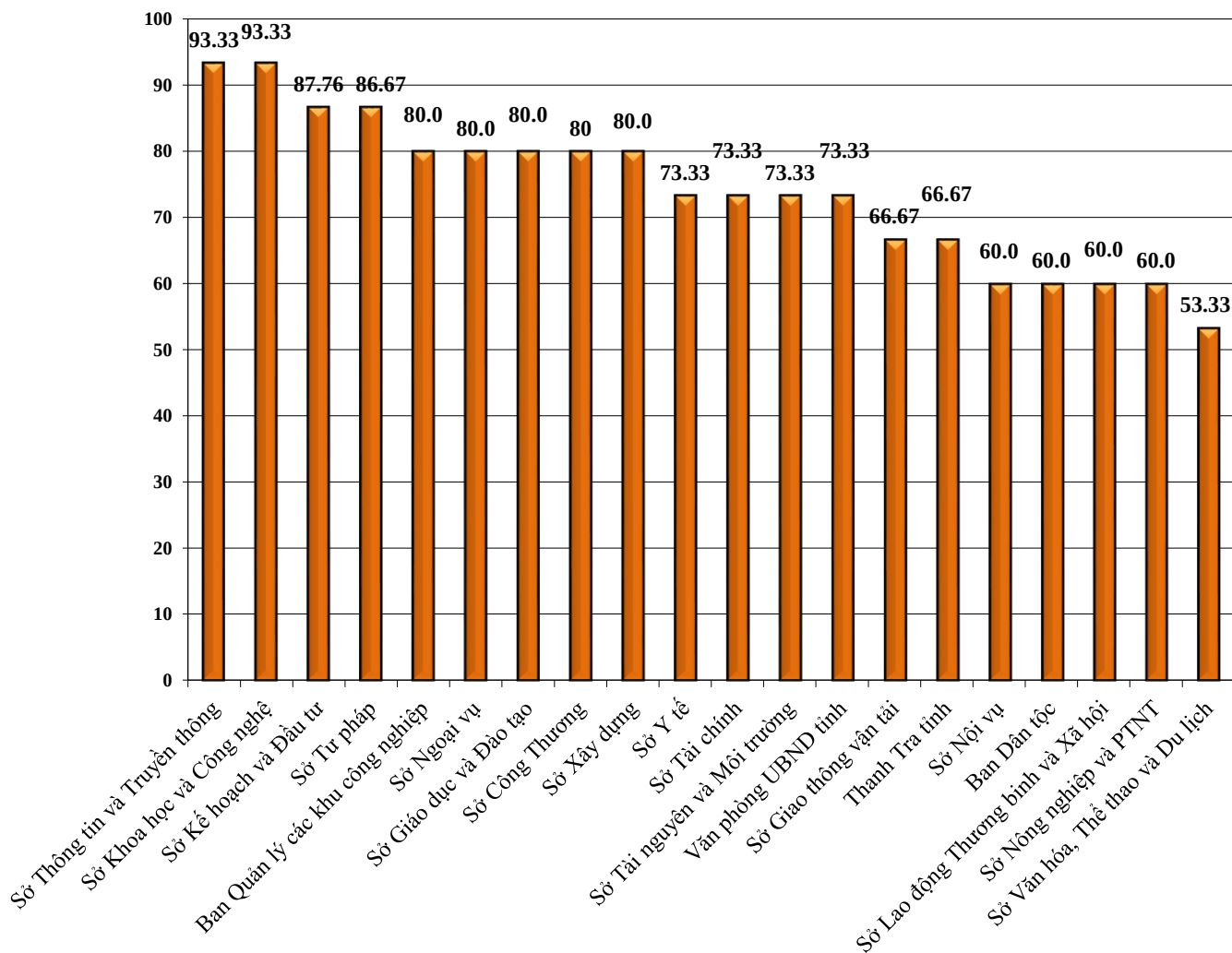
- Chênh lệch giữa Chỉ số cao nhất và thấp nhất là **40** điểm tăng **6,67** điểm so với năm 2014 (33,33 điểm).

Qua Chỉ số CCHC cho thấy, hầu hết các đơn vị đều thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng, bố trí, sử dụng CCVC; các đơn vị ban hành và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2015;

Tuy nhiên, có 12/20 (60%) đơn vị có tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt dưới 95% tổng số công chức; một số đơn vị có tỷ lệ công chức được đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1 tuần/năm còn thấp.

Kết quả xác định Chỉ số Lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC của các sở, ban, ngành năm 2015 được trình bày cụ thể tại Hình 10, Bảng 12 dưới đây:

Hình 10: Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC của các sở, ban, ngành năm 2015



Bảng 12: Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVN của các sở, ban, ngành năm 2015

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
1	Sở Thông tin và Truyền thông	93,33	15	15	14	Thực hiện việc tuyển dụng, bố trí sử dụng CCVC đúng quy định; thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, với tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1 tuần/năm đạt trên 70% tổng số công chức.	Trong năm 2015, đơn vị không điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm nên TC 5.1 chỉ đạt 1/2 điểm.	Triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức nhằm nâng cao trình độ công chức, viên chức, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.
2	Sở Khoa học và Công nghệ	93,33	15	15	14	Thực hiện tuyển dụng bố trí, sử dụng viên chức theo đúng quy định; Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch đạt trên 95% tổng số công chức; thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức.	Trong năm 2015, đơn vị không điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm nên TC 5.1 chỉ đạt 1/2 điểm.	Triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức nhằm nâng cao trình độ công chức, viên chức, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	86,67	15	15	13	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch đạt trên 95% tổng số công chức; tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt trên 90% tổng số viên chức; thực hiện tốt công tác ban hành, triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức năm 2015, với tỷ lệ công chức được bồi dưỡng theo vị trí việc làm với thời gian 1 tuần/năm đạt trên 70%	Thực hiện việc tuyển dụng viên chức chưa đúng quy định: Trung tâm Tư vấn Hỗ trợ Doanh nghiệp thuộc sở ra thông báo tuyển dụng nhưng không ban hành kế hoạch tuyển dụng (trừ 1đ); trong năm 2015, đơn vị không điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm nên TC 5.1 chỉ đạt 1/2 điểm.	Thực hiện công tác tuyển dụng viên chức đúng quy định của Luật Viên chức và các quy định hiện hành.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						tổng số công chức.		
4	Sở Tư pháp	86,67	15	15	13	Thực hiện việc tuyển dụng, bố trí sử dụng CCVC đúng quy định. Tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc với thời gian tối thiểu 1 tuần/1 năm đạt trên 70%.	Chưa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC năm 2015 (trừ 2đ).	Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm.
5	Ban Quản lý các khu công nghiệp	80	15	14	12	Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng CCVC.	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trẻ hạn (trừ 1đ); Tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc với thời gian tối thiểu 1 tuần/năm chỉ đạt 67,76% (44/65) tổng số công chức (trừ 1đ).	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ công chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1 tuần/năm.
6	Sở Ngoại vụ	80	15	15	12	Tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt trên 90% tổng số viên chức; thực hiện tốt công tác ban hành, triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức năm 2015, với tỷ lệ công chức được bồi dưỡng theo vị trí việc làm với thời gian 1 tuần/năm đạt trên 70% tổng số công chức.	Thực hiện việc tuyển dụng viên chức chưa đúng quy định: Trung tâm dịch vụ đối ngoại thuộc sở ra thông báo tuyển dụng nhưng không ban hành kế hoạch tuyển dụng (trừ 1đ); tỷ lệ công chức chưa đạt tiêu chuẩn quản lý nhà nước ngạch chuyên viên 88,88% 24/27 công chức (trừ 1đ); trong năm 2015, đơn vị không điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm nên TC 5.1 chỉ đạt 1/2 điểm.	Thực hiện công tác tuyển dụng viên chức đúng quy định của Luật Viên chức và các quy định hiện hành; xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	80	15	15	12	Thực hiện công tác tuyển dụng VC đúng quy định; tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt trên 90% tổng số viên chức; tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm đạt trên 70% tổng số công chức.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt từ 90% đến dưới 95% tổng số công chức (trừ 1đ); ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC năm 2015 trễ hạn (trừ 1đ);	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, viên chức đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm.
8	Sở Công Thương	80	15	15	12	Thực hiện việc tuyển dụng viên chức đúng quy định; tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch đạt trên 95% tổng số công chức; tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt trên 90% tổng số viên chức; ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng kịp thời.	Tỷ lệ công chức được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm chỉ đạt 55% (109/198) tổng số công chức (trừ 2đ); trong năm 2015, đơn vị không điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm nên TC 5.1 chỉ đạt 1/2 điểm.	Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch và được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm.
9	Sở Xây dựng	80	15	15	12	Thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng công chức; tỷ lệ công chức được bố trí theo đúng ngạch công chức đạt trên 95% tổng số công chức; tỷ lệ viên chức bố trí theo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt trên 90% tổng số	Tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc với thời gian tối thiểu 1tuần/năm chỉ đạt 50,70% (36/71) tổng số công chức (trừ 2đ); trong năm 2015, đơn vị không điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm nên	Thực hiện công tác tuyển dụng viên chức đúng quy định của Luật Viên chức và các quy định hiện hành; Xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm nhằm

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						viên chức; ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức năm 2015 đúng quy định.	TC 5.1 chỉ đạt 1/2 điểm.	nâng cao tỷ lệ công chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm.
10	Sở Y tế	73,33	15	13	11	Thực hiện công tác tuyển dụng VC đúng quy định; tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm đạt trên 70% tổng số công chức.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt từ 80% đến dưới 95% tổng số công chức (trừ 1đ); tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp từ 80% đến dưới 90% tổng số viên chức (trừ 1đ); ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2015 trễ hạn (trừ 1đ); trong năm 2015, đơn vị không điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm nên TC 5.1 chỉ đạt 1/2 điểm.	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, tỷ lệ viên chức đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.
11	Sở Tài chính	73,33	15	15	11	Thực hiện tốt công tác bố trí, sử dụng CCVC; Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức đúng thời hạn quy định.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt 87,35% (76/87) tổng số công chức (trừ 1đ); tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc với thời gian tối thiểu 1tuần/năm chỉ đạt 53,93% (48/89) tổng số công chức (trừ 2đ)	Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, tỷ lệ công chức được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
								1tuần/năm.
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	73,33	15	15	11	Thực hiện tốt công tác tuyển dụng viên chức; ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức năm 2015 đúng hạn.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt từ 80% đến dưới 95% tổng số công chức (trừ 1đ); Tỷ lệ viên chức đảm bảo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chỉ đạt từ 80% đến dưới 90% (trừ 1đ); tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc với thời gian tối thiểu 1tuần/năm đạt từ 60% đến dưới 70% tổng số công chức (trừ 1đ).	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức nhằm nâng cao tỷ lệ; công chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm; tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, viên chức đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.
13	Văn phòng UBND tỉnh	73,33	15	13	11	Thực hiện việc bố trí, sử dụng công chức, viên chức đúng quy định; tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch đạt trên 95% tổng số công chức; tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt trên 90% tổng số viên chức.	Không ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC năm 2015 (trừ 2đ); tỷ lệ công chức được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm chỉ đạt từ 60% đến dưới 70% tổng số công chức (trừ 1đ); trong năm 2015, đơn vị không điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm nên TC 5.1 chỉ đạt 1/2 điểm.	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ; công chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
14	Sở Giao thông vận tải	66,67	15	15	10	Thực hiện việc tuyển dụng, bố trí sử dụng CCVC đúng quy định; tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt trên 90% tổng số viên chức.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chưa đạt 95% tổng số công chức (trừ 1đ); kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức năm 2015 trễ hạn (trừ 1đ); tỷ lệ công chức được đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm chỉ đạt 54,46% (61/112) tổng số công chức (trừ 2đ).	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đúng thời hạn gửi Sở Nội vụ tổng hợp xây dựng kế hoạch chung của tỉnh; triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch và được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm.
15	Thanh Tra tỉnh	66,67	15	15	10	Thực hiện bố trí, sử dụng công chức theo đúng quy định.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt 81,57% (31/38) tổng số công chức (trừ 1đ); Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức năm 2015 trễ hạn (trừ 2đ); tỷ lệ công chức được đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm chỉ đạt 61,53% (24/39) tổng số công chức (trừ 1đ).	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch và được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
16	Sở Nội vụ	60	15	15	9	Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng CCVC; tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch đạt trên 95% tổng số công chức; tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt trên 90% tổng số viên chức.	Không ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2015; tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm chưa đạt 50% tổng số công chức (trừ 3đ); Trong năm 2015, đơn vị không điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm nên TC 5.1 chỉ đạt 1/2 điểm.	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức nhằm nâng cao trình độ công chức, viên chức, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.
17	Ban Dân tộc	60	15	15	9	Thực hiện công tác bố trí, sử dụng công chức đúng quy định; tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch đạt trên 95% tổng số công chức.	Không ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2015 (trừ 2đ); tỷ lệ công chức được đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu từ 1tuần/năm chỉ đạt dưới 50% tổng số công chức (trừ 3đ).	Xây dựng, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch và được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm.
18	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	60	15	14	9	Thực hiện tốt công tác tuyển dụng viên chức bổ sung nguồn nhân lực đơn vị; tỷ lệ công chức được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm đạt trên 70% tổng số công chức.	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC năm 2015 trễ hạn (trừ 2đ); tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch đạt 87,95% tổng số công chức (trừ 1đ); tỷ lệ viên chức đảm bảo tiêu chuẩn chức danh nghề	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ: công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, viên chức đủ tiêu chuẩn chức danh

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
							ngành chỉ đạt 76,14% tổng số viên chức (trừ 2đ).	ngành nghiệp.
19	Sở Nông nghiệp và PTNT	60	15	13	9	Thực hiện việc bố trí, sử dụng viên chức đúng quy định; tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt trên 90% tổng số viên chức.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt 82,89% (189/228) tổng số công chức (trừ 1đ); ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức năm 2015 trễ hạn (trừ 2đ); tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc với thời gian tối thiểu 1tuần/năm chỉ đạt 11,91% (33/277) tổng số công chức (trừ 3đ).	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm.
20	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	53,33	15	15	8	Thực hiện tốt công tác chọn cử CCVC đi học, với tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm đạt 80,70% (46/57) tổng số công chức.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt từ 80% đến dưới 95% tổng số công chức (trừ 1đ); tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp từ 80% đến dưới 90% tổng số viên chức (trừ 1đ); không ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2015 (trừ 2đ).	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, tỷ lệ viên chức đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

8. Chỉ số lĩnh vực Cải cách tài chính công của các sở, ban, ngành năm 2015

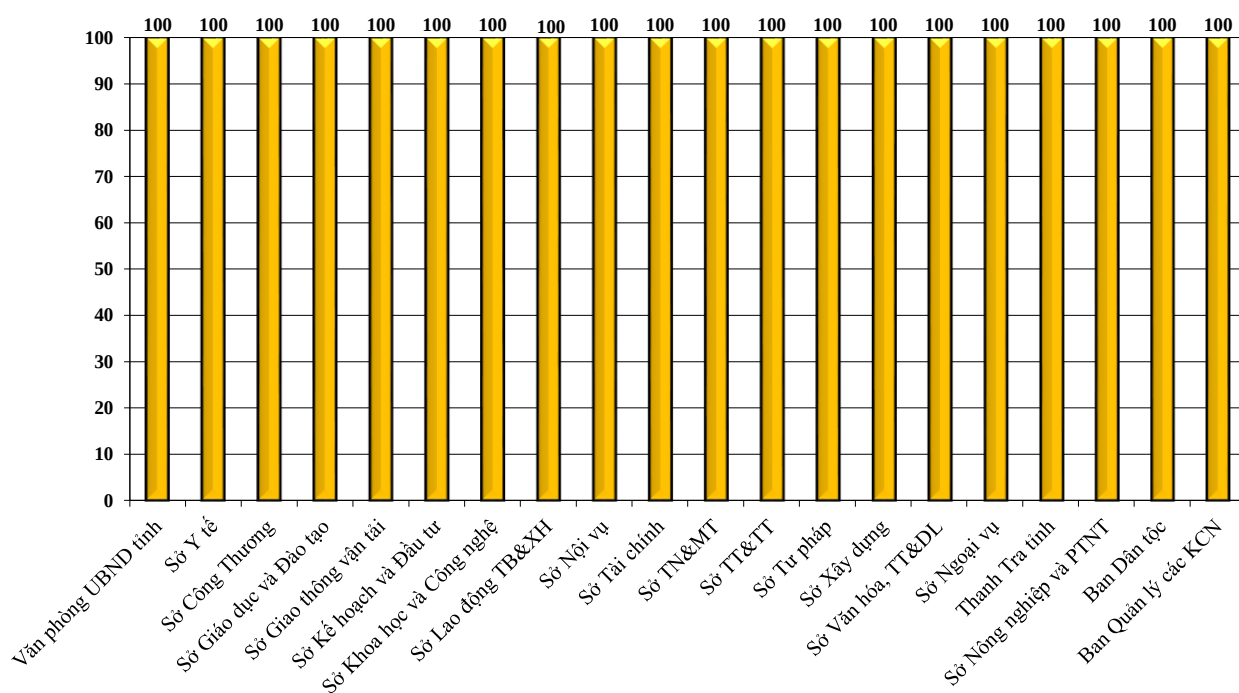
Chỉ số CCHC lĩnh vực cải cách Tài chính công trung bình của các sở, ban, ngành là **100/100** điểm;

Trong Lĩnh vực Cải cách tài chính công, hầu hết các sở, ban, ngành thực hiện hiệu quả cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ; 100% các đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ban, ngành đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; 100% (3/3) đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

Tuy nhiên, một số đơn vị thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ có mức thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức vẫn còn thấp, chưa đạt 500.000 đồng/người/tháng.

Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực Cải cách tài chính công của các sở, ban, ngành năm 2015 được trình bày cụ thể tại Hình 11, Bảng 13 dưới đây:

Hình 11: Chỉ số thành phần Cải cách tài chính công của các sở, ban, ngành năm 2015.



Bảng 13: Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực Cải cách tài chính công của các sở, ban, ngành năm 2015

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
1	Văn phòng UBND tỉnh	100	6	6	6	Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 1.500.000 đồng/người/tháng; 100% (2/2) đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.		Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP nhằm tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
2	Sở Y tế	100	6	6	6	Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 2.104.241 đồng/người/tháng; 100% (49/49) đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.		Tăng cường thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
3	Sở Công Thương	100	6	6	6	Thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 500.000 đồng/người/tháng; 100% (3/3) đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.		Phát huy kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	100	6	6	6	Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm		Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm,

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						tăng thêm cho công chức là 1.300.000đồng/người/tháng; 100% (63/63) đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.		cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
5	Sở Giao thông vận tải	100	6	6	6	Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 1.500.000đồng/người/tháng; 100% (4/4) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.		Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100	6	6	6	Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 500.000 đồng/người/tháng; 100% (01/01) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015		Tăng cường thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
7	Sở Khoa học và Công nghệ	100	6	6	6	Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 400.000 đồng/người/tháng; 100% số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 (1/1 đơn vị), Nghị định số		Tăng cường thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp khoa công nghệ.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						115/2005/NĐ-CP (3/3 đơn vị).		
8	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	100	6	6	6	Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 850.000đồng/người/tháng; 100% (5/5) số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.		Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
9	Sở Nội vụ	100	6	6	6	Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 2.600.000 đồng/người/tháng.		Phát huy kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức.
10	Sở Tài chính	100	6	6	6	Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 830.000 đồng/người/tháng.		Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức.
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	100	6	6	6	Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 1.000.000 đồng/người/tháng; 100% (4/4) số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015		Tăng cường thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
12	Sở Thông tin và Truyền thông	100	6	6	6	Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 400.000đồng/người/tháng; 100% (2/2) số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.		Tăng cường thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
13	Sở Tư pháp	100	6	6	6	Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 1.100.000 đồng/người/tháng; 100% (6/6) số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.		Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
14	Sở Xây dựng	100	6	6	6	Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 500.000đồng/người/tháng; 100% (4/4) số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.		Tăng cường thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	100	6	6	6	Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 458.000đồng/người/tháng; 100% (12/12) đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế		Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.		công lập.
16	Sở Ngoại vụ	100	6	6	6	Thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 650.000đồng/người/tháng; 100% (01/01) số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.		Tăng cường thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
17	Thanh Tra tỉnh	100	6	6	6	Kết quả thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 450.000 đồng/người/tháng.		Tăng cường thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức.
18	Sở Nông nghiệp và PTNT	100	6	6	6	Thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 1.820.000đồng/người/tháng; 100% (8/8) đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.		Tăng cường thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
19	Ban Dân tộc	100	6	6	6	Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 931.000đồng/người/tháng.		Tăng cường thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức.
20	Ban Quản lý các khu	100	6	6	6	Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số		Tăng cường thực hiện hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
	công nghiệp					117/2013/NĐ-CP với thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho công chức là 1.800.000đồng/người/tháng; 100% (2/2) đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.		117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

9. Chỉ số lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính của các sở, ban, ngành năm 2015

Chỉ số CCHC lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính trung bình của các sở, ban, ngành đạt **83,82/100** điểm, tăng **1,13** điểm so với năm 2014 (82,69/100 điểm); trong đó:

- Đơn vị có Chỉ số cao nhất đạt **98,5** điểm (Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương), đơn vị thấp nhất đạt **76,7** điểm (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

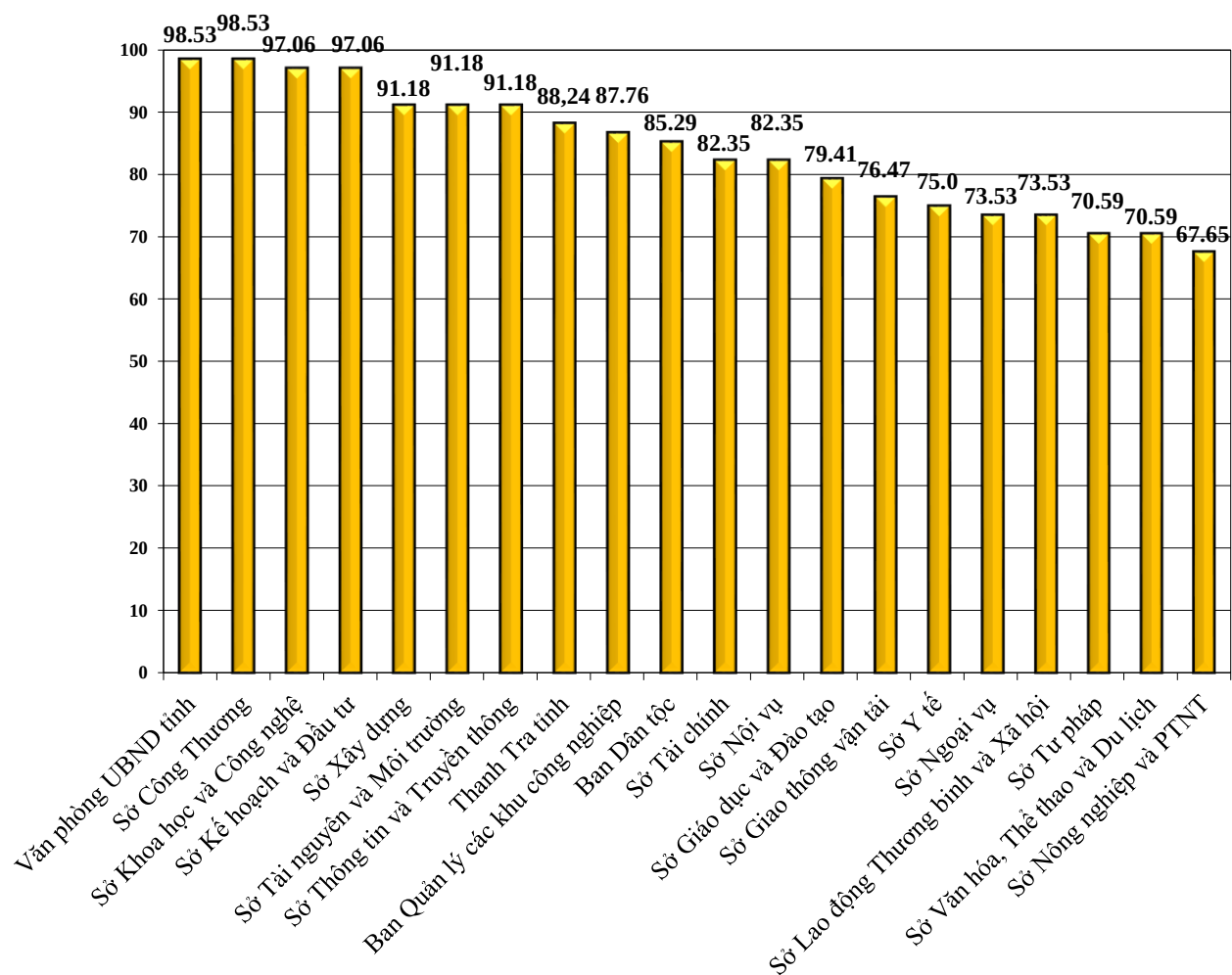
- Chênh lệch giữa Chỉ số cao nhất và thấp nhất là **21,8** điểm, giảm **12,82** điểm so với năm 2014 (34,62 điểm).

Qua kết quả Chỉ số đã xác định được mặt tích cực của các sở, ban, ngành: Hầu hết các đơn vị có ban hành và triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015; các đơn vị sử dụng phần mềm một cửa để tiếp nhận, trả kết quả đạt 100% tổng số hồ sơ; hầu hết Trang thông tin điện tử của các đơn vị đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân; một số đơn vị đã chủ động triển khai dịch vụ công mức độ 3, 4 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân như: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường...

Tuy nhiên, một số đơn vị triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính còn thấp; tỷ lệ hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 3, 4 vẫn còn thấp.

Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính của các sở, ban, ngành năm 2015 được cụ thể tại Hình 12, Bảng 14 dưới đây:

Hình 12: Chỉ số lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính của các sở, ban, ngành năm 2015



Bảng 14: Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính của các sở, ban, ngành năm 2015

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
1	Văn phòng UBND tỉnh	98,53	17	17	16,75	Thực hiện tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị với các cơ quan hành chính đạt trên 90% tổng số văn bản; tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua phần mềm một cửa đạt 100% tổng số hồ sơ.	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 trễ hạn (trừ 0,25đ).	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm kịp thời để thực hiện.
2	Sở Công Thương	98,53	17	17	16,75	Thực hiện tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính; tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả trên phần mềm một cửa đạt 100% hồ sơ; trang thông tin điện tử của đơn vị đáp ứng yêu cầu tra cứu người dân và doanh nghiệp; triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC.	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 trễ hạn (trừ 0,25đ).	Ban hành kịp thời kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm để triển khai thực hiện.
3	Sở Khoa học và Công nghệ	97,06	17	17	16,5	Thực hiện tốt công tác ứng dụng CNTT vào hoạt động của đơn vị; trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu người dân và doanh nghiệp.	Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 ban hành trễ hạn (trừ 0,5đ).	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm kịp thời để thực hiện.
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	97,06	17	17	16,5	Thực hiện tốt công tác ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý hành chính; Trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của người dân và doanh nghiệp; tỷ lệ trao	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 trễ hạn (trừ 0,5đ).	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 kịp thời để thực hiện; tiếp tục nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong chỉ đạo điều hành, giải

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						đổi văn bản điện tử giữa đơn vị với các cơ quan hành chính đạt trên 90% tổng số văn bản; tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua phần mềm một cửa đạt 100% tổng số hồ sơ; đơn vị triển khai dịch vụ công mức độ 3, 4 giải quyết TTHC.		quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp.
5	Sở Xây dựng	91,18	17	15	15,5	Thực hiện tốt công tác ứng dụng CNTT tại đơn vị như: Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 đạt 100% mục tiêu đề ra; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác đạt 93% tổng số văn bản; triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 trễ hạn (trừ 0,5đ).	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm kịp thời.
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	91,18	17	13,75	15,5	Thực hiện tốt công tác ứng dụng CNTT tại đơn vị như: Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 đạt 100% mục tiêu đề ra; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác đạt trên 90% tổng số văn bản; triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 để giải quyết TTHC; chất lượng trang thông tin điện tử của đơn vị đáp ứng yêu	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 trễ hạn (trừ 0,5đ).	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm kịp thời.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.		
7	Sở Thông tin và Truyền thông	91,18	17	16	15,5	Thực hiện tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị với các cơ quan hành chính đạt trên 90% tổng số văn bản; tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua phần mềm một cửa đạt 100% tổng số hồ sơ.	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 trễ hạn (trừ 0,5đ); chưa chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 nên TCTP 7.2.2 chỉ đạt 2/3 điểm.	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm đúng hạn để thực hiện; triển khai cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 để giải quyết TTHC.
8	Thanh Tra tỉnh	88,24	17	15,25	15	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT đúng hạn; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị với cơ quan hành chính khác chưa đạt 90% tổng số văn bản (trừ 1đ).	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường trao đổi văn bản điện tử để tiết kiệm kinh phí, nâng cao hiệu quả công việc.
9	Ban Quản lý các khu công nghiệp	86,76	17	16	14,75	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả giải quyết trên phần mềm một cửa đạt 100% tổng số hồ sơ; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác đạt trên 90% tổng số văn bản; triển khai dịch vụ công mức 3 giải quyết TTHC; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT trễ hạn (trừ 0,25đ); Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ).	Ban hành, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
10	Ban Dân tộc	85,29	17	16	14,5	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua phần mềm một cửa đạt 100% tổng số hồ sơ; chất lượng trang thông tin điện tử của đơn vị đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 ban hành trễ hạn (trừ 0,5đ); kết quả thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan khác chỉ đạt từ 80% đến dưới 90% tổng số văn bản (trừ 1đ).	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường trao đổi văn bản điện tử theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.
11	Sở Tài chính	82,35	17	16	14	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả giải quyết trên phần mềm một cửa đạt 100% tổng số hồ sơ; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác đạt trên 90% tổng số văn bản; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Kết quả thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ).	Xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm.
12	Sở Nội vụ	82,35	17	14,5	14	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT kịp thời; tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua phần mềm một cửa đạt 100% tổng số hồ sơ; Trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân; áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan.	Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); chưa chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 để giải quyết TTHC nên TCTP 7.2.2 chỉ đạt 1/3 điểm.	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; chủ động triển khai cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	79,41	17	16,75	13,5	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác đạt trên 90% tổng số văn bản;	Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 ban hành trễ hạn (trừ 0,5đ); triển khai kế hoạch ứng dụng	Xây dựng, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; chủ động

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua phần mềm một cửa đạt 100% tổng số hồ sơ; Trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của các tổ chức và cá nhân.	CNTT chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); chưa chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân (trừ 1đ).	triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.
14	Sở Giao thông vận tải	76,47	17	13,5	13	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT đúng hạn; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác đạt trên 90% tổng số văn bản; Trang thông tin điện tử của đơn vị đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân; áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan.	Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả trên phần mềm một cửa chỉ đạt từ 90% đến dưới 95% tổng số hồ sơ (trừ 2đ).	Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường sử dụng phần mềm một cửa để tiếp nhận, luân chuyển trả kết quả giải quyết hồ sơ.
15	Sở Y tế	75	17	15,25	12,75	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua phần mềm một cửa đạt 100% tổng số hồ sơ; trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của các tổ chức và cá nhân; áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan.	Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 ban hành trễ hạn (trừ 0,25đ); triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác chỉ đạt từ 70% đến dưới 80% tổng số văn bản (trừ 2đ).	Ban hành, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường trao đổi văn bản điện tử theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.
16	Sở Ngoại vụ	73,53	17	13	12,5	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả trên phần mềm một cửa đạt 100% hồ sơ; triển khai dịch vụ công trực tuyến	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT trễ hạn (trừ 0,5đ); triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT	Xây dựng, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						mức độ 3 để giải quyết TTHC; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác chỉ đạt 76% tổng số văn bản (trừ 2đ); chưa chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 để giải quyết TTHC nên TCTP 7.2.2 chỉ đạt 2/3 điểm.	trao đổi văn bản điện tử để tiết kiệm kinh phí, nâng cao hiệu quả công việc; chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 để giải quyết TTHC.
17	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	73,53	17	16,5	12,5	Triển khai 04 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC; tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả trên phần mềm một cửa đạt 100% tổng số hồ sơ; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 ban hành trễ hạn (trừ 0,5đ); kết quả thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị với cơ quan hành chính khác chỉ đạt 75% tổng số văn bản (trừ 2đ).	Xây dựng, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường trao đổi văn bản điện tử để tiết kiệm kinh phí, nâng cao hiệu quả công việc.
18	Sở Tư pháp	70,59	17	15,5	12	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả trên phần mềm một cửa đạt 100% tổng số hồ sơ; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác đạt trên 90% tổng số văn bản; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT trễ hạn (trừ 0,5đ); Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); chưa chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 để giải quyết TTHC nên TCTP 7.2.2 chỉ đạt 1/3 điểm.	Ban hành và tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; Chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 để giải quyết TTHC.
19	Sở Văn	70,59	17	13	12	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT	Triển khai kế hoạch ứng dụng	Ban hành, triển khai hiệu quả

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
	hóa, Thể thao và Du lịch					kip thời; tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua phần mềm một cửa đạt 100% tổng số hồ sơ; Trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của các tổ chức và cá nhân; áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan.	CNTT năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác chỉ đạt từ 70% đến dưới 80% tổng số văn bản (trừ 2đ); chưa chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC (trừ 1đ).	kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường trao đổi văn bản điện tử theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; triển khai cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.
20	Sở Nông nghiệp và PTNT	67,65	17	14,5	11,5	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả trên phần mềm một cửa đạt 100% hồ sơ; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT trễ hạn (trừ 0,5đ); triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác chỉ đạt từ 70% đến dưới 80% tổng số văn bản (trừ 2đ); chưa chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 để giải quyết TTHC nên TCTP 7.2.2 chỉ đạt 1/3 điểm.	Xây dựng, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường trao đổi văn bản điện tử để tiết kiệm kinh phí, nâng cao hiệu quả công việc; chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 để giải quyết TTHC.

10. Chỉ số kết quả thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực thực hiện các chỉ đạo của cấp trên về CCHC:

- 18/20 đơn vị được cộng thêm điểm, do tham mưu thực hiện tốt công tác cải cách hành chính thuộc trách nhiệm của đơn vị: Trách nhiệm thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh; tham mưu cải cách thủ tục hành chính, rà soát, ban hành bộ thủ tục hành chính của ngành;

- 2/20 đơn vị trừ điểm, do tham mưu thực hiện các chỉ đạo của UBND tỉnh chưa đạt yêu cầu đề ra.

Bảng 15: Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực thực hiện các chỉ đạo của cấp trên về cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2015

Số TT	Đơn vị	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
1	Sở Khoa học và Công nghệ	+, -3	3	3	Thực hiện tốt các chỉ đạo của UBND tỉnh về điều chỉnh, ban hành Bộ TTHC của ngành (+1đ); thực hiện tốt trách nhiệm là thành viên Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh (+1); thực hiện tốt công tác ứng dụng CNTT vào hoạt động CCHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh (+1đ).		Tiếp tục thực hiện tốt công tác ứng dụng CNTT vào hoạt động của một số đơn vị trên địa bàn tỉnh; phát huy trách nhiệm là thành viên Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh.
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	+, -3	3	3	Thực hiện tốt các chỉ đạo của UBND tỉnh về điều chỉnh, ban hành Bộ TTHC của ngành (+1đ); thực hiện tốt cơ chế một cửa liên thông giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp (+1đ); thực hiện tốt trách nhiệm là thành viên Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh (+1).		Tiếp tục thực hiện tốt công tác giải quyết TTHC trong lĩnh vực đầu tư, đăng ký kinh doanh; phát huy trách nhiệm là thành viên Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh.
3	Ban Quản lý các khu công nghiệp	+, -3	3	3	Thực hiện tốt các chỉ đạo của UBND tỉnh về điều chỉnh, ban hành Bộ TTHC của đơn vị (+1đ); thực hiện tốt cơ chế một cửa liên thông giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp (+1đ); tham mưu triển khai nhiều đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết TTHC cho doanh nghiệp (+1đ).		Tiếp tục tăng cường cải cách thủ tục hành chính của đơn vị tạo thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Số TT	Đơn vị	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
4	Sở Nội vụ	+, -3	3	3	Tham mưu UBND tỉnh triển khai tốt công tác CCHC trên địa bàn tỉnh: tham mưu ban hành, triển khai các chương trình, kế hoạch CCHC năm (+1đ); thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại (+1đ); triển khai hiệu quả đề án cải cách chế độ công chức, công vụ (+1đ).		Tiếp tục tham mưu hiệu quả công tác CCHC năm 2016 trọng tâm: cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại; nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức.
5	Văn phòng UBND tỉnh	+, -3	3	3	Phối hợp các sở, ngành tham mưu triển khai hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn tỉnh năm 2015 (+1đ); thực hiện tốt trách nhiệm là thành viên Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh (+1); tham gia công tác ứng dụng CNTT vào hoạt động cải cách hành chính theo chỉ đạo của UBND tỉnh (+1đ).		Tiếp tục phối hợp các sở, ngành tham mưu hiệu quả công tác CCHC năm 2016, trọng tâm: cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại; nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức.
6	Sở Tư pháp	+, -3	3	3	Tham mưu UBND tỉnh triển khai tốt công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh (+1đ); tham mưu triển khai cơ chế một cửa liên thông giải quyết 03 TTHC cấp giấy khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (+1đ); tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 04/8/2015 về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành		Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh triển khai hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, cải cách thể chế hành chính trên địa bàn tỉnh.

Số TT	Đơn vị	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
					chính nhà nước các cấp trong cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2015-2020 (+1đ).		
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	+, -2	3	2	Thực hiện tốt các chỉ đạo của UBND tỉnh về điều chỉnh, ban hành Bộ TTHC của đơn vị (+1đ); triển khai tốt công tác CCHC trong ngành (+1đ).		Tiếp tục tăng cường chỉ đạo triển khai CCHC trong ngành.
8	Sở Giao thông vận tải	+, -2	3	2	Thực hiện tốt các chỉ đạo của UBND tỉnh về điều chỉnh, ban hành Bộ TTHC của đơn vị (+1đ); thực hiện tốt công tác giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp (+1đ)		Tiếp tục tăng cường cải cách thủ tục hành chính của đơn vị tạo thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp, nhất là thủ tục cấp đổi giấy phép lái xe.
9	Sở Ngoại vụ	+, -1	3	1	Thực hiện tốt các chỉ đạo của UBND tỉnh về điều chỉnh, ban hành Bộ TTHC của đơn vị (+1đ).		Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của đơn vị.
10	Thanh Tra tỉnh	+, -2	3	1	Thực hiện tốt công tác hướng dẫn các đơn vị, địa phương tiếp dân, tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo (+1đ).		Tiếp tục hướng dẫn các đơn vị, địa phương tiếp dân, tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.
11	Sở Tài chính	+, -3	3	1	Thực hiện tốt công tác hướng dẫn các đơn vị sử dụng kinh phí triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại các sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã (+1đ); Tham mưu UBND tỉnh ban hành kịp thời bộ TTHC hành của	Chưa báo cáo nội dung cải cách tài chính công trong các báo cáo cải cách hành chính theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012 (-1đ).	Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh triển khai hiệu quả cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh. Trong các báo cáo CCHC cần báo kết quả cải cách tài chính công của tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh

Số TT	Đơn vị	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
					ngành Tài chính (+1đ).		văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012.
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	+, -3	3	1	Thực hiện tốt các chỉ đạo của UBND tỉnh về điều chỉnh, ban hành Bộ TTHC của ngành (+1đ); thực hiện tốt cơ chế một cửa liên thông giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp (+1đ).	Kết quả đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2015 về lĩnh vực đất đai giảm điểm; kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người dân về giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai (về thời hạn, yêu cầu bổ sung hồ sơ) còn thấp (-1đ)	Tiếp tục tăng cường cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai tạo thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp.
13	Sở Nông nghiệp và PTNT	+, -1	0	1	Thực hiện tốt các chỉ đạo của UBND tỉnh về điều chỉnh, ban hành Bộ TTHC của ngành (+1đ).		Tiếp tục tham mưu điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của ngành để triển khai trên địa bàn tỉnh.
14	Sở Y tế	+, -1	0	1	Thực hiện tốt các chỉ đạo của UBND tỉnh về điều chỉnh, ban hành Bộ TTHC của ngành (+1đ).		Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của ngành để triển khai đồng bộ trên địa bàn tỉnh.
15	Sở Công Thương	+, -1	3	1	Thực hiện tốt các chỉ đạo của UBND tỉnh về điều chỉnh, ban hành Bộ TTHC của ngành (+1đ).		Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của ngành để triển khai đồng bộ trên địa bàn tỉnh.
16	Ban Dân tộc	+, -1	0	1	Tham mưu điều chỉnh, ban hành Bộ TTHC của ngành năm 2015 (+1đ)		Tiếp tục tham mưu điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của ngành để triển khai trên địa bàn tỉnh.
17	Sở Lao	+, -3	2	1	Thực hiện tốt các chỉ đạo của UBND	Chưa thực hiện cơ chế một cửa	Phát huy trách nhiệm thành

Số TT	Đơn vị	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
	động Thương binh và Xã hội				tỉnh về điều chỉnh, ban hành Bộ TTHC của ngành (+1đ); thực hiện tốt trách nhiệm thành viên Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh (+1đ).	liên thông giải quyết TTHC của ngành (-1đ).	viên Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh; hoàn chỉnh mở rộng triển khai một cửa liên thông giải quyết TTHC của ngành Lao động, Thương binh và xã hội.
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	+, -1	3	0	Thực hiện tốt các chỉ đạo của UBND tỉnh về điều chỉnh, ban hành Bộ TTHC của ngành (+1đ).	Triển khai chưa hiệu quả chỉ đạo của đồng chí Trần Văn Vĩnh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với đơn vị về CCHC năm 2014 (-1đ).	Tập trung triển khai kịp thời, hiệu quả các chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC.
19	Sở Xây dựng	+, -3	3	-2		Tham mưu UBND tỉnh ban hành Bộ TTHC của ngành xây dựng trễ hạn (-1); Chưa triển khai liên thông để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân (-1đ)	Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của ngành Xây dựng để triển khai đồng bộ trên địa bàn tỉnh; triển khai cơ chế một cửa liên thông để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và của UBND tỉnh.
20	Sở Thông tin và Truyền thông	+, -3	3	-3		Tham mưu công tác ứng dụng CNTT của tỉnh chưa đảm bảo chất lượng, tiến độ theo chỉ đạo của UBND tỉnh: Chưa hoàn chỉnh kết nối liên thông giữa phần mềm một cửa với phần mềm: đất đai, tư pháp hộ tịch, đường truyền dữ liệu tại một số đơn vị chưa ổn định (-1đ); kiện	Tham mưu UBND tỉnh triển khai hiệu quả công tác ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

Số TT	Đơn vị	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						toàn Cổng thông tin điện tử chưa đảm bảo theo yêu cầu theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại văn bản số 125/TB-HĐBT ngày 12/8/2014 (trừ 1đ); tham mưu ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 của tỉnh trễ hạn (theo Bộ Chỉ số do Bộ Nội vụ đánh giá, trừ 1đ).	

II. KHỐI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

1. Kết quả xác định Chỉ số kết quả CCHC năm 2015

- Chỉ số CCHC trung bình của UBND cấp huyện đạt **79,5/100** điểm, tăng **3,34** điểm so với năm 2014 với điểm số 75,16/100; qua Chỉ số cho thấy kết quả cải cách hành chính của UBND cấp huyện đã có chuyển biến theo chiều hướng tốt hơn năm 2014;

- Có 6/11 đơn vị có Chỉ số cải cách hành chính cao hơn Chỉ số trung bình của UBND cấp huyện; 5/11 đơn vị có Chỉ số thấp hơn Chỉ số trung bình của UBND cấp huyện.

- Đơn vị có Chỉ số cao nhất đạt **87,5/100** điểm (UBND huyện Nhơn Trạch), đơn vị thấp nhất đạt **67,75/100** điểm (UBND thị xã Long Khánh); chênh lệch giữa đơn vị đạt điểm cao nhất và đơn vị thấp nhất **19,75** điểm, tăng **4,5** điểm so với năm 2014 (15,25 điểm); điều này cho thấy các UBND cấp huyện triển khai công tác cải cách hành chính ít đồng bộ hơn năm 2014.

Kết quả phân loại Chỉ số CCHC có sự phân hóa thành 2 nhóm là:

+ Nhóm xếp loại Tốt, đạt Chỉ số CCHC từ 80 điểm đến dưới 90 điểm, có 06 đơn vị gồm: UBND các huyện Nhơn Trạch, Xuân lộc, Định Quán, thành phố Biên Hòa, Tân Phú, Cẩm Mỹ;

+ Nhóm xếp loại Khá, đạt Chỉ số CCHC từ 65 điểm đến dưới 80 điểm, có 05 đơn vị gồm: Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Thống Nhất và thị xã Long Khánh.

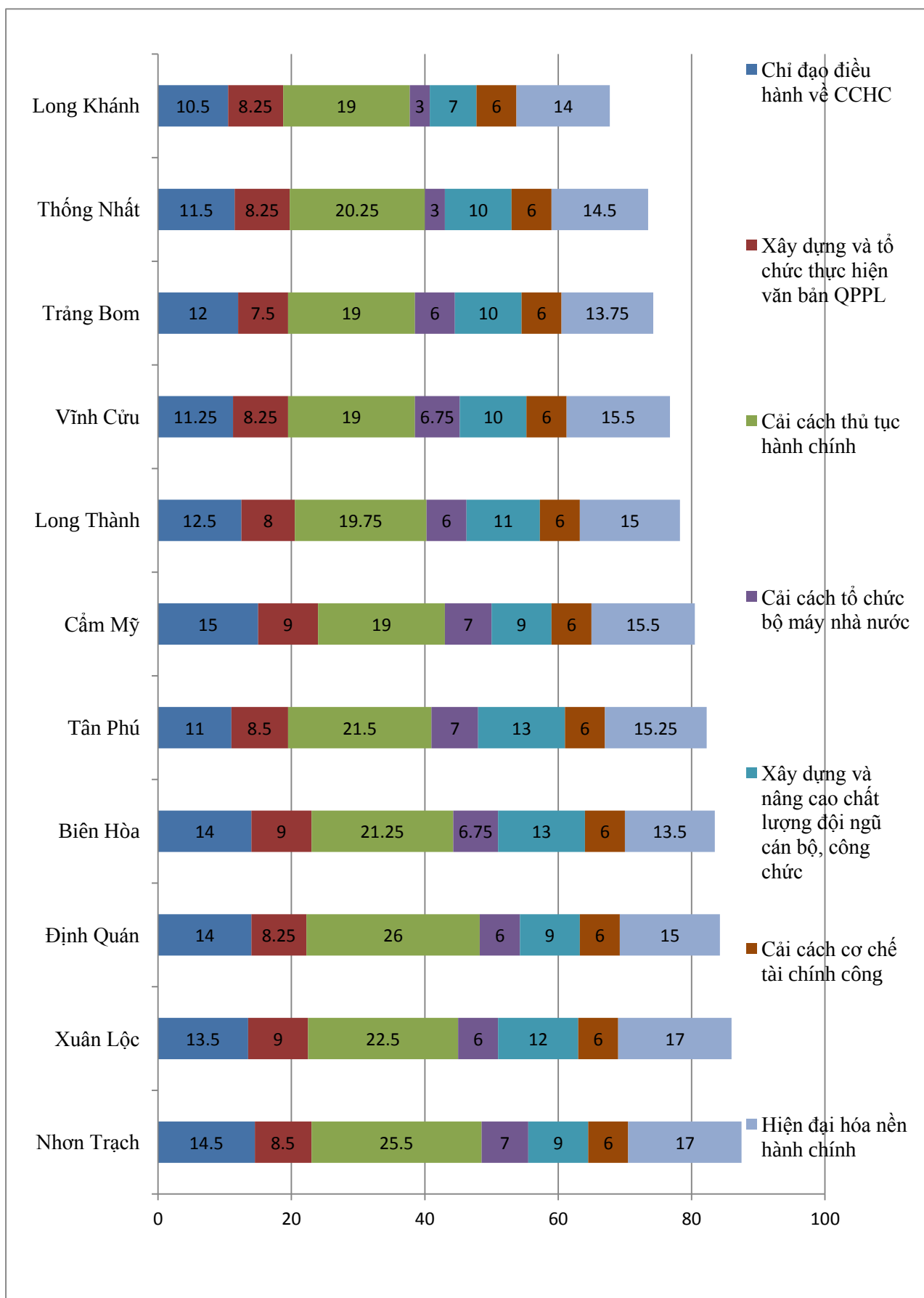
- Như vậy, kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2015 không có đơn vị đạt điểm xuất sắc và không có đơn vị xếp loại trung bình và yếu.

Kết quả xác định Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện năm 2015 được trình bày cụ thể tại Bảng 16, Hình 13, dưới đây:

Bảng 16: Kết quả xác định Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện năm 2015

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Phân loại	Chỉ đạo điều hành về CCHC		Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL		Cải cách thủ tục hành chính		Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước		Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức		Cải cách cơ chế tài chính công		Hiện đại hóa nền hành chính	
				Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định	Tự đánh giá	Thẩm định
1	Nhơn Trạch	87,5	Tốt	17	14,5	8,5	8,5	26,5	25,5	7	7	13	9	6	6	18	17
2	Xuân Lộc	86	Tốt	18	13,5	9	9	26	22,5	7	6	15	12	6	6	17	17
3	Định Quán	84,25	Tốt	18	14	8,25	8,25	26,5	26	6,75	6	15	9	6	6	17	15
4	Biên Hòa	83,5	Tốt	16,5	14	9	9	25,25	21,25	6,75	6,75	15	13	6	6	12,5	13,5
5	Tân Phú	82,25	Tốt	16,5	11	9	8,5	25,5	21,5	7	7	15	13	6	6	15,25	15,25
6	Cẩm Mỹ	80,5	Tốt	16,5	15	9	9	19,5	19	7	7	12	9	6	6	15,5	15,5
7	Long Thành	78,25	Khá	18	12,5	6,5	8	24,5	19,75	7	6	12	11	6	6	15,25	15
8	Vĩnh Cửu	76,75	Khá	15,25	11,25	8	8,25	20,5	19	6,75	6,75	14	10	6	6	17	15,5
9	Trảng Bom	74,25	Khá	15	12	8	7,5	23,5	19	7	6	12	10	6	6	14,25	13,75
10	Thống Nhất	73,5	Khá	18	11,5	8,5	8,25	25,25	20,25	6,75	3	14	10	6	6	18	14,5
11	Long Khánh	67,75	Khá	17,5	10,5	9	8,25	25	19	7	3	12	7	6	6	15,5	14
Trung bình		79,50		16,93	12,70	8,43	8,41	22,23	21,16	6,91	5,86	13,55	10,27	6,00	6,00	15,93	15,09

Hình 13: Kết quả xác định Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện năm 2015



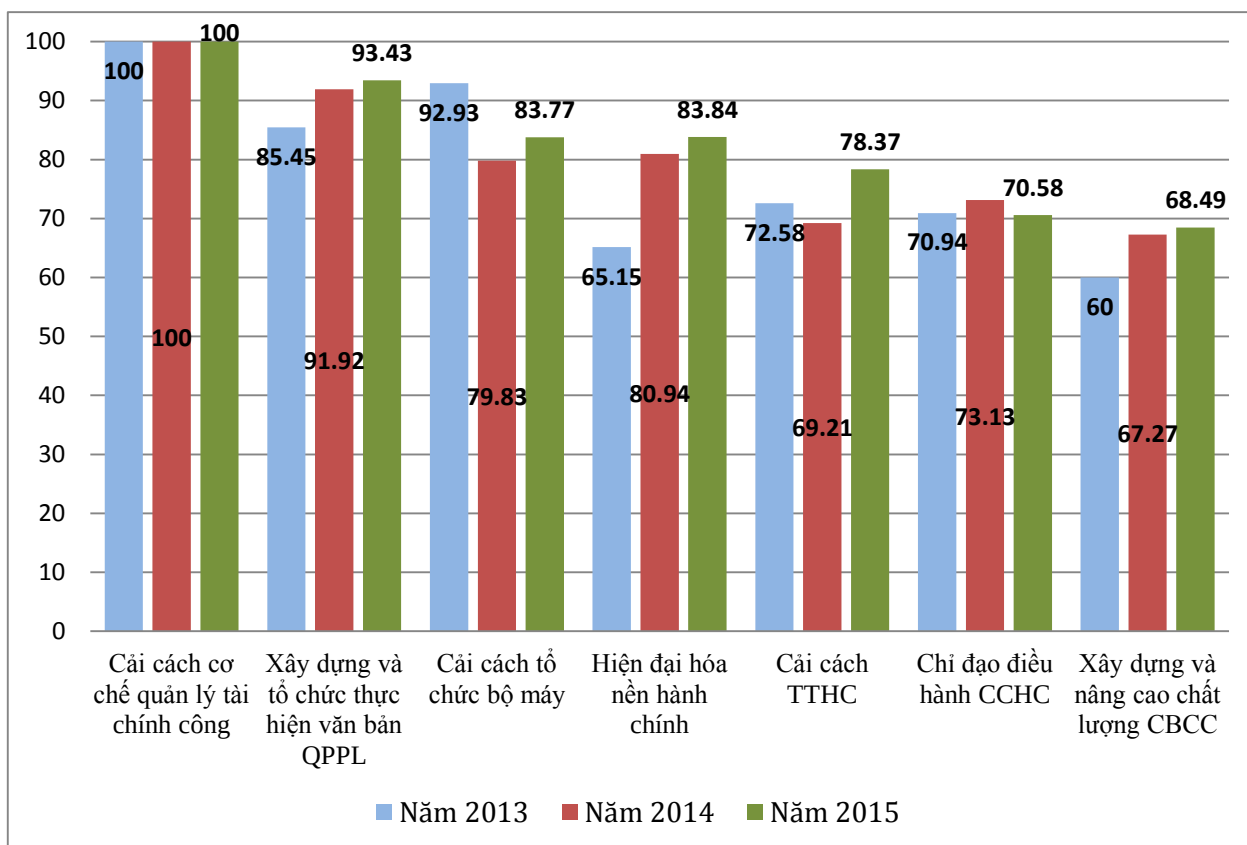
2. So sánh Chỉ số cải cách hành chính UBND cấp huyện các năm 2015, 2014, 2013

2.1. So sánh kết quả Chỉ số cải cách hành chính theo lĩnh vực các năm 2015, 2014, 2013: Cụ thể tại Bảng 17 và Hình 14 sau đây:

*Bảng 17: So sánh Chỉ số CCHC theo lĩnh vực
các năm 2015, 2014, 2013*

Stt	Lĩnh vực	Chỉ số Cải cách hành chính (điểm số/100)			Trung bình Chỉ số CCHC 3 năm	Tăng, giảm (-)	
		Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013		Năm 2015 so với 2014	Năm 2014 so với 2013
1	Cải cách cơ chế quản lý tài chính công	100	100	100	100	0	0
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL	93.43	91.92	85.45	90.27	1.51	6.47
3	Cải cách tổ chức bộ máy	83.77	79.83	92.93	85.51	3.94	-13.1
4	Hiện đại hóa nền hành chính	83.84	80.94	65.15	76.64	2.9	15.79
5	Cải cách TTHC	78.37	69.21	72.58	73.39	9.16	-3.37
6	Chỉ đạo điều hành CCHC	70.58	73.13	70.94	71.55	-2.55	2.19
7	Xây dựng và nâng cao chất lượng CBCC	68.49	67.27	60	65.25	1.22	7.27
Chỉ số Cải cách hành chính		79.5	76.16	75.3	76.99	3.34	0.86

Hình 14: So sánh Chỉ số CCHC theo lĩnh vực
các năm 2015, 2014, 2013



Qua kết quả so sánh tại Bảng số 17 và Hình 14 cho thấy:

- Có 4/7 lĩnh vực có Chỉ số đạt từ 80 điểm trở lên: *Cải cách cơ chế quản lý tài chính công (100), Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (93,43); Cải cách tổ chức bộ máy (83,77); Hiện đại hóa nền hành chính (83,84);*
- Có 3/7 lĩnh vực có Chỉ số đạt dưới 80 điểm gồm: *Cải cách TTHC (78,37); Chỉ đạo điều hành CCHC (70,58); Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức (68,49).*

Qua Chỉ số Cải cách hành chính năm 2015, xác định được mặt tích cực của UBND cấp huyện trong công tác CCHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại; cải cách cơ chế tài chính công (đạt 100 điểm); Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (93,43 điểm); hiện đại hóa nền hành chính (83,84 điểm); các đơn vị đã chủ động triển khai nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính: Huyện Nhơn Trạch chủ động triển khai nhiều giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, nhất là triển khai cơ chế một cửa liên thông các TTHC trong lĩnh vực tư pháp, chính sách xã hội, giảm việc đi lại nhiều lần, phiền hà cho tổ chức và cá nhân.

Mặc dù Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện năm 2015 tăng **3,34** điểm so với năm 2014, tuy nhiên điểm số đạt được vẫn còn thấp, chỉ đạt 79,5 điểm trong thang điểm 100; qua đó, cho thấy kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính vẫn còn một số tồn tại, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của người dân và doanh nghiệp; cụ thể:

- Chỉ số công tác chỉ đạo điều hành CCHC chỉ đạt **70,58** điểm, giảm **2,55** điểm so với năm 2014, điều này cho thấy công tác lãnh đạo, chỉ đạo CCHC của một số đơn vị vẫn còn chưa quyết liệt; công tác triển khai các chỉ đạo về CCHC chưa đáp ứng yêu cầu chất lượng, tiến độ theo kế hoạch đề ra.

- Chỉ số lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính trung bình chỉ đạt **78,37/100**, mặc dù 11/11 UBND cấp huyện đã triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tuy nhiên cải cách thủ tục hành chính vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của người dân và doanh nghiệp;

- Chỉ số lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức mặc dù có tăng 1,22 điểm so với năm 2014, tuy nhiên chỉ đạt **68,49/100** điểm; qua kết quả cho thấy, công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chuyển biến theo chiều hướng tốt hơn nhưng vẫn chưa đáp ứng mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và một nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, hiệu quả.

Do đó, đây là 03 lĩnh vực mà UBND cấp huyện cần quan tâm chỉ đạo triển khai quyết liệt trong thời gian tới.

2.2. So sánh Chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị các năm 2015, 2014, 2013

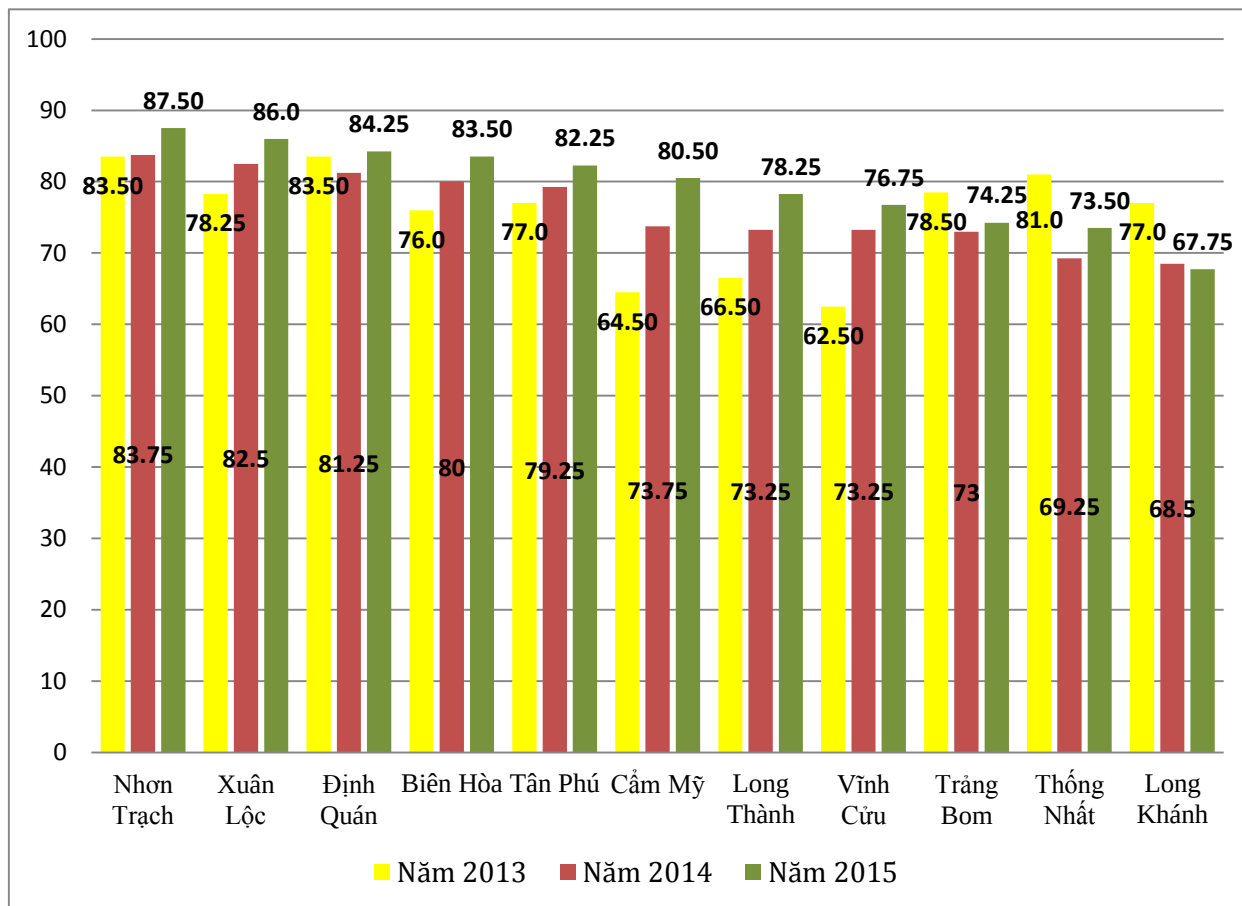
Kết quả cụ thể tại Bảng 18:

*Bảng 18: So sánh Chỉ số CCHC của các đơn vị
các năm 2015, 2014, 2013*

Đơn vị	Chỉ số CCHC			Trung bình Chỉ số CCHC 3 năm	Tăng, giảm (-)		Phân loại			Số TT				
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013		Năm 2015 so với 2014	Năm 2014 so với 2013	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2015 so với 2014	Năm 2014 so với 2013
Nhơn Trạch	87.5	81.25	83.5	84.08	6.25	-2.25	Tốt	Tốt	Tốt	1	3	1	2	-2
Xuân Lộc	86	83.75	83.5	84.42	2.25	0.25	Tốt	Tốt	Tốt	2	1	2	-1	1
Định Quán	84.25	79.25	76	79.83	5	3.25	Tốt	Khá	Khá	3	5	8	2	3
Biên Hòa	83.5	82.5	78.25	81.42	1	4.25	Tốt	Tốt	Khá	4	2	5	-2	3
Tân Phú	82.25	73.25	62.5	72.67	9	10.8	Tốt	Khá	Trung bình	5	8	11	3	3
Cẩm Mỹ	80.5	73.25	66.5	73.42	7.25	6.75	Tốt	Khá	Trung bình	6	7	9	1	2
Long Thành	78.25	80	76	78.08	-1.75	4	Khá	Khá	Khá	7	4	7	-3	3
Vĩnh Cửu	76.75	73.75	64.5	71.67	3	9.25	Khá	Khá	Trung bình	8	6	10	-2	4
Trảng Bom	74.25	69.25	80.5	74.67	5	-11.3	Khá	Khá	Khá	9	10	3	1	-7

Đơn vị	Chỉ số CCHC			Trung bình Chỉ số CCHC 3 năm	Tăng, giảm (-)		Phân loại			Số TT				
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013		Năm 2015 so với 2014	Năm 2014 so với 2013	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2015 so với 2014	Năm 2014 so với 2013
Thống Nhất	73.5	68.5	77	73	5	-8.5	Khá	Khá	Khá	10	11	6	1	-5
Long Khánh	67.75	73	78.5	73.08	-5.25	-5.5	Khá	Khá	Khá	11	9	4	-2	-5

Hình 15: So sánh Chỉ số CCHC các đơn vị
các năm 2015, 2014, 2013



Qua kết quả so sánh tại Bảng số 18 và Hình 15 cho thấy:

- Có 9/11 UBND cấp huyện tăng điểm so với năm 2014, trong đó: Đơn vị tăng điểm nhiều nhất là UBND huyện Tân Phú (tăng 9 điểm); như vậy, công tác cải cách hành chính được lãnh đạo các đơn vị quan tâm, triển khai đồng bộ hơn và đạt kết quả tốt hơn.

- Có 2/11 UBND cấp huyện giảm điểm so với năm 2014, trong đó: Đơn vị giảm điểm nhiều nhất là UBND thị xã Long Khánh (giảm 5,25 điểm); kết quả cho thấy một số đơn vị chưa chỉ đạo triển khai đồng bộ công tác cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực, một số đơn vị tập trung thực hiện cải cách thủ tục hành chính chưa quan tâm triển khai các lĩnh vực: Xây dựng, ban hành văn bản QPPL; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức...; kết quả triển khai một số chỉ đạo của UBND tỉnh về cải cách hành chính chưa đạt mục tiêu, kế hoạch đề ra.

3. Chỉ số lĩnh vực chỉ đạo điều hành CCHC của UBND cấp huyện năm 2015

Chỉ số CCHC lĩnh vực chỉ đạo, điều hành trung bình của UBND cấp huyện là **70,58/100** điểm, tăng **1,22** điểm so với năm 2014 (73,13 điểm); trong đó:

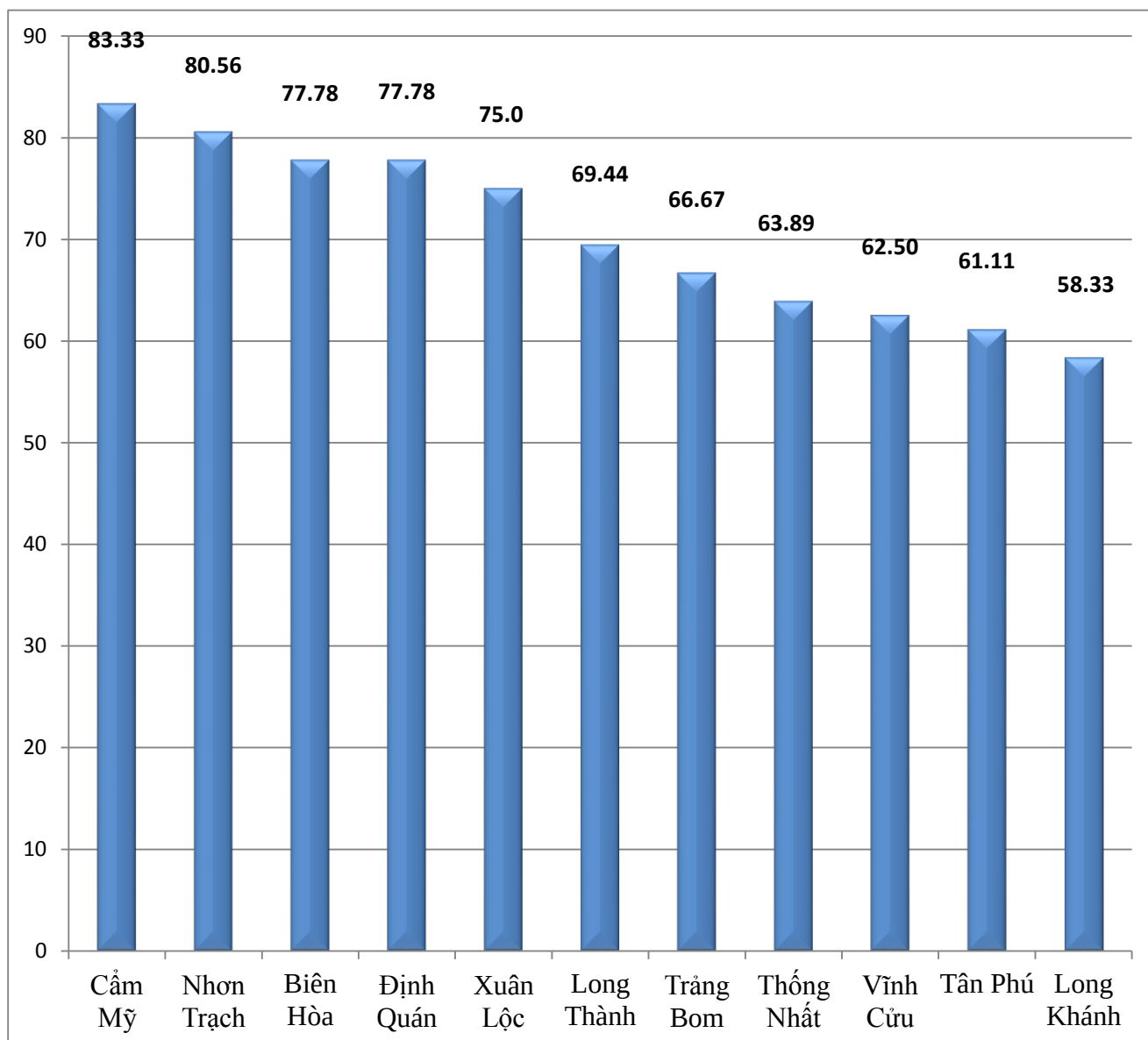
- Đơn vị có Chỉ số cao nhất đạt **83,33** điểm (UBND huyện Cẩm Mỹ), đơn vị thấp nhất chỉ đạt **58,33** điểm (UBND huyện thị xã Long Khánh);
- Chênh lệch giữa Chỉ số cao nhất và thấp nhất **25** điểm, giảm **7,36** điểm so với năm 2014 (32,36 điểm).

Qua kết quả xác định Chỉ số CCHC cho thấy, công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính của UBND cấp huyện đã có chuyển biến theo hướng tích cực hơn, đồng bộ hơn năm 2014; hầu hết các đơn vị xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2015 đã xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo chỉ đạo của UBND tỉnh; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC, xây dựng và triển khai các kế hoạch tuyên truyền, kiểm tra CCHC trong nội bộ.

Tuy nhiên, có 9/11 đơn vị thực hiện kế hoạch CCHC chưa đạt 100% mục tiêu đề ra; thực hiện báo cáo CCHC trễ hạn, chưa đầy đủ nội dung theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012. Công tác kiểm tra, tuyên truyền CCHC vẫn còn ở mức độ ban hành văn bản chỉ đạo, kết quả triển khai cụ thể và hiệu quả thực tế còn thấp. Các đơn vị gắn kết quả CCHC với công tác thi đua khen thưởng nhưng chỉ phát động thi đua chung chung, chưa đưa ra các chỉ tiêu CCHC cụ thể làm cơ sở bình xét thi đua khen thưởng. Công tác triển khai một số chỉ đạo của UBND tỉnh về cải cách hành chính, nhất là tại UBND cấp xã trực thuộc vẫn chưa đáp ứng yêu cầu chất lượng, tiến độ theo kế hoạch đề ra.

Kết quả xác định Chỉ số Lĩnh vực chỉ đạo, điều hành CCHC của UBND cấp huyện năm 2015 được cụ thể tại Hình 16, Bảng 19 dưới đây:

Hình 16: Chỉ số lĩnh vực chỉ đạo, điều hành CCHC của UBND cấp huyện năm 2015



Bảng 19: Chỉ số lĩnh vực chỉ đạo, điều hành CCHC của UBND cấp huyện năm 2015

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
1	Cẩm Mỹ	83,33	18	16,5	15	Kế hoạch CCHC năm 2015 cụ thể đầy đủ các nhiệm vụ theo kế hoạch CCHC của tỉnh; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, kiểm tra CCHC; gắn công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng; triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh về liên thông giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai.	Triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); Báo cáo CCHC quý I, báo cáo năm 2015 trễ hạn (trừ 0,5đ).	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch CHCC năm; thực hiện báo cáo CCHC đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; triển khai hiệu quả, kịp thời chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC, nhất là công tác CCHC tại UBND cấp xã.
2	Nhơn Trạch	80,56	18	17	14,5	Kế hoạch CCHC năm 2015 cụ thể đầy đủ các nhiệm vụ theo kế hoạch CCHC của tỉnh; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền về CCHC; triển khai hiệu quả, kịp thời các chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC, nhất là triển cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại UBND huyện và cấp xã; đơn vị có sáng kiến liên thông giải quyết	Triển khai kế hoạch CCHC chỉ đạt 90% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); Báo cáo CCHC quý I, 9 tháng trễ hạn (trừ 0,5đ); thực hiện kiểm tra CCHC chỉ đạt 58,3% (14/24 đơn vị) kế hoạch đề ra (trừ 2đ).	Triển khai hiệu quả kế hoạch CCHC năm; xây dựng báo cáo CCHC gửi đúng thời hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra CCHC.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
						TTHC cho tổ chức và cá nhân.		
3	Biên Hòa	77,78	18	16,5	14	Kế hoạch CCHC năm 2015 cụ thể đầy đủ các nhiệm vụ theo kế hoạch CCHC của tỉnh; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, kiểm tra CCHC; Chủ tịch UBND thành phố ban hành kế hoạch phát động thi đua về CCHC; triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh về liên thông giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai.	Triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); báo cáo CCHC quý I, 9 tháng trễ hạn (trừ 0,5 đ); triển khai chưa hiệu quả cơ chế một cửa liên thông giải quyết TTHC đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch CHCC năm; thực hiện báo cáo CCHC đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; triển khai hiệu quả, kịp thời chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC, nhất là công tác CCHC tại UBND cấp xã.
4	Định Quán	77,78	18	18	14	Kế hoạch CCHC năm 2015 cụ thể đầy đủ các nhiệm vụ theo kế hoạch CCHC của tỉnh; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, kiểm tra CCHC; gắn công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng; triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh về liên thông giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai.	Triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); 4 báo cáo CCHC định kỳ đều trễ hạn (trừ 0,5đ); chỉ đạo triển khai CCHC tại UBND cấp xã chưa đạt một số yêu cầu đề ra theo báo cáo kết luận kiểm tra số 39/BC-CCHC ngày 24/4/2016 của Sở Nội vụ (trừ 1đ).	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch CHCC năm; thực hiện báo cáo CCHC đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; triển khai hiệu quả, kịp thời chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC, nhất là công tác CCHC tại UBND cấp xã.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
5	Xuân Lộc	75	18	18	13,5	Kế hoạch CCHC năm 2015 cụ thể đầy đủ các nhiệm vụ theo kế hoạch CCHC của tỉnh; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền về CCHC; gắn công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng; UBND huyện có sáng kiến xây dựng mô hình bố trí Bộ phận TN&TKQ theo cơ chế một cửa hiện đại tại UBND cấp xã.	Triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1,5đ); thực hiện kiểm tra CCHC chỉ đạt 55,55% (15/27 đơn vị) kế hoạch năm (trừ 2đ); Báo cáo CCHC quý I, 6 tháng trễ hạn (trừ 0,5đ); chỉ đạo triển khai CCHC tại UBND cấp xã chưa đạt một số yêu cầu đề ra theo báo cáo kết luận kiểm tra số 26/BC-CCHC ngày 07/3/2016 của Sở Nội vụ (trừ 1đ).	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch CHCC năm; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra CCHC; thực hiện báo cáo CCHC đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; triển khai hiệu quả, kịp thời chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC, nhất là công tác CCHC tại UBND cấp xã.
6	Long Thành	69,44	18	18	12,5	Kế hoạch CCHC năm 2015 cụ thể đầy đủ các nhiệm vụ theo kế hoạch CCHC của tỉnh; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền CCHC; triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh về liên thông giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai.	Triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); Báo cáo CCHC 9 tháng trễ hạn (trừ 0,5đ); chưa xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (trừ 1đ); chưa gắn công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng (trừ 0,5 đ); chỉ đạo triển khai CCHC chưa đạt một số yêu cầu đề ra theo báo cáo kết luận kiểm tra số 39/BC-CCHC ngày 29/4/2016 của Sở Nội vụ (trừ 1đ).	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch CHCC năm; thực hiện báo cáo CCHC đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; kiểm tra CCHC cần ban hành kết luận kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện kết luận kiểm tra; gắn công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng; Triển khai hiệu quả, kịp thời chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC, nhất là hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại UBND huyện,

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
								UBND cấp xã.
7	Trảng Bom	66,67	18	15	12	Thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; triển khai hiệu quả công tác kiểm tra CCHC; gắn công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng; triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại UBND xã đúng kế hoạch của UBND tỉnh.	Kế hoạch CCHC năm 2015 chưa xác định cụ thể các kết quả (sản phẩm đầu ra), chưa xác định thời gian hoàn thành (trừ 0,5đ); triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 chỉ đạt 88,23% (15/17) mục tiêu đề ra (trừ 2đ); triển khai kế hoạch tuyên truyền chỉ đạt 85% mục tiêu đề ra (trừ 0,5đ); chỉ đạo triển khai CCHC tại UBND cấp xã chưa đạt một số yêu cầu đề ra theo báo cáo kết luận kiểm tra số 39/BC-CCHC ngày 29/4/2016 của Sở Nội vụ (trừ 1đ).	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch CHCC năm; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch tuyên truyền CCHC; thực hiện báo cáo CCHC đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; triển khai hiệu quả, kịp thời chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC, nhất là công tác CCHC tại UBND cấp xã.
8	Thông Nhất	63,89	18	18	11,5	Ban hành kế hoạch CCHC năm 2015 kịp thời; gắn CCHC với công tác thi đua khen thưởng; triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh về liên thông giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai.	Kế hoạch CCHC năm 2015 chưa xác định cụ thể các kết quả (sản phẩm đầu ra) (trừ 0,5đ); báo cáo CCHC năm thiếu cải cách tổ chức bộ máy, cải cách tài chính công (trừ 0,5đ); Báo cáo CCHC 6 tháng, 9 tháng, báo cáo năm trễ hạn (trừ 0,5đ); triển khai kế hoạch tuyên truyền, kiểm tra CCHC chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 2đ); chỉ đạo triển khai CCHC chưa đạt một số yêu cầu đề ra theo báo cáo kết luận kiểm tra số 39/BC-CCHC	Ban hành kế hoạch CCHC năm cần xác định cụ thể các kết quả (sản phẩm đầu ra) đối với từng nhiệm vụ để thực hiện; thực hiện báo cáo CCHC đầy đủ nội dung, đúng thời hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; Triển khai hiệu quả, kịp thời chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC, nhất là hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại UBND huyện,

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
							ngày 29/4/2016 của Sở Nội vụ (trừ 1đ).	UBND cấp xã.
9	Vĩnh Cửu	62,5	18	15,25	11,25	Ban hành và triển khai Kế hoạch CCHC năm 2015 đạt 90% mục tiêu đề ra; thực hiện đầy đủ các báo cáo CCHC; ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch tuyên truyền CCHC.	Ban hành kế hoạch CCHC năm 2015 trễ hạn (trừ 0,25đ); triển khai kế hoạch CCHC chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); 4 báo cáo CCHC theo định kỳ đều trễ hạn (trừ 0,5đ); triển khai kiểm tra CCHC chưa đạt 100% đơn vị theo kế hoạch (trừ 1đ); chưa gắn CCHC với gắn công tác công tác thi đua khen thưởng (trừ 0,5đ); chưa thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực đất đai (trừ 1đ); chỉ đạo triển khai CCHC tại UBND cấp xã chưa đạt một số yêu cầu đề ra theo báo cáo kết luận kiểm tra số 26/BC-CCHC ngày 07/3/2016 của Sở Nội vụ (trừ 1đ).	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch CHCC năm; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra CCHC; thực hiện báo cáo CCHC đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; gắn CCHC với công tác công tác thi đua khen thưởng; triển khai hiệu quả, kịp thời chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC, nhất là công tác CCHC tại UBND cấp xã.
10	Tân Phú	61,11	18	16,5	11	Kế hoạch CCHC năm 2015 đã xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo chỉ đạo của UBND tỉnh; thực hiện đầy đủ báo cáo CCHC; triển khai hiệu quả công tác kiểm tra CCHC; gắn công tác CCHC với công tác thi đua	Báo cáo CCHC quý 1 trễ hạn (trừ 0,5đ); triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 chỉ đạt 78,94% mục tiêu đề ra (trừ 2đ); chưa ban hành kế hoạch, triển khai chưa hiệu quả công tác tuyên truyền CCHC (trừ 2đ); chỉ đạo triển khai CCHC tại UBND cấp xã chưa đạt một số yêu	Thực hiện báo cáo CCHC đầy đủ nội dung theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra CCHC; triển khai hiệu quả, kịp thời chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
						khen thưởng; triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại cấp xã theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh.	cầu đề ra theo báo cáo kết luận kiểm tra số 26/BC-CCHC ngày 07/3/2016 của Sở Nội vụ (trừ 1đ).	tính về CCHC, nhất là công tác giải quyết TTHC tại UBND cấp xã.
11	Long Khánh	58,33	18	17,5	10,5	Kế hoạch CCHC năm 2015 đã xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo chỉ đạo của UBND tỉnh; gắn CCHC vào công tác thi đua khen thưởng; triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh về liên thông giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai.	Triển khai kế hoạch CCHC năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); báo cáo CCHC năm thiếu nội dung tuyên truyền CCHC (trừ 0,5đ); báo cáo CCHC 9 tháng, báo cáo năm trễ hạn (trừ 0,5đ); thực hiện kiểm tra CCHC chưa đạt 100% đơn vị trong kế hoạch (trừ 1đ); không ban hành và triển khai kế hoạch tuyên truyền CCHC (trừ 2đ); chỉ đạo triển khai CCHC tại UBND cấp xã chưa đạt một số yêu cầu đề ra theo báo cáo kết luận kiểm tra số 26/BC-CCHC ngày 07/3/2016 của Sở Nội vụ (trừ 1đ).	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch CHCC năm; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra, tuyên truyền về CCHC; thực hiện báo cáo CCHC đầy đủ nội dung, đúng hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3616/UBND-KSTT ngày 25/3/2012; triển khai hiệu quả, kịp thời chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC, nhất là công tác CCHC tại UBND cấp xã.

4. Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND cấp huyện năm 2015

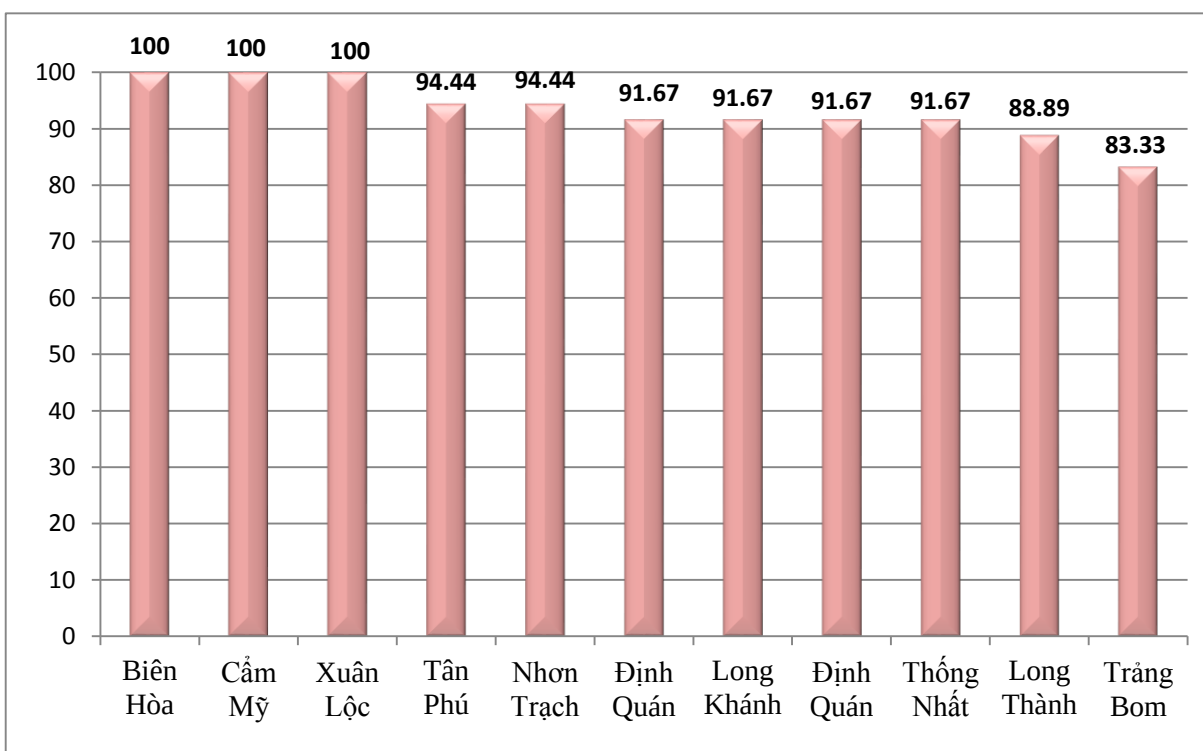
Chỉ số CCHC lĩnh vực tham mưu xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trung bình của UBND cấp huyện là **93,43/100** điểm, tăng **1,51** điểm so với năm 2014 (91,92 điểm); trong đó:

- Đơn vị có Chỉ số cao nhất đạt **100** điểm, đơn vị thấp nhất chỉ đạt **83,33** điểm. Chênh lệch giữa Chỉ số cao nhất và thấp nhất 16,67 điểm, giảm 5,55 điểm so với năm 2014 (22,22 điểm).

Qua kết quả chỉ số, xác định được các mặt mạnh của các đơn vị: UBND cấp huyện thực hiện tốt công tác ban hành văn bản QPPL để thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn; triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên. Tuy nhiên, hầu hết UBND cấp huyện chưa chủ động ban hành, triển khai chương trình (kế hoạch) ban hành văn bản QPPL; một số đơn vị chưa ban hành, triển khai hiệu quả, kịp thời công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và ban hành văn bản QPPL của UBND cấp huyện năm 2015 được cụ thể tại Hình 17, Bảng 20 dưới đây:

Hình 17: Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và ban hành văn bản QPPL của UBND cấp huyện năm 2015



Bảng 20: Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và ban hành văn bản QPPL của UBND cấp huyện năm 2015

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
1	Biên Hòa	100	9	9	9	Thực hiện tốt công tác ban hành văn bản QPPL để quản lý nhà nước trên địa bàn; thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên.		Tiếp tục thực hiện tốt công tác ban hành văn bản QPPL, triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên để quản lý nhà nước trên địa bàn.
2	Cẩm Mỹ	100	9	9	9	Thực hiện tốt công tác ban hành văn bản QPPL để quản lý nhà nước trên địa bàn; thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên.		Tiếp tục thực hiện tốt công tác ban hành văn bản QPPL, triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên để quản lý nhà nước trên địa bàn.
3	Xuân Lộc	100	9	9	9	Thực hiện tốt công tác ban hành văn bản QPPL để thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn; thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên.		Tiếp tục thực hiện tốt công tác ban hành văn bản QPPL, triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên để quản lý nhà nước trên địa bàn.
4	Tân Phú	94,44	9	9	8,5	Thực hiện tốt công tác ban hành văn bản QPPL để quản lý nhà nước trên địa bàn; Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trễ hạn (trừ 0,5đ).	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hoá VBQPPL kịp thời để thực hiện.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
						cấp trên.		
5	Nhơn Trạch	94,44	9	8,5	8,5	Thực hiện tốt công tác ban hành văn bản QPPL để thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn; triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên.	Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL ban hành trễ hạn (trừ 0,5đ).	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đúng hạn.
6	Định Quán	91,67	9	8,25	8,25	Thực hiện tốt công tác ban hành văn bản QPPL để quản lý NN trên địa bàn. Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên.	Triển khai công tác ban hành văn bản QPPL trễ so với thời hạn quy định (trừ 0,25đ); ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,5đ).	Triển khai công tác ban hành văn bản QPPL kịp thời; Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đúng hạn để thực hiện.
7	Long Khánh	91,67	9	9	8,25	Thực hiện tốt công tác ban hành văn bản QPPL; triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên.	Ban hành chương trình ban hành văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,25đ); ban hành Kế hoạch rà soát văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,5đ)	Chủ động rà soát, ban hành Chương trình (công văn) triển khai thực hiện xây dựng văn bản QPPL kịp thời; ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đúng hạn.
8	Định Quán	91,67	9	8,25	8,25	Thực hiện tốt công tác ban hành văn bản QPPL để quản lý NN trên địa bàn. Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên.	Ban hành chương trình ban hành văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,25đ); ban hành Kế hoạch rà soát văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,5đ)	Chủ động rà soát, xây dựng Chương trình (công văn) triển khai thực hiện xây dựng văn bản QPPL kịp thời; ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đúng hạn để thực hiện.
9	Thống Nhất	91,67	9	8,5	8,25	Thực hiện tốt công tác ban hành văn bản QPPL để quản lý NN trên địa bàn. Triển khai hiệu quả	Ban hành chương trình ban hành văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,25đ); ban hành Kế hoạch	Chủ động rà soát, xây dựng Chương trình (công văn) triển khai thực hiện xây dựng văn bản

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo
						các văn bản QPPL của cấp trên.	rà soát văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,5đ)	QPPL kịp thời; ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đúng hạn.
10	Long Thành	88,89	9	6,5	8	Thực hiện tốt công tác ban hành văn bản QPPL để thực hiện chức năng quản lý NN trên địa bàn. Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên.	Ban hành chương trình ban hành văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,5đ); ban hành Kế hoạch rà soát văn bản QPPL trễ hạn (trừ 0,5đ).	Chủ động rà soát, xây dựng Chương trình (văn bản) triển khai xây dựng văn bản QPPL kịp thời; ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đúng hạn để thực hiện.
11	Trảng Bom	83,33	9	8	7,5	Triển khai hiệu quả các văn bản QPPL của cấp trên ban hành.	Không ban hành chương trình (hoặc văn bản triển khai) xây dựng văn bản QPPL năm 2015 (trừ 1đ); Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trễ hạn (trừ 0,5đ).	Ban hành chương trình (hoặc văn bản) triển khai xây dựng văn bản QPPL để thực hiện; ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL kịp thời.

5. Chỉ số lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính của UBND cấp huyện năm 2015

Chỉ số CCHC lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính trung bình của UBND cấp huyện là **78,37/100** điểm, tăng **9,16** điểm so với năm 2014 (69,21/100 điểm); trong đó:

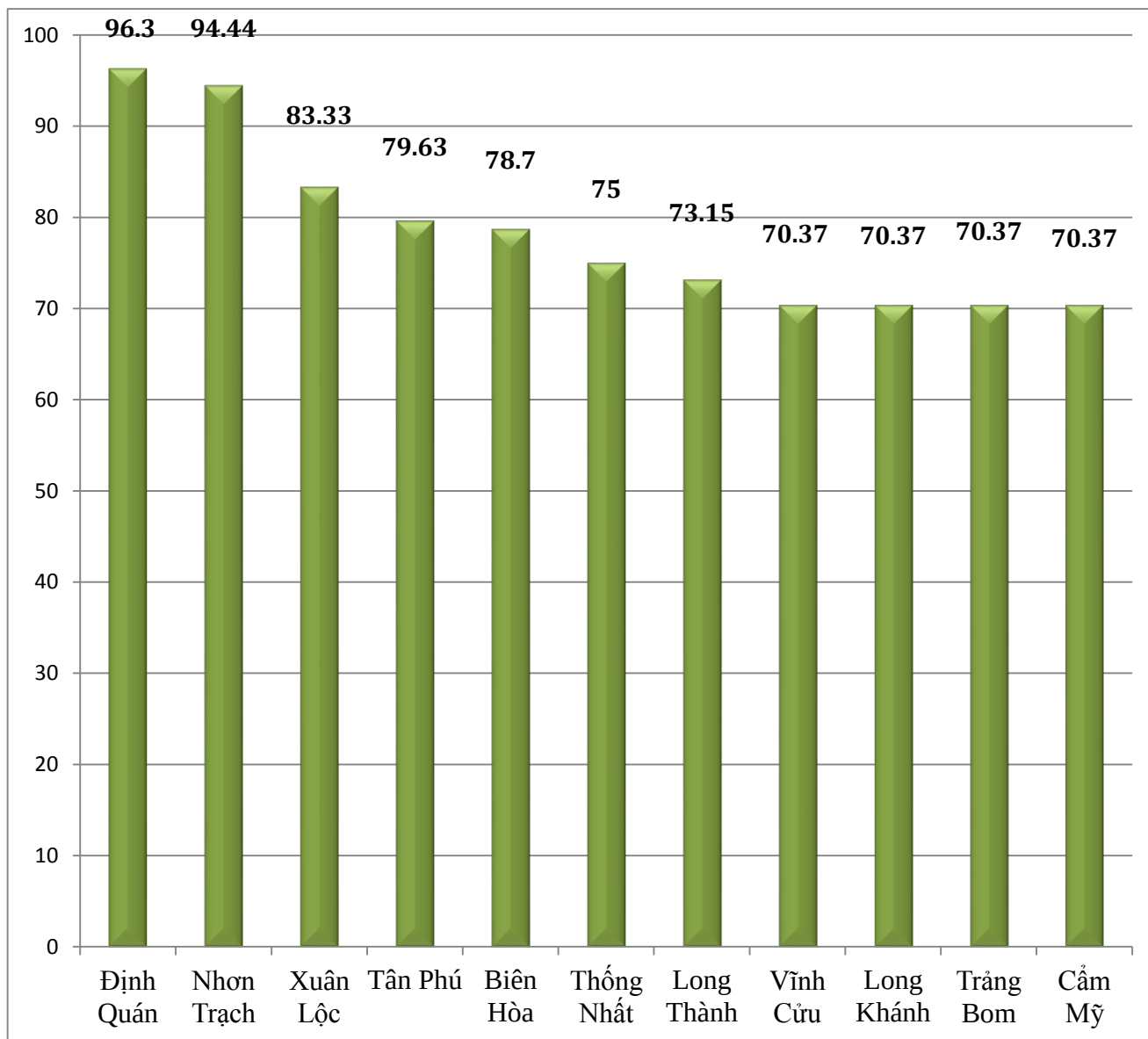
- Đơn vị có Chỉ số cao nhất đạt **95,3** điểm, đơn vị thấp nhất chỉ đạt **70,37** điểm;
- Chênh lệch giữa Chỉ số cao nhất và thấp nhất **24,93** điểm, tăng **0,74** điểm so với năm 2014 (24,19 điểm).

Qua kết quả xác định Chỉ số CCHC cho thấy, UBND cấp huyện đã quan tâm triển khai cải cách thủ tục hành chính quyết liệt, đồng bộ hơn; 11/11 UBND cấp huyện đã triển khai cơ chế một cửa hiện đại để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân; Bộ phận TN&TKQ được xây dựng mới, kiện toàn đáp ứng yêu cầu giải quyết TTHC; các đơn vị phối hợp rà soát, đề nghị điều chỉnh kịp thời TTHC của các ngành; hầu hết UBND cấp huyện đã triển khai liên thông giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai;

Tuy nhiên, công tác cải cách TTHC của UBND cấp huyện vẫn còn một số tồn tại như: Tỷ lệ TTHC tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa trung bình chưa đạt 85% tổng số 212 TTHC (yêu cầu của Bộ Nội vụ từ 85% TTHC trở lên); công khai TTHC tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị chưa đầy đủ, chưa đúng thể thức; công tác kiểm soát TTHC triển khai chưa hiệu quả (chưa xây dựng phương án rà soát đơn giản hóa, quy định, TTHC; chưa kiểm tra kiểm soát TTHC); chưa triển khai hiệu quả cơ chế một cửa liên thông giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đây là những nhiệm vụ mà các địa phương tập trung thực hiện trong thời gian tới.

Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực cải cách TTHC của UBND cấp huyện năm 2015 được cụ thể tại Hình 18, Bảng 21 dưới đây:

Hình 18: Chỉ số lĩnh vực cải cách TTHC
của UBND cấp huyện năm 2015



Bảng 21: Chỉ số lĩnh vực Cải cách TTHC của UBND cấp huyện năm 2015

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
1	Định Quán	96,3	27	26,5	26	Triển khai hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân; đơn vị đã đưa 90% (190/212) TTHC ra tiếp nhận tại Bộ phận TN&TKQ; phối hợp rà soát đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung Bộ TTHC của UBND cấp huyện và UBND cấp xã; công khai TTHC đầy đủ trên Trang thông tin điện tử.	Công khai TTHC tại Bộ phận TN&TKQ còn thiếu, chưa đúng thể thức (trừ 0,5đ); chưa điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và giải quyết TTHC (trừ 0,5đ);	Công khai TTHC của các sở, ngành, UBND cấp huyện đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận TN&TKQ; tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại huyện, nhất là sử dụng phần mềm; điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa; tập trung giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân đúng thời hạn.
2	Nhon Trách	94,44	27	26,5	25,5	Thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC; phối hợp rà soát, đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung Bộ TTHC của UBND cấp huyện và UBND cấp xã; công khai Bộ TTHC đầy đủ tại Bộ phận TN&TKQ; chủ động triển khai nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân, nhất là triển khai cơ chế liên thông giải quyết TTHC lĩnh vực đất	Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa chỉ đạt 82,07% (174/212) tổng số TTHC (trừ 1đ); Chưa thường xuyên điều chỉnh kịp thời quy định tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị (trừ 0,5đ)	Tăng cường TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa; tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại UBND huyện, nhất là sử dụng phần mềm, điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						đại; hộ tịch, bảo trợ xã hội.		
3	Xuân Lộc	83,33	27	26	22,5	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2015; công khai Bộ TTHC đầy đủ trên Trang thông tin điện tử; thực hiện tốt cơ chế một cửa liên thông giữa UBND cấp huyện với sở, ngành, UBND cấp xã trong giải quyết TTHC.	Chưa có kết quả đề nghị điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của UBND cấp huyện và UBND cấp xã (trừ 1đ); tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa chỉ đạt 69,33% (147/212) tổng số TTHC (trừ 2đ); tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn 7.36% (1.003/11.629) tổng số hồ sơ (trừ 2đ).	Phối hợp rà soát, đề nghị điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của UBND cấp huyện và UBND cấp xã. Công khai TTHC của các sở, ngành, UBND cấp huyện đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận TN&TKQ; tăng cường TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa; tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại huyện, nhất là sử dụng phần mềm; tập trung giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân đúng thời hạn.
4	Tân Phú	79,63	27	25,5	21,5	Thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC; công khai Bộ TTHC đầy đủ trên Trang thông tin điện tử; triển khai liên thông giải quyết 26 TTHC lĩnh vực đất đai.	Công khai TTHC tại Bộ phận TN&TKQ còn thiếu biểu mẫu, chưa đúng thể thức (trừ 0,5đ); chưa thường xuyên xử lý các phản ánh kiến nghị của người dân (trừ 0,5đ); tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa chỉ đạt 81,13% (174/212) tổng số TTHC (trừ 1đ); Chưa điều chỉnh bổ sung	Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định Bộ TTHC của sở, ngành, UBND cấp huyện tại Bộ phận TN&TKQ; tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại UBND huyện, nhất là sử dụng phần mềm, điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
							kip thời quy định tiếp nhận và trả kết quả (trừ 1đ); tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn chiếm 16,8% tổng số hồ sơ (trừ 2đ).	trả kết quả của đơn vị; tập trung giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân đúng thời hạn.
5	Biên Hòa	78,7	27	25,25	21,25	Triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2015; phối hợp rà soát, đề nghị điều chỉnh Bộ TTHC của UBND cấp huyện và UBND cấp xã; triển khai cơ chế một cửa liên thông giải quyết 57 TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, bảo trợ xã hội.	Kế hoạch kiểm soát TTHC ban hành trễ hạn (trừ 0,25đ); Công khai TTHC tại Bộ phận TN&TKQ còn thiếu, chưa đúng thể thức (trừ 0,5đ); Công khai 66,98% (142/212) TTHC trên Trang thông tin điện tử (trừ 1,5đ); tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa chỉ đạt 64,62% (137/212) tổng số TTHC (trừ 2đ); tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn chỉ đạt 91,58% (trừ 1đ).	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC kịp thời để thực hiện. Công khai TTHC của các sở, ngành, UBND cấp huyện đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang thông tin điện tử. Tăng cường số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa; tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại, nhất là sử dụng phần mềm một cửa; tập trung giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân đúng hạn.
6	Thống Nhất	75	27	25,25	20,25	Thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC; công khai Bộ TTHC đầy đủ trên Trang thông tin điện tử; triển khai liên thông giải quyết 26 TTHC lĩnh vực đất đai.	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC trễ hạn (trừ 0,5đ); niêm yết TTHC thiếu 14/19 bộ TTHC của các ngành, lĩnh vực (trừ 1,5đ); niêm yết số điện thoại đường dây nóng chưa đúng quy định (trừ 1đ); tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa chỉ đạt 50% (101/212) tổng số TTHC (trừ	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC đúng hạn; phối hợp rà soát, đề nghị điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của UBND cấp huyện và UBND cấp xã. Công khai TTHC của các sở, ngành, UBND cấp huyện đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận TN&TKQ. Tăng cường TTHC

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
							1,5đ); chưa chủ động triển khai cơ chế một cửa liên thông (ngoài lĩnh vực đất đai) giải quyết TTHC (trừ 1đ).	thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại, nhất là sử dụng phần mềm một cửa hiện đại; tập trung giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân đúng hạn.
7	Long Thành	73,15	27	24,5	19,75	Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC với tỷ lệ trả kết quả đúng hạn đạt 95,2% tổng số hồ sơ; công khai Bộ TTHC của UBND cấp huyện đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử; triển khai cơ chế liên thông giải quyết 26 TTHC lĩnh vực đất đai.	Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2015 ban hành trễ hạn (trừ 0,25đ); Công khai TTHC tại Bộ phận TN&TKQ còn thiếu, chưa đúng thể thức (trừ 0,5đ); tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa chỉ đạt 64,98% (137/212) tổng số TTHC (trừ 2đ); chưa điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa (trừ 0,5đ); chưa chủ động triển khai cơ chế một cửa liên thông (ngoài lĩnh vực đất đai) giải quyết TTHC (trừ 1đ).	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC đúng hạn; công khai TTHC của các sở, ngành, UBND cấp huyện đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận TN&TKQ. Tăng cường số lượng TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại, nhất là sử dụng phần mềm một cửa; điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa; tập trung giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân đúng hạn.
8	Vĩnh Cửu	70,37	27	20,5	19	Ban hành và triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC đạt 100% mục tiêu đề ra; công	Chưa có kết quả đề nghị điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của UBND cấp huyện và UBND cấp	Phối hợp rà soát, đề nghị điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của UBND cấp huyện và UBND

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						khai Bộ TTHC đầy đủ trên Trang thông tin điện tử.	xã (trừ 1đ); Công khai TTHC tại Bộ phận TN&TKQ còn thiếu, chưa đúng thể thức (trừ 0,5đ); tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa chỉ đạt từ 60% đến dưới 70% tổng số TTHC (trừ 2đ); chỉ thực hiện cơ chế một cửa liên thông 1 TTHC (trừ 2đ); tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn chỉ từ 80% đến dưới 90% tổng số hồ sơ (trừ 2đ).	cấp xã. Công khai TTHC của các sở, ngành, UBND cấp huyện đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận TN&TKQ; tăng cường TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa; tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại huyện, nhất là sử dụng phần mềm; tập trung giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân đúng hạn.
9	Long Khánh	70,37	27	25	19	Đơn vị đã triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân; công khai Bộ TTHC của UBND cấp huyện đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử; triển khai cơ chế liên thông trong giải quyết 26 TTHC lĩnh vực đất đai.	Triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2015 chỉ đạt 85% mục tiêu đề ra: chưa kiểm tra kiểm soát TTHC, chưa ban hành kế hoạch truyền thông kiểm soát TTHC, chưa xây dựng phương án kiến nghị đơn giản hóa TTHC (trừ 1đ); Công khai TTHC tại Bộ phận TN&TKQ còn thiếu, chưa đúng thể thức (trừ 0,5đ); tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa chỉ đạt 44,55% (90/212) tổng số TTHC (trừ 3đ); chưa điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và giải quyết TTHC (trừ 0,5đ); tỷ lệ hồ sơ giải quyết hồ sơ đúng hạn chỉ đạt từ 90% đến dưới	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm soát TTHC. Công khai TTHC của các sở, ngành, UBND cấp huyện đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận TN&TKQ. Tăng cường TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại, nhất là sử dụng phần mềm một cửa; điều chỉnh bổ sung kịp thời quy định tiếp nhận và giải quyết TTHC; tập trung giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân đúng hạn.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
							95% tổng số hồ sơ (trừ 1đ).	
10	Trảng Bom	70,37	27	23,5	19	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2015; công khai Bộ TTHC đầy đủ trên Trang thông tin điện tử; triển khai liên thông trong giải quyết 26 TTHC lĩnh vực đất đai.	Chưa có kết quả đề nghị điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của UBND cấp huyện và UBND cấp xã (trừ 1đ); Công khai TTHC tại Bộ phận TN&TKQ còn thiếu, chưa đúng thể thức (trừ 0,5đ); tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa chỉ đạt 77,35% (164/212) tổng số TTHC (trừ 1đ); tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn 80,03% (965/16.824) tổng số hồ sơ (trừ 3đ).	Phối hợp rà soát, đề nghị điều chỉnh kịp thời Bộ TTHC của UBND cấp huyện và UBND cấp xã. Công khai TTHC của các sở, ngành, UBND cấp huyện đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận TN&TKQ; tăng cường TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại huyện, nhất là sử dụng phần mềm; tập trung giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân đúng thời hạn.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
11	Cẩm Mỹ	70,37	27	19,5	19	Triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2015; phối hợp rà soát, đề nghị điều chỉnh Bộ TTHC của UBND cấp huyện và UBND cấp xã; triển khai cơ chế một cửa liên thông giải quyết 26 TTHC lĩnh vực đất đai.	Công khai TTHC tại Bộ phận TN&TKQ còn thiếu, chưa đúng thể thức (trừ 0,5đ); Công khai từ 70% đến dưới 80% tổng số TTHC trên Trang thông tin điện tử (trừ 1đ); tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa chỉ đạt từ 70% đến dưới 85% tổng số TTHC (trừ 1đ); chưa chủ động triển khai cơ chế một cửa liên thông (ngoài lĩnh vực đất đai) giải quyết TTHC (trừ 2đ); tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn chỉ đạt từ 70% đến dưới 80% tổng số hồ sơ (trừ 3đ).	Công khai TTHC của các sở, ngành, UBND cấp huyện đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị. Tăng cường số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại, nhất là sử dụng phần mềm một cửa; tập trung giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân đúng hạn.

6. Chỉ số Lĩnh vực Cải cách Tổ chức bộ máy của UBND cấp huyện năm 2015

Chỉ số CCHC lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy trung bình của UBND cấp huyện là **83,77/100 điểm**, tăng **3,94 điểm** so với năm 2014 (79,83/100 điểm); trong đó:

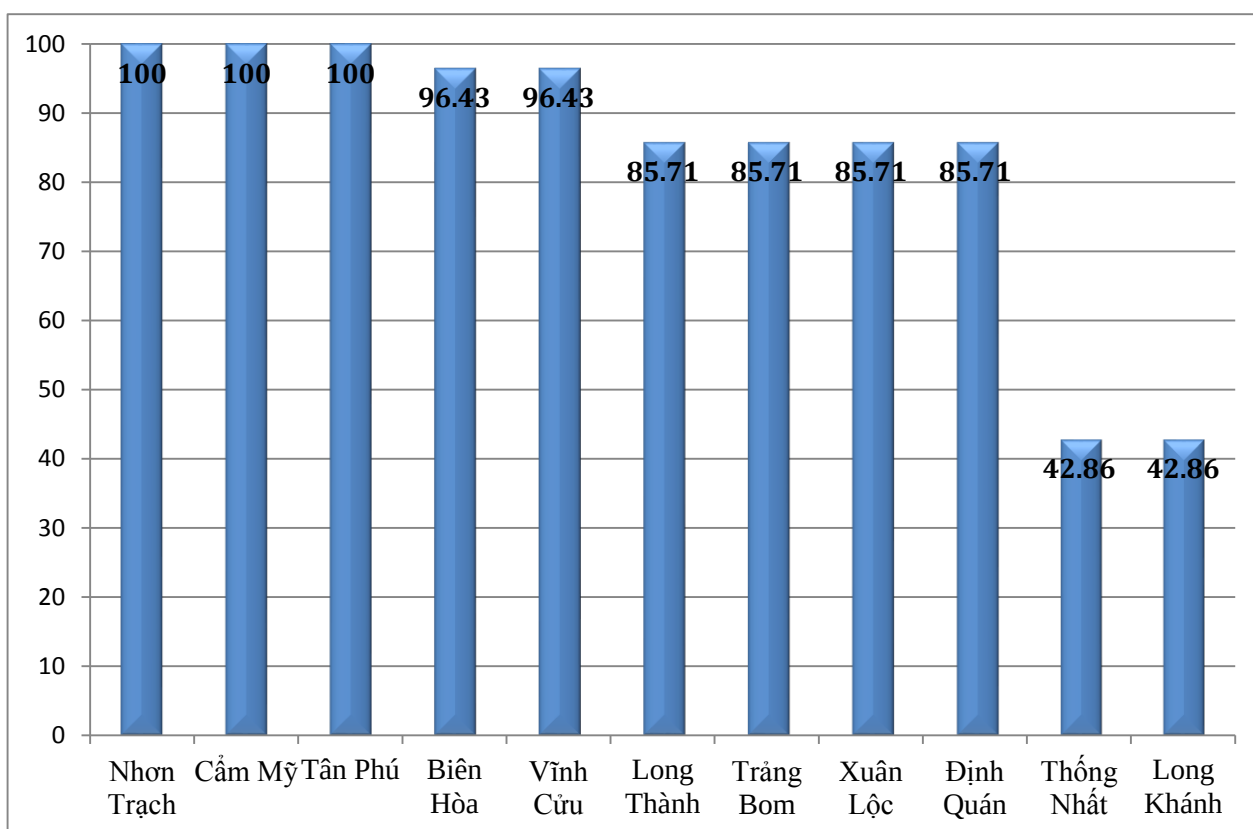
- Đơn vị có Chỉ số cao nhất đạt **100 điểm**, đơn vị thấp nhất đạt **42,86 điểm**;
- Chênh lệch giữa Chỉ số cao nhất và thấp nhất là **57,14 điểm**, tăng **10,26 điểm** so với năm 2014 (46,88 điểm).

Trong Lĩnh vực Cải cách tổ chức bộ máy, 100% UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy; thực hiện đầy đủ các quy định phân cấp thẩm quyền quản lý.

Tuy nhiên, một số đơn vị chưa thường xuyên rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức trực thuộc; chưa kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các quy định phân cấp thẩm quyền quản lý do Trung ương và UBND tỉnh ban hành.

Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực Cải cách tổ chức bộ máy của UBND cấp huyện năm 2015 của được cụ thể tại Hình 19, Bảng 22 dưới đây:

Hình 19: Chỉ số lĩnh vực cải cách Tổ chức bộ máy của UBND cấp huyện năm 2015



Bảng 22: Chỉ số lĩnh vực cải cách Tổ chức bộ máy của UBND cấp huyện năm 2015

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
1	Nhon Trạch	100	7	7	7	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy; thường xuyên rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định.		Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định.
2	Cẩm Mỹ	100	7	7	7	Thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.		Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định.
3	Tân Phú	100	7	7	7	Thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.		Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định.
4	Biên Hòa	96,43	7	6,75	6,75	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp chưa hiệu quả (trừ 0,25đ).	Triển khai hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.
5	Vĩnh Cửu	96,43	7	6,75	6,75	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy; thường	Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp chưa hiệu quả (trừ 0,25đ)	Triển khai hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						xuyên rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định.		cấp.
6	Long Thành	85,71	7	7	6	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp (trừ 1đ).	Triển khai hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.
7	Trảng Bom	85,71	7	7	6	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp (trừ 1đ).	Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định; Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.
8	Xuân Lộc	85,71	7	7	6	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp (trừ 1đ).	Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.
9	Định Quán	85,71	7	6,75	6	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy; có tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các đơn vị trực thuộc; thực hiện phân cấp quản lý.	Chưa kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp (trừ 1đ).	Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
10	Thống Nhất	42,86	7	6,75	3	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của các đơn vị trực thuộc (trừ 3đ); Chưa kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp (trừ 1đ).	Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định; thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.
11	Long Khánh	42,86	7	7	3	Đơn vị thực hiện đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.	Chưa thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của các đơn vị trực thuộc (trừ 3đ); Chưa kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp (trừ 1đ).	Thực hiện thường xuyên việc rà soát, chức năng, nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị trực thuộc để đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị đúng quy định; thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

7. Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của UBND cấp huyện năm 2015

Chỉ số CCHC lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trung bình của UBND cấp huyện là **68,49/100** điểm, tăng **1,22** điểm so với năm 2014 (67,27/100 điểm); trong đó:

- Đơn vị có Chỉ số cao nhất đạt **86,67** điểm (UBND thành phố Biên Hòa, UBND huyện Tân Phú), đơn vị thấp nhất đạt **46,67** điểm (UBND thị xã Long Khánh);

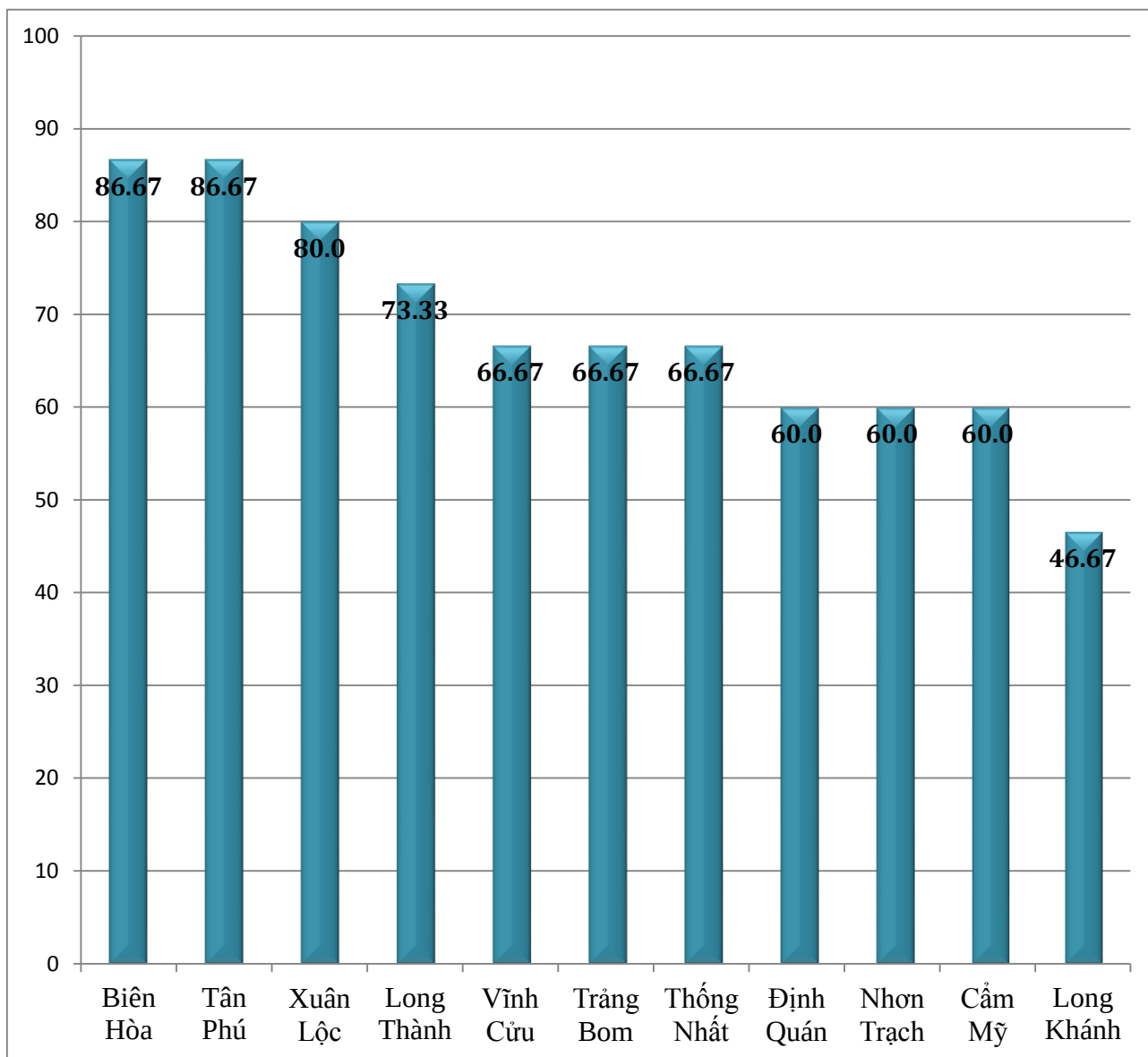
- Chênh lệch giữa Chỉ số cao nhất và thấp nhất là **40** điểm, giảm **13,33** điểm so với năm 2014 (53,33 điểm).

Qua Chỉ số CCHC cho thấy lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC đã có chuyển biến tích cực hơn so với năm 2014 hầu hết các đơn vị đều thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng, bố trí, sử dụng CCVC; ban hành, triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2015.

Tuy nhiên, có 11/11 đơn vị có tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt dưới 95% tổng số công chức; một số đơn vị ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trễ hạn; tỷ lệ công chức được đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/1năm còn thấp.

Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC của UBND cấp huyện năm 2015 cụ thể tại Hình 20, Bảng 25 dưới đây:

Hình 20: Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC của UBND cấp huyện năm 2015



Bảng 23: Chỉ số lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC của UBND cấp huyện năm 2015

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
1	Biên Hòa	86,67	15	15	13	Thực hiện tuyển dụng viên chức đúng quy định; tỷ lệ viên chức đảm bảo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt 90% tổng số viên chức. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, với tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm đạt trên 70% tổng số công chức.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt từ 90% đến dưới 95% tổng số công chức (trừ 1đ); trong năm 2015, đơn vị không điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm nên TC 5.1 chỉ đạt 1/2 điểm.	Tiếp tục triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, viên chức đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.
2	Tân Phú	86,67	15	15	13	Thực hiện tuyển dụng viên chức đúng quy định; tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt trên 90% tổng số viên chức; triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCC năm 2015, với tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm đạt 94,11% (113/120) tổng số công chức.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt 94,16% (113/120) tổng số công chức (trừ 1đ); trong năm 2015, đơn vị không điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm nên TC 5.1 chỉ đạt 1/2 điểm.	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, tỷ lệ viên chức đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.
3	Xuân	80	15	15	12	Thực hiện tuyển dụng viên	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu	Tiếp tục xây dựng, triển khai hiệu

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
	Lộc					chức đúng quy định; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCC năm 2015, với tỷ lệ công chức được bồi dưỡng theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1 tuần/năm đạt trên 70% tổng số công chức.	chuẩn ngạch chỉ đạt 93% tổng số công chức (trừ 1đ); tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt từ 80% đến dưới 90% tổng số viên chức (trừ 1đ); trong năm 2015, đơn vị không điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm nên TC 5.1 chỉ đạt 1/2 điểm.	quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, tỷ lệ viên chức đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.
4	Long Thành	73,33	15	14	11	Thực hiện tuyển dụng viên chức đúng quy định; tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt trên 90% tổng số viên chức.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt 91,72% (133/145) tổng số công chức (trừ 1đ); ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC trễ hạn (trừ 1đ). Tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1 tuần/năm chỉ đạt từ 50% đến dưới 60% (trừ 2đ).	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ công chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm; tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch.
5	Vĩnh Cửu	66,67	15	14	10	Thực hiện tuyển dụng viên chức đúng quy định; triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCC năm 2015, với tỷ lệ công chức được bồi dưỡng theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1 tuần/năm đạt trên 70% tổng số công	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt 86,42% (121/140) tổng số công chức (trừ 2đ); tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp từ 80% đến dưới 90% tổng số viên chức (trừ 1đ); ban hành kế hoạch đào	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, tỷ lệ viên chức đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						chức.	tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2015 trễ hạn (trừ 1đ); trong năm 2015, đơn vị không điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm nên TC 5.1 chỉ đạt 1/2 điểm.	
6	Trảng Bom	66,67	15	12	10	Tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt trên 90% tổng số viên chức; tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm đạt trên 70% tổng số công chức.	Thành viên Hội đồng tuyển dụng viên chức chưa phù hợp với quy định của Chính phủ (trừ 1đ); Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt từ 80% đến dưới 90% tổng số công chức (trừ 2đ); chưa ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức năm 2015 (trừ 2đ).	Thực hiện tuyển dụng viên chức theo đúng Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành; Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, tỷ lệ viên chức đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.
7	Thống Nhất	66,67	15	14	10	Thực hiện tuyển dụng viên chức đúng quy định; tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm chỉ đạt trên 70% tổng số công chức.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt 85,8% tổng số công chức (trừ 2đ); tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt từ 80% dưới 90% tổng số viên chức (trừ 1đ); ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức trễ hạn (trừ 1đ)	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, tỷ lệ viên chức đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.
8	Định Quán	60	15	15	9	Thực hiện tuyển dụng viên chức đúng quy định; xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt 85,8% tổng số công chức (trừ 2đ); tỷ	Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm nhằm

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						đào tạo bồi dưỡng CBCC năm 2015, với tỷ lệ công chức được bồi dưỡng theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1 tuần/năm đạt trên 85,8% tổng số công chức.	lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chưa đạt 70% tổng số viên chức (trừ 3đ).	nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, tỷ lệ viên chức đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.
9	Nhơn Trạch	60	15	13	9	Thực hiện tuyển dụng viên chức đúng quy định.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt 91,97% (126/137) tổng số công chức (trừ 1đ); tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt từ 70% đến dưới 80% tổng số viên chức (trừ 2đ); ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCC năm 2015 trễ hạn (trừ 1đ); tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1 tuần/năm chỉ đạt từ 60% đến dưới 70% tổng số công chức (trừ 1đ).	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức nhằm nâng cao tỷ lệ: công chức được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1 tuần/năm; tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch, viên chức đảm bảo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.
10	Cẩm Mỹ	60	15	12	9	Thực hiện tuyển dụng viên chức đúng quy định; tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt trên 90% tổng số viên chức.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt 85% (124/140) tổng số công chức (trừ 2đ); ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức trễ hạn (trừ 1đ); tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức nhằm nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, viên chức đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt

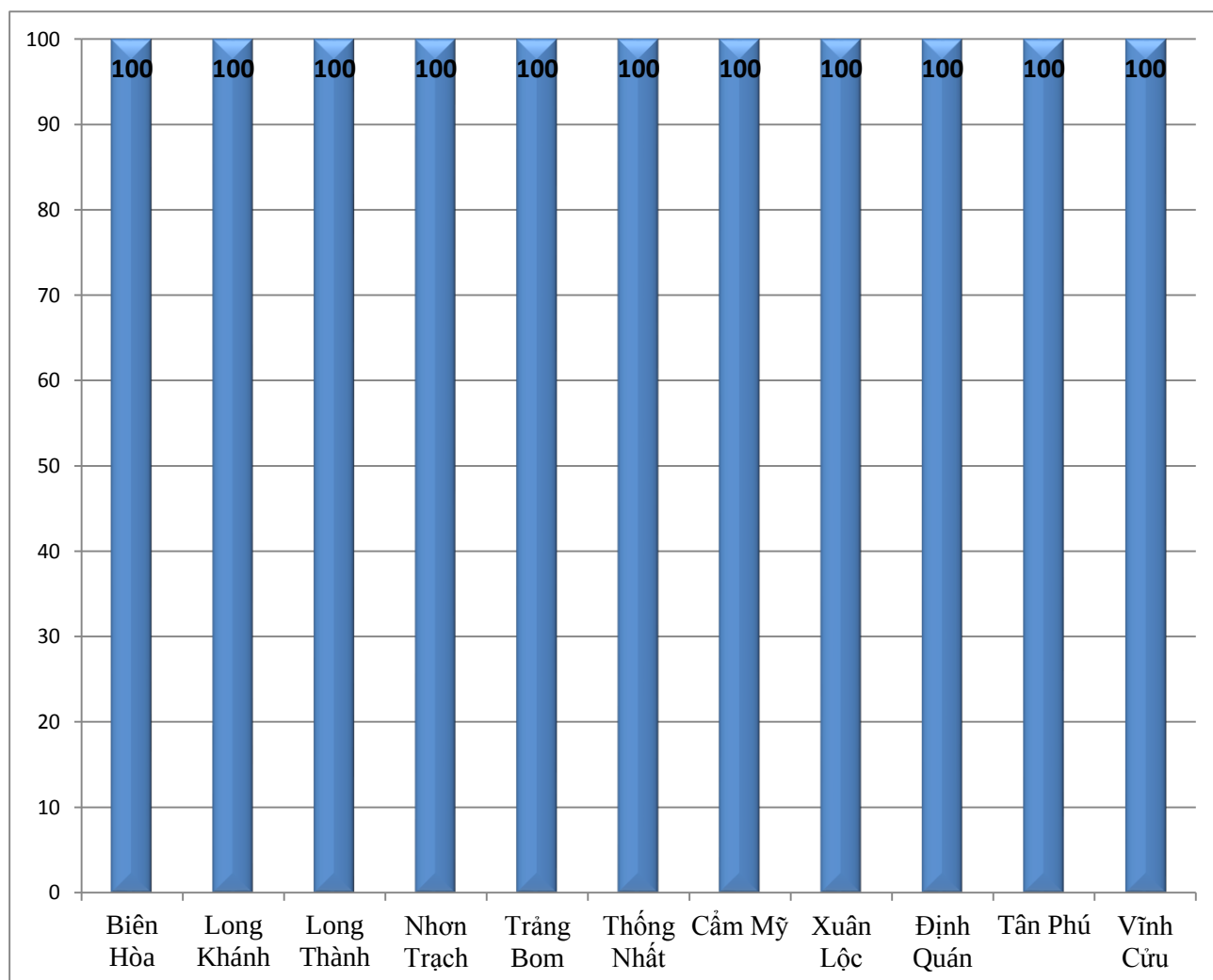
Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
							theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm chỉ đạt 50,68% (74/146) tổng số công chức (trừ 2đ).	buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm.
11	Long Khánh	46,67	15	15	7	Thực hiện tuyển dụng viên chức đúng quy định.	Tỷ lệ công chức đảm bảo tiêu chuẩn ngạch chỉ đạt 93% tổng số công chức (trừ 1đ); Tỷ lệ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt từ 80% dưới 90% tổng số viên chức (trừ 1đ); Không ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2015 (trừ 2đ); tỷ lệ công chức được bồi dưỡng bắt buộc theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1tuần/năm chỉ đạt 34,48% (50/145) tổng số công chức (trừ 3đ).	Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ: công chức được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm; nâng cao tỷ lệ công chức đủ tiêu chuẩn ngạch, viên chức đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

8. Chỉ số lĩnh vực Cải cách tài chính công của UBND cấp huyện năm 2015

Số điểm trung bình đạt được của UBND huyện là **100/100** điểm; 100% số phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ; 100% đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực Cải cách tài chính công của UBND cấp huyện năm 2015 được cụ thể tại Hình 21, Bảng 24 dưới đây:

Hình 21: Chỉ số lĩnh vực Cải cách tài chính công của UBND cấp huyện năm 2015



Bảng 24: Chỉ số lĩnh vực Cải cách tài chính công của UBND cấp huyện năm 2015

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
1	Biên Hòa	100	6	6	6	100% (18/18) số đơn vị thuộc UBND huyện thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; 100% (124/124) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.		Tiếp tục phát huy kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 để phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập.
2	Long Khánh	100	6	6	6	100% (14/14) số đơn vị thuộc UBND huyện thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; 100% (57/57) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.		Tiếp tục phát huy kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 để phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập.
3	Long Thành	100	6	6	6	100% (13/13) số đơn vị thuộc UBND huyện thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; 100% (59/59) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.		Tiếp tục phát huy kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 để phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập.
4	Nhơn Trạch	100	6	6	6	100% (22/22) số đơn vị thuộc UBND huyện thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; 100% (38/38) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện		Tiếp tục phát huy kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
						Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.		để phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập.
5	Trảng Bom	100	6	6	6	100% (26/26) số đơn vị thuộc UBND huyện thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; 100% (83/83) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.		Tiếp tục phát huy kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 để phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập.
6	Thống Nhất	100	6	6	6	100% (30/30) số đơn vị thuộc UBND huyện thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; 100% (60/60) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.		Tiếp tục phát huy kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 để phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập.
7	Cẩm Mỹ	100	6	6	6	100% (21/21) số đơn vị thuộc UBND huyện thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; 100% (59/59) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.		Tiếp tục phát huy kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 để phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập.
8	Xuân Lộc	100	6	6	6	100% (20/20) số đơn vị thuộc UBND huyện thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; 100% (75/75) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.		Tiếp tục phát huy kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 để phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những TC, TCTP thực hiện tốt	Những TC, TCTP chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
								của các đơn vị sự nghiệp công lập.
9	Định Quán	100	6	6	6	100% (34/34) số đơn vị thuộc UBND huyện thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; 100% (76/76) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.		Tiếp tục phát huy kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 để phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập.
10	Tân Phú	100	6	6	6	100% (13/13) số đơn vị thuộc UBND huyện thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; 100% (64/64) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.		Tiếp tục phát huy kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 để phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập.
11	Vĩnh Cửu	100	6	6	6	100% (13/13) số đơn vị thuộc UBND huyện thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; 100% (45/45) đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.		Tiếp tục phát huy kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức; triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 để phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập.

9. Chỉ số lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính của UBND cấp huyện năm 2015

Chỉ số CCHC lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính trung bình của UBND cấp huyện đạt **83,84/100** điểm, tăng **2,9** điểm so với năm 2014 (80,94/100 điểm); trong đó:

- Đơn vị có Chỉ số cao nhất đạt **94,44** điểm (UBND huyện Nhơn Trạch, UBND huyện Xuân Lộc), đơn vị thấp nhất đạt **75** điểm (UBND thành phố Biên Hòa);

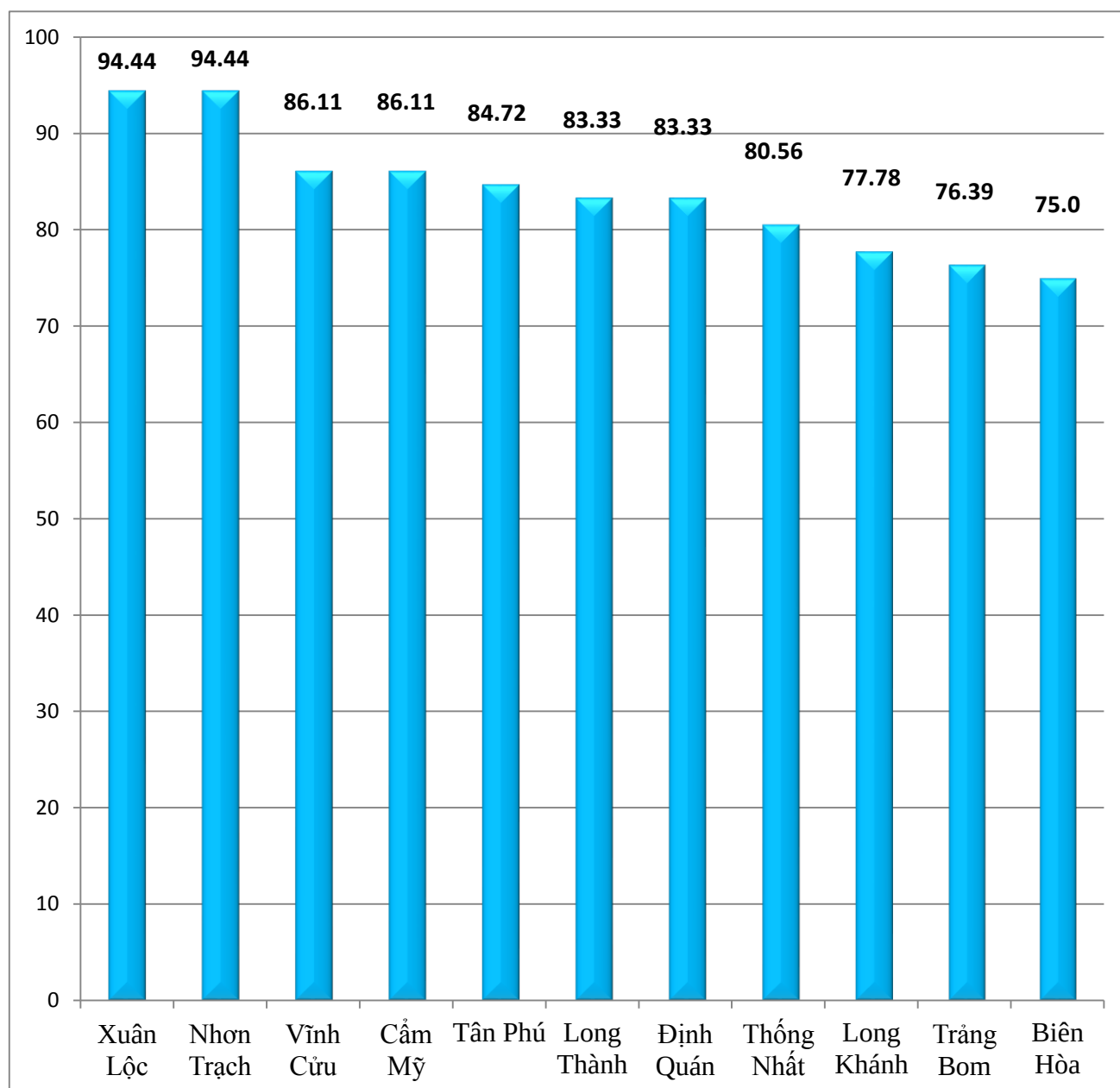
- Chênh lệch giữa Chỉ số cao nhất và thấp nhất là **19,44** điểm, giảm **19,02** điểm so với năm 2014 (38,46 điểm).

Qua kết quả Chỉ số cho thấy lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính của UBND cấp huyện năm 2015 đã có nhiều chuyển biến tích cực hơn, đồng bộ hơn năm 2014: Các đơn vị có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015; 5/11 đơn vị thực hiện trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính đạt trên 90% tổng số văn bản phát hành trong năm; Trang thông tin điện tử của các đơn vị đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.

Tuy nhiên, có 6/11 đơn vị thực hiện trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính chưa đạt theo lộ trình của tỉnh; 6/11 đơn vị triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT chưa đạt 100% mục tiêu đề ra; 6/11 đơn vị thực hiện việc tiếp nhận, trả hồ sơ qua phần mềm một cửa chưa đạt 100% tổng số hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ; các đơn vị chưa chủ động triển khai dịch vụ công mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

Kết quả xác định Chỉ số lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính của UBND cấp huyện năm 2015 được cụ thể tại Hình 22, Bảng 25 dưới đây:

Hình 22: Chỉ số lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính của UBND cấp huyện năm 2015



Bảng 25: Chỉ số lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính của UBND cấp huyện năm 2015

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
1	Xuân Lộc	94,44	18	17	17	Ban hành kịp thời, triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 đạt 100% mục tiêu đề ra; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác đạt trên 90% tổng số văn bản; tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trong nội bộ đạt trên 60% tổng số văn bản; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Chưa chủ động triển khai dịch vụ công mức độ 3 (trừ 1đ).	Tăng cường sử dụng phần mềm một cửa để tiếp nhận, luân chuyển trả kết quả giải quyết hồ sơ; triển khai cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.
2	Nhon Trạch	94,44	18	18	17	Ban hành kịp thời, triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 đạt 100% mục tiêu đề ra; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác đạt trên 90% tổng số văn bản; tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trong nội bộ đạt trên 60% tổng số văn bản; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Chưa chủ động triển khai dịch vụ công mức độ 3 (trừ 1đ).	Tăng cường sử dụng phần mềm một cửa để tiếp nhận, luân chuyển trả kết quả giải quyết hồ sơ; triển khai cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
3	Vĩnh Cửu	86,11	18	17	15,5	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 kịp thời; tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trong nội bộ đạt trên 60% tổng số văn bản; chất lượng Trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 chỉ đạt 91% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác chỉ đạt 80% tổng số văn bản (trừ 1đ); chưa chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (trừ 1đ).	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường trao đổi văn bản điện tử theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; tăng cường sử dụng phần mềm một cửa để tiếp nhận, luân chuyển trả kết quả giải quyết hồ sơ. Triển khai cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.
4	Cẩm Mỹ	86,11	18	15,5	15,5	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác đạt trên 90% tổng số văn bản; tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trong nội bộ đạt trên 60% tổng số văn bản; tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua phần mềm một cửa đạt 100% tổng số hồ sơ; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT 2015 trễ hạn (trừ 0,5đ); triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); Chưa triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (trừ 1đ).	Ban hành, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường sử dụng phần mềm một cửa để tiếp nhận, luân chuyển trả kết quả giải quyết hồ sơ. Triển khai cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
5	Tân Phú	84,72	18	15,25	15,25	Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 đạt 100% mục tiêu đề ra; tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trong nội bộ đạt 60% tổng số văn bản; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 ban hành trễ hạn (trừ 0,25đ); tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác chỉ đạt từ 80% đến dưới 90% tổng số văn bản (trừ 0,5đ); tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả trên phần mềm một cửa chưa đạt 100% tổng số hồ sơ (trừ 1đ); chưa chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (trừ 1đ).	Ban hành, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường trao đổi văn bản điện tử theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; tăng cường sử dụng phần mềm một cửa để tiếp nhận, luân chuyển trả kết quả giải quyết hồ sơ. Triển khai cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.
6	Long Thành	83,33	18	15,25	15	Ban hành kịp thời, triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 đạt 100% mục tiêu đề ra; tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trong nội bộ đạt trên 60% tổng số văn bản; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác chỉ đạt 84% tổng số văn bản (trừ 1đ); tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả trên phần mềm một cửa chưa đạt 100% tổng số hồ sơ (trừ 1đ); chưa chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (trừ 1đ).	Ban hành, triển khai kịp thời kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường trao đổi văn bản điện tử theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; tăng cường sử dụng phần mềm một cửa để tiếp nhận, luân chuyển trả kết quả giải quyết hồ sơ. Triển khai cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
								cá nhân.
7	Định Quán	83,33	18	17	15	Ban hành kịp thời, triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 đạt 100% mục tiêu đề ra; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác đạt trên 90% tổng số văn bản; tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trong nội bộ đạt trên 60% tổng số văn bản; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả trên phần mềm một cửa chưa đạt 100% tổng số hồ sơ (trừ 1đ); chưa chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC (trừ 1đ); chưa hoàn thành việc mở rộng hệ thống từ ISO 9001:2000 lên ISO 9001:2008 (trừ 1đ).	Tăng cường sử dụng phần mềm một cửa để tiếp nhận, luân chuyển trả kết quả giải quyết hồ sơ; Triển khai cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân; hoàn thành việc mở rộng hệ thống từ ISO 9001:2000 lên ISO 9001:2008.
8	Thống Nhất	80,56	18	18	14,5	Tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trong nội bộ đạt trên 60% tổng số văn bản; tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua phần mềm một cửa đạt 100% tổng số hồ sơ; chất lượng Trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 trễ hạn (trừ 0,5đ); triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện với các cơ quan hành chính khác chỉ đạt 70% tổng số văn bản (trừ 1đ); chưa chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải	Ban hành, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường trao đổi văn bản điện tử theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; tăng cường sử dụng phần mềm một cửa để tiếp nhận, luân chuyển trả kết quả giải quyết hồ sơ. Triển khai cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, cung cấp một số dịch vụ công trực

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
							quyết TTHC (trừ 1đ).	tuyển mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.
9	Long Khánh	77,78	18	15,5	14	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 kịp thời; tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trong nội bộ đạt trên 60% tổng số văn bản; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác chỉ đạt từ 70% đến dưới 80% tổng số văn bản (trừ 1đ); tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả trên phần mềm một cửa chưa đạt 100% tổng số hồ sơ (trừ 1đ); chưa chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (trừ 1đ).	Ban hành, triển khai hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường trao đổi văn bản điện tử theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; tăng cường sử dụng phần mềm một cửa để tiếp nhận, luân chuyển trả kết quả giải quyết hồ sơ. Triển khai cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.
10	Trảng Bom	76,39	18	14,25	13,75	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các phòng ban thuộc UBND huyện đạt trên 60% tổng số văn bản; chất lượng trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân; đã hoàn thiện đánh giá chứng nhận ISO 9001:2008 theo quy định.	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 trễ hạn (trừ 0,25đ); triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT chưa đạt 100% mục tiêu đề ra (trừ 1đ); tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác chỉ đạt từ 71% tổng số văn bản (trừ 1đ); tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả	Ban hành, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường trao đổi văn bản điện tử theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; sử dụng phần mềm một cửa để tiếp nhận, luân chuyển trả kết quả giải quyết 100% hồ sơ. Triển khai cung cấp tất cả dịch vụ công trực

Số TT	Đơn vị	Chỉ số	Điểm tối đa	Đơn vị tự đánh giá	UBND tỉnh công nhận	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung chưa tốt	Nội dung cần thực hiện trong năm 2016 và những năm tiếp theo
							kết quả trên phần mềm một cửa chưa đạt 100% tổng số hồ sơ (trừ 1đ).	tuyển mức độ 2, cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.
11	Biên Hòa	75	18	12,5	13,5	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác đạt trên 90% tổng số văn bản; tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trong nội bộ đạt trên 60% tổng số văn bản; chất lượng Trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của tổ chức và cá nhân.	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 trễ hạn (trừ 0,5đ); triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015 chỉ đạt 85% mục tiêu đề ra (trừ 1 đ). Chưa chủ động triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (trừ 1đ); tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trên phần mềm chỉ đạt 90% tổng số hồ sơ (trừ 2).	Ban hành, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; tăng cường trao đổi văn bản điện tử theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; tăng cường sử dụng phần mềm một cửa để tiếp nhận, luân chuyển trả kết quả giải quyết hồ sơ. Triển khai cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

III. KHỐI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

1. Kết quả triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp xã năm 2015

Thực hiện kế hoạch số 10977/KH-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh, hướng dẫn số 2171/SNV-CCHC ngày 31/12/2015, 2172/SNV-CCHC ngày 31/12/2015 của Sở Nội vụ, UBND cấp huyện đã tiến hành xác định kết quả CCHC năm 2014 của UBND cấp xã trực thuộc;

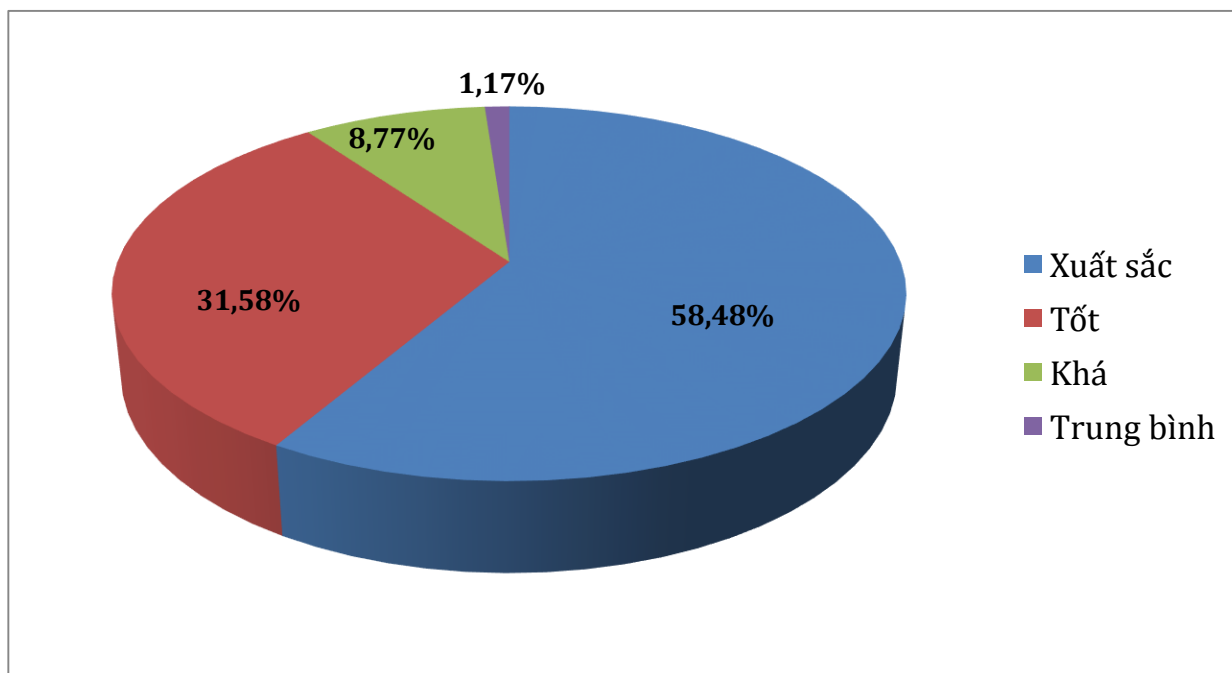
Nhằm đánh giá khách quan, tương đối toàn diện kết quả CCHC của UBND cấp xã và để phù hợp với tình hình triển khai cải cách hành chính của các địa phương; từ năm 2015, UBND tỉnh giao cho UBND cấp huyện triển khai xác định và **công bố** Chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp xã hàng năm;

Kết quả đánh giá, công bố của UBND cấp huyện về Chỉ số CCHC của 171 UBND cấp xã năm 2015, cụ thể tại Bảng số 26 và Hình 23:

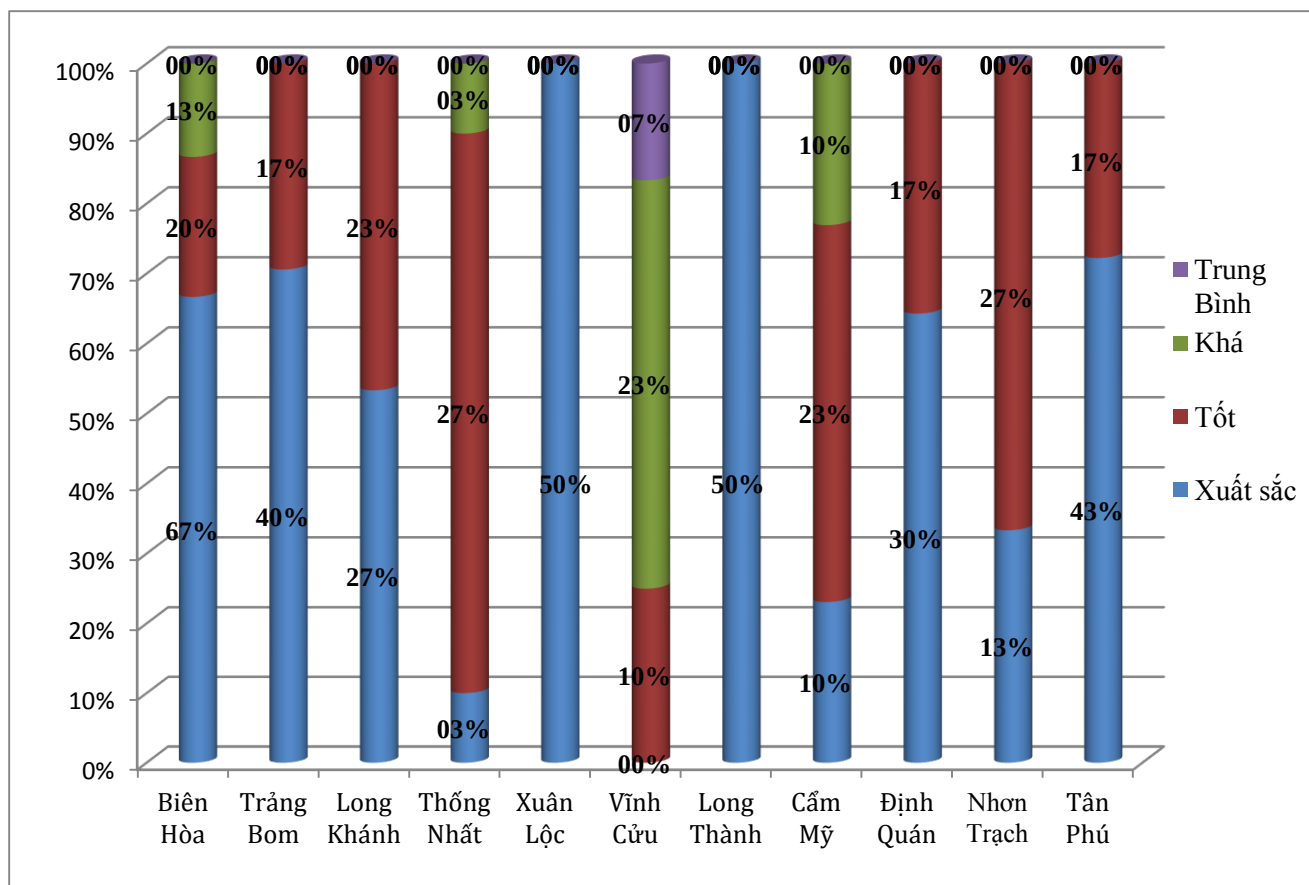
Bảng 26: Tổng hợp kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp xã năm 2015

Stt	Đơn vị	Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung Bình	Tổng số
1	Biên Hòa	20	6	4	0	30
2	Trảng Bom	12	5	0	0	17
3	Long Khánh	8	7	0	0	15
4	Thống Nhất	1	8	1	0	10
5	Xuân Lộc	15	0	0	0	15
6	Vĩnh Cửu	0	3	7	2	12
7	Long Thành	15	0	0	0	15
8	Cẩm Mỹ	3	7	3	0	13
9	Định Quán	9	5	0	0	14
10	Nhơn Trạch	4	8	0	0	12
11	Tân Phú	13	5	0	0	18
Tổng		100	54	15	2	171

Hình 23: Tổng hợp kết quả xác định
Chỉ số CCHC của UBND cấp xã năm 2015



Hình 24: Tổng hợp kết quả xác định Chỉ số CCHC
của 171 UBND cấp xã của 11 UBND cấp huyện



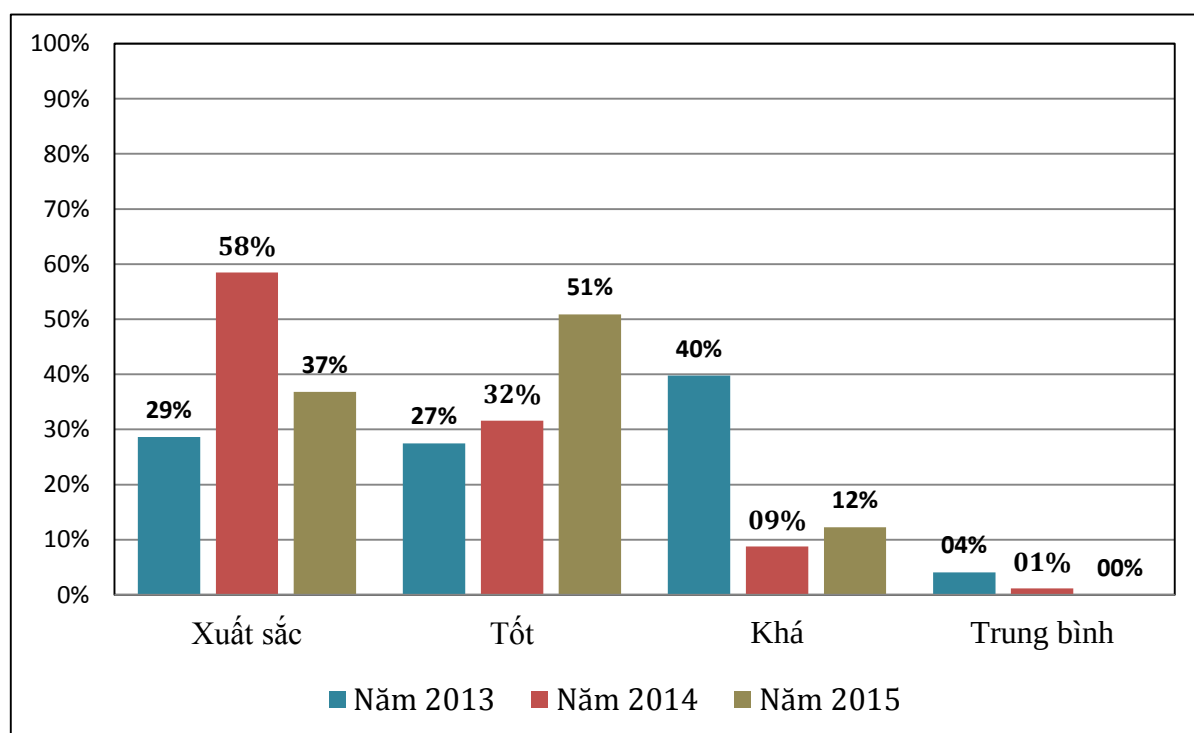
2. So sánh kết quả xác định Chỉ số CCHC của UBND cấp xã qua các năm 2015, 2014, 2013

Tổng hợp kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính hành chính của UBND cấp xã qua các năm 2015, 2014, 2013, cụ thể tại Bảng 27:

Bảng 27: So sánh kết quả xác định chỉ số CCHC của UBND cấp xã qua các năm 2015, 2014, 2013

Stt	Xếp loại	Số lượng đơn vị			Tăng, giảm (-)	
		Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2015 so với 2014	Năm 2014 so với 2013
1	Xuất sắc	63	100	49	-37	51
2	Tốt	87	54	47	33	7
3	Khá	21	15	68	6	-53
4	Trung bình	0	2	7	-2	-5
Tổng số		171	171	171		

Hình 25: So sánh kết quả xác định chỉ số CCHC của UBND cấp xã qua các năm 2015, 2014, 2013



Qua kết quả tổng hợp tại Bảng số 27 và Hình 25 cho thấy:

- Năm 2015, kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính UBND cấp xã có 150/171 (87,71%) đơn vị xếp loại xuất sắc, loại tốt; 21 đơn vị xếp loại khá; không có đơn vị xếp loại trung bình và yếu; kết quả đó, cho thấy công tác CCHC tại UBND cấp xã đã có chuyển biến tốt hơn;

- Số đơn vị xếp loại Tốt tăng đều qua các năm, từ năm 2013 đến năm 2015 tăng 40 đơn vị; riêng đơn vị xếp loại Xuất sắc năm 2015 giảm 37 đơn vị so với năm 2014; qua đó cho thấy, công tác đánh giá Chỉ số CCHC của UBND cấp xã toàn diện, thực tế hơn kết quả cải cách hành chính của đơn vị;

Mặc dù có 87,71% UBND cấp xã đạt loại xuất sắc và loại tốt nhưng công tác cải cách hành chính của một số UBND cấp xã hiện vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

Phần III

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2015 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2016 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2015

1. Những mặt làm được

Sau khi UBND tỉnh công bố kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2013, 2014, đã tác động tích cực đến công tác cải cách hành chính của các đơn vị, địa phương, Thủ trưởng các đơn vị đã có nhiều chỉ đạo quyết liệt, chấn chỉnh lại công tác cải cách hành chính từ khâu lập kế hoạch, bố trí nguồn lực, triển khai, tuyên truyền, kiểm tra cải cách hành chính, từ đó tạo ra chuyển biến tích cực trên các mặt cải cách và đạt được kết quả tốt hơn.

Triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2015 của các cơ quan, đơn vị tiếp tục tác động đến công tác CCHC như sau:

1.1. Đối với các cơ quan lãnh đạo, tham mưu thực hiện CCHC

- Đánh giá được mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2015 của các cơ quan, đơn vị đã cung cấp cho UBND tỉnh, các cơ quan tham mưu thực hiện công tác CCHC thông tin chuẩn xác, tương đối toàn diện kết quả, tình hình triển khai CCHC của các đơn vị trong năm 2015. Từ đó, đề ra các biện pháp chỉ đạo, điều hành; xác định các lĩnh vực CCHC trọng tâm cần tập trung chỉ đạo để nâng cao hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn tỉnh trong năm 2016 và các năm tiếp theo.

1.2. Đối với các cơ quan, đơn vị triển khai công tác CCHC

Qua kết quả CCHC năm 2015 đã giúp các đơn vị xác định được mặt tích cực, những tồn tại hạn chế trong công tác CCHC, từ đó đề ra những giải pháp khắc phục những hạn chế, từng bước nâng cao hiệu quả CCHC của mỗi đơn vị.

2. Những hạn chế, tồn tại

- Mặc dù công tác xác định Chỉ số CCHC đã được triển khai được 03 năm, tuy nhiên nhiều cơ quan, đơn vị còn lúng túng trong tổ chức thực hiện. Một số đơn vị, địa phương thực hiện chưa đạt yêu cầu thẩm định nên phải làm lại. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chưa chặt chẽ, thường xuyên nên ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, thu thập số liệu để đánh giá các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC.

- Một số đơn vị chưa quan tâm thực hiện nên kết quả triển khai chậm so với thời gian quy định. Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm sơ sài, không có tài liệu kiểm chứng, không theo hướng dẫn chung của Sở Nội vụ; do đó phải yêu cầu

hoàn thiện lại báo cáo, bổ sung tài liệu kiểm chứng nên ảnh hưởng đến tiến độ thời gian.

- Công tác đánh giá kết quả CCHC của UBND cấp xã năm 2015 có sự chênh lệch giữa các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa do chưa đồng bộ trong cách tính điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC của UBND cấp xã. Kết quả xác định Chỉ số CCHC của một số UBND cấp xã chưa hợp lý, chưa phản ánh thực tế kết quả công tác cải cách hành chính của đơn vị.

- Chưa có đủ nguồn lực (con người, kinh phí) để tiến hành điều tra xã hội học để tính điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2016 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

1. Công tác xác định chỉ số CCHC năm 2016

Công tác xác định Chỉ số CCHC tiếp tục được xác định là nhiệm vụ thường xuyên hàng năm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Các cơ quan, đơn vị quan tâm triển khai xác định Chỉ số CCHC đảm bảo các yêu cầu về nội dung, thời gian, hình thức báo cáo theo quy định.

Mặc dù Chỉ số CCHC của tỉnh Đồng Nai năm 2015 đã lượng hóa tương đối toàn diện các lĩnh vực theo chương trình cải cách hành chính của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2020 và được xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp hành chính, tuy nhiên các trọng tâm, nội dung, nhiệm vụ CCHC sẽ có sự thay đổi qua từng năm;

Từ cuối năm 2016, kết hợp đánh giá Chỉ số CHCC vào đánh giá công vụ, UBND tỉnh Đồng Nai sẽ tiếp tục giao cho Sở Nội vụ rà soát, điều chỉnh, bổ sung Chỉ số CCHC cho phù hợp, để triển khai đánh giá kết quả CCHC năm 2016; đồng thời làm tiêu chí để đánh giá công vụ cuối năm.

2. Công tác cải cách hành chính của các đơn vị.

Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2015 đề ra các giải pháp triển khai thực hiện công tác CCHC tại đơn vị. Trong đó, tập trung vào các nội dung sau:

2.1. Công tác Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, phát huy vai trò người đứng đầu đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC, cụ thể:

- Ban hành và triển khai hiệu quả, kịp thời kế hoạch CCHC của đơn vị; trong kế hoạch CCHC cần xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC theo chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh và bố trí kinh phí để triển khai thực hiện; xác định rõ thời hạn, phân công trách nhiệm thực hiện cho các phòng, ban, tổ chức bên trong của đơn vị.

- Thực hiện các báo cáo CCHC (báo cáo quý 1, báo cáo 06 tháng, 9 tháng và báo cáo năm) đầy đủ nội dung, đúng thời hạn quy định;
- Xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả các kế hoạch tuyên truyền, kiểm tra CCHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh;
- Gắn kết quả CCHC với công tác thi đua khen thưởng của đơn vị;
- Chủ động triển khai các giải pháp, sáng kiến về CCHC như: liên thông trong giải quyết TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp...
- Triển khai kịp thời, hiệu quả các chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về CCHC, nhất là hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại.

Riêng đối với UBND cấp huyện, tăng cường công tác chỉ đạo, lãnh đạo kiểm tra công tác CCHC của UBND cấp xã trực thuộc. Lãnh đạo UBND cấp huyện chịu trách nhiệm về kết quả triển khai công tác CCHC của UBND cấp xã trực thuộc.

2.2. Lĩnh vực Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Đối với các sở, ban, ngành: Chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản QPPL đúng thời hạn đang ký để kịp thời hoàn thiện các biện pháp quản lý, điều hành, cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị. Chủ động ban hành, triển khai kế hoạch (hoặc văn bản) rà soát văn bản QPPL kịp thời đăng ký vào chương trình ban hành văn bản QPPL trình UBND tỉnh phê duyệt, khắc phục tình trạng ban hành văn bản QPPL ngoài chương trình đã được phê duyệt;
- Đối UBND cấp huyện: Chủ động ban hành chương trình (hoặc kế hoạch) ban hành văn bản QPPL hàng năm để triển khai hiệu quả công tác ban hành văn bản QPPL của đơn vị; Chủ động xây dựng, triển khai kịp thời, hiệu quả công tác rà soát văn bản QPPL hàng năm của đơn vị.

2.3. Lĩnh vực Cải cách Thủ tục hành chính

- Xây dựng và triển khai hiệu quả, kịp thời kế hoạch kiểm soát TTHC của đơn vị; tập trung rà soát tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kịp thời Bộ THHC thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của đơn vị. Thực hiện đầy đủ các quy định tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị người dân về TTHC;
- Thực hiện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Website của đơn vị;
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 61/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015;
- Mở rộng liên thông giải quyết TTHC trong các lĩnh vực: Đất đai, tư pháp, đầu tư, đăng ký kinh doanh; thực hiện liên thông trong các lĩnh vực: Xây dựng, Lao động Thương binh và Xã hội và các lĩnh vực khác khi đủ điều kiện;

- Các đơn vị, địa phương tập trung giải quyết TTHC đúng quy định, khắc phục tình trạng trễ hạn giải quyết hồ sơ của tổ chức và cá nhân trên địa bàn.

2.4. Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy

- Tăng cường công tác rà soát chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các phòng ban, tổ chức nội bộ bên trong đảm bảo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị không chồng chéo;

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý do Trung ương và UBND tỉnh ban hành.

2.5. Lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Thực hiện việc tuyển dụng, bố trí công tác, đào tạo, bồi dưỡng CCVC theo đúng vị trí việc làm đã xây dựng; thực hiện hiệu quả tình giản biên chế theo chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh;

- Xây dựng và triển khai hiệu quả, kịp thời kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm nhằm nâng cao tỷ lệ: Công chức đảm bảo quy định của vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch; viên chức đảm bảo quy định của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp; nâng cao tỷ lệ công chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm với thời gian tối thiểu 1 tuần/1 năm.

2.6. Lĩnh vực Cải cách tài chính công

- Tiếp tục phát huy kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để tăng thu nhập tiết kiệm, cải thiện đời sống cho công chức;

- Triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

2.7. Lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính

- Xây dựng và triển khai hiệu quả, kịp thời kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm của đơn vị;

- Nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm một cửa hiện đại; thực hiện luân chuyển hồ sơ liên thông trên phần mềm trên cơ sở kết nối phần mềm một cửa với phần mềm của các ngành đất đai, tư pháp, đầu tư...

- Đẩy nhanh tiến độ trao đổi văn bản điện tử (thay thế hoàn toàn văn bản giấy) giữa các cơ quan hành chính và trong nội bộ theo lộ trình chung của tỉnh;

- Triển khai cung cấp tất các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, một số dịch vụ công ở mức độ 3, 4 để nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp;

- Kiện toàn trang Thông tin điện tử của đơn vị để đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin của người dân và doanh nghiệp./.